

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH SƯ PHẠM TOÁN HỌC**
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Đắk Lắk, tháng 10 - 2021

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO NGÀNH SƯ PHẠM TOÁN HỌC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1155/QĐ-ĐHTN-TCCB ngày 22 tháng 6 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)*

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1.	TS. Nguyễn Thanh Trúc	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2.	PGS.TS. Nguyễn Văn Nam	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
3.	TS. Nguyễn Văn Bồng	Phó Trưởng khoa (PTC)	Phó Chủ tịch HĐ	
4.	ThS. Dương Quốc Huy	Phó trưởng BM Toán	Thư ký	
5	TS. Phạm Hữu Khánh	PTP. Đào tạo Đại học Đại diện	Thành viên	
6.	PGS. TS. Lê Đức Niêm	Chủ tịch Hội đồng trường	Thành viên	
7.	PGS. TS. Nguyễn Phương Đại Nguyên	Hội đồng KH&ĐT	Thành viên	
8.	ThS. Huỳnh Văn Quốc	TP. Quản lý chất lượng	Thành viên	
9.	TS. Nguyễn Đình Sỹ	PTP. KH&QHQT	Thành viên	
10.	ThS. Phạm Quốc Duy	PTP. Cơ sở vật chất	Thành viên	
11.	ThS. Ngô Thị Hiếu	PTP. Tổ chức cán bộ	Thành viên	
12.	TS. Phạm Trọng Lượng	TP. Công tác sinh viên	Thành viên	

13.	TS. Lê Minh Tân	Trưởng BM Vật lý	Thành viên	
14.	TS. Ngũ Trường Nhân	Phó trưởng BM Hóa	Thành viên	
15.	TS. Ngô Đình Quốc	Giảng viên BM Toán	Thành viên	
16.	TS. Trần Thanh Tùng	Giảng viên BM Toán	Thành viên	
17.	ThS. Nguyễn Ngọc Huệ	Giảng viên BM Toán	Thành viên	
18.	ThS. Mai Quốc Vũ	Giảng viên BM Toán	Thành viên	
19.	ThS. Đinh Thị Xinh	Giảng viên BM Toán	Thành viên	
20.	ThS. Nguyễn Thị Phương Đông	Giảng viên BM Toán	Thành viên	
21.	SV. Lương Thị Nguyệt	SV. SP Toán K2018	Thành viên	

(Danh sách gồm: 21 người)

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
MỤC LỤC	1
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	4
PHẦN I. KHÁI QUÁT	7
1. Đặt vấn đề.....	7
2. Tổng quan chung.....	10
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ.....	15
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	15
<i>Mở đầu</i>	<i>15</i>
Tiêu chí 1.1.....	16
Tiêu chí 1.2.....	18
Tiêu chí 1.3.	21
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1.....</i>	<i>23</i>
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo.....	23
<i>Mở đầu</i>	<i>23</i>
Tiêu chí 2.1.....	24
Tiêu chí 2.2.....	25
Tiêu chí 2.3.....	27
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2.....</i>	<i>29</i>
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	29
<i>Mở đầu</i>	<i>29</i>
Tiêu chí 3.1.....	30
Tiêu chí 3.2.	32
Tiêu chí 3.3.....	35
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3.....</i>	<i>37</i>
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	38
<i>Mở đầu</i>	<i>38</i>
Tiêu chí 4.1.....	38
Tiêu chí 4.2.....	40
Tiêu chí 4.3.....	43
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4.....</i>	<i>45</i>

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học.....	45
<i>Mở đầu</i>	<i>45</i>
Tiêu chí 5.1.....	45
Tiêu chí 5.2.....	47
Tiêu chí 5.3.....	49
Tiêu chí 5.4.....	51
Tiêu chí 5.5.....	53
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5.....</i>	<i>54</i>
Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	54
<i>Mở đầu</i>	<i>54</i>
Tiêu chí 6.1.....	55
Tiêu chí 6.2.....	56
Tiêu chí 6.3.....	58
Tiêu chí 6.4.....	60
Tiêu chí 6.5.....	62
Tiêu chí 6.6.....	63
Tiêu chí 6.7.....	65
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 6.....</i>	<i>67</i>
Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên	67
<i>Mở đầu</i>	<i>67</i>
Tiêu chí 7.1.....	67
Tiêu chí 7.2.....	69
Tiêu chí 7.3.....	70
Tiêu chí 7.4.....	72
Tiêu chí 7.5.....	74
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 7.....</i>	<i>75</i>
Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học	75
<i>Mở đầu</i>	<i>75</i>
Tiêu chí 8.1.....	75
Tiêu chí 8.2.....	78
Tiêu chí 8.3.....	80
Tiêu chí 8.4.....	82

Tiêu chí 8.5.....	84
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 8.....</i>	86
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị	86
<i>Mở đầu</i>	86
Tiêu chí 9.1.....	87
Tiêu chí 9.2.....	92
Tiêu chí 9.3.....	95
Tiêu chí 9.4.....	96
Tiêu chí 9.5.....	98
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 9.....</i>	100
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng	101
<i>Mở đầu</i>	101
Tiêu chí 10.1.....	101
Tiêu chí 10.2.....	103
Tiêu chí 10.3.....	106
Tiêu chí 10.4.....	108
Tiêu chí 10.5.....	110
Tiêu chí 10.6.....	112
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 10.....</i>	114
Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra.....	114
<i>Mở đầu</i>	114
Tiêu chí 11.1.....	114
Tiêu chí 11.2.....	116
Tiêu chí 11.3.	118
Tiêu chí 11.4.....	120
Tiêu chí 11.5.....	122
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 11.....</i>	124
PHẦN III. KẾT LUẬN.....	125
PHẦN IV. PHỤ LỤC.....	141

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TT	CHỮ CÁI VIẾT TẮT	TÊN ĐẦY ĐỦ
1	ANTT	An ninh trật tự
2	BĐCL	Bảo đảm chất lượng
3	BLQ	Bên liên quan
4	BM	Bộ môn
5	CB	Cán bộ
6	CBVC	Cán bộ viên chức
7	CĐ	Cao đẳng
8	CĐR	Chuẩn đầu ra
9	CLĐT	Chất lượng đào tạo
10	CNTT	Công nghệ thông tin
11	CSDL	Cơ sở dữ liệu
12	CSGD	Cơ sở giáo dục
13	CSVC	Cơ sở vật chất
14	CTDH	Chương trình dạy học
15	CTĐT	Chương trình đào tạo
16	CVHT	Cổ vấn học tập
17	ĐCCT	Đề cương chi tiết
18	ĐHSP	Đại học sư phạm
19	ĐHTN	Đại học Tây Nguyên

20	ĐTĐH	Đào tạo đại học
21	ĐVSDLĐ	Đơn vị sử dụng lao động
22	GDĐT	Giáo dục và Đào tạo
23	GDDH	Giáo dục đại học
24	GV	Giảng viên
25	HP	Học phần
26	KH-QHQT	Khoa học và Quan hệ quốc tế
27	KHĐT	Khoa học đào tạo
28	KHTN-CN	Khoa học Tự nhiên và Công nghệ
29	KQHT	Kết quả học tập
30	KTĐG	Kiểm tra đánh giá
31	KTSP	Kiến tập sư phạm
32	NCKH	Nghiên cứu khoa học
33	NCS	Nghiên cứu sinh
34	NCV	Nghiên cứu viên
35	NH	Người học
36	NV	Nhân viên
37	NVSP	Nghiệp vụ sư phạm
38	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
39	PPGD	Phương pháp giảng dạy
40	PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
41	QLCL	Quản lý chất lượng

42	SV	Sinh viên
43	TC	Tín chỉ
44	THCS	Trung học cơ sở
45	THPT	Trung học phổ thông
46	TTSP	Thực tập sư phạm
47	VLVH	Vừa làm vừa học
48	YKPH	Ý kiến phản hồi

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

Trường Đại học Tây Nguyên (ĐHTN) được thành lập theo Quyết định số 298/CP ngày 11/11/1977 của Hội đồng Chính phủ với nhiệm vụ đào tạo cán bộ có trình độ đại học phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội toàn vùng Tây Nguyên. Trong suốt gần 45 năm qua, Trường ĐHTN đã có những đóng góp to lớn vào sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội của các tỉnh Tây Nguyên nói riêng và cả nước nói chung.

Khoa Khoa học Tự nhiên và Công nghệ (KHTN-CN) được thành lập theo Quyết định Số 1577/QĐ-ĐHTN-TCCB ngày 19/12/2008 của Hiệu trưởng trường ĐHTN trên cơ sở tách ra từ khoa Sư phạm. Hiện nay, Khoa KHTN-CN đang đào tạo 8 chuyên ngành trình độ đại học (Sư phạm Toán học, Sư phạm Vật lý, Sư phạm Hóa học, Sư phạm Sinh học, Sinh học, Cử nhân Sinh học, Cử nhân công nghệ thông tin (CNTT) và Cử nhân Công nghệ môi trường) và 3 chuyên ngành trình độ thạc sĩ (Toán giải tích, Sinh học thực nghiệm, Vật lý lý thuyết và Vật lý toán).

Tự đánh giá chương trình đào tạo (CTĐT) là một khâu quan trọng trong việc bảo đảm chất lượng (BĐCL) giáo dục và đào tạo cũng như trong việc xây dựng văn hóa chất lượng bên trong cơ sở giáo dục đại học (GDĐH). Khoa KHTN-CN đã và đang áp dụng nhiều biện pháp nhằm duy trì và nâng cao chất lượng các CTĐT mà khoa đảm nhiệm. Trường ĐHTN đã đăng ký tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành Sư phạm Toán học theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/03/2016 của Bộ Giáo dục và đào tạo (Bộ GDĐT) và Hướng dẫn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/06/2016 của Cục Khảo thí & Kiểm định chất lượng giáo dục (CLGD).

Trong quá trình triển khai công việc, Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Sư phạm Toán học căn cứ vào các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GDĐT để tiến hành xem xét, tự đánh giá và báo cáo về thực trạng chất lượng CTĐT đại học ngành Sư phạm Toán học nhằm chỉ ra những mặt mạnh và mặt yếu cần khắc phục, từ đó đề ra các biện pháp điều chỉnh nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo đã đề ra. Bên cạnh đó, việc tự đánh giá CTĐT còn là cơ sở cho công tác đánh giá ngoài của các cơ quan chức năng.

Thực hiện công tác tự đánh giá CTĐT ngành Sư phạm Toán học, Hội đồng tự đánh giá bao gồm các thành viên là đại diện của Lãnh đạo trường, Khoa, các phòng

chức năng, đại diện giảng viên (GV) có uy tín tham gia các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học (NCKH) có liên quan đến CTĐT ngành Sư phạm Toán học; đại diện sinh viên (SV) của CTĐT ngành Sư phạm Toán học.

Nội dung chính của báo cáo tự đánh giá ngành Sư phạm Toán học gồm có 4 phần, cụ thể như sau:

Phần I. Khái quát

Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí. Đây là phần tự đánh giá các tiêu chuẩn, tiêu chí, cụ thể gồm có:

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Tiêu chuẩn 6. Chất lượng đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên

Tiêu chuẩn 7. Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ

Tiêu chuẩn 8. Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Phần III. Kết luận

Phần IV. Phụ lục

Về phương pháp mã hóa minh chứng, trong báo cáo này, mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức Hn.ab.cd.ef. Trong đó, H là viết tắt “Hộp minh chứng”, n là số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên), ab là số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10), cd là số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01), ef là số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí.

Báo cáo tự đánh giá ngành Sư phạm Toán học nhằm xác định một cách rõ ràng những điểm mạnh và những hạn chế để đề ra các biện pháp khắc phục phù hợp. Mục đích cuối cùng của tự đánh giá CTĐT lần này là để nâng cao chất lượng CTĐT ngành

Sư phạm Toán học thuộc Khoa KHTN-CN và các hoạt động NCKH, đăng ký kiểm định chất lượng.

Báo cáo xác định phạm vi tự đánh giá CTĐT ngành Sư phạm Toán học thuộc Khoa KHTN-CN của trường ĐHTN từ năm 2016 đến năm 2020.

Bộ công cụ đánh giá được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT gồm 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016.

Hội đồng tự đánh giá được thành lập theo Quyết định số 1155/QĐ-ĐHTN ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng trường ĐHTN. Hội đồng gồm có 21 thành viên. Có 7 thành viên thuộc Ban Thư ký và có 5 nhóm công tác chuyên trách được thành lập để giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá.

Phương pháp đánh giá được thực hiện theo quy trình tự đánh giá CTĐT của Trường ĐHTN với các tiêu chuẩn, tiêu chí theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ngày 14/03/2016.

Đối với mỗi tiêu chí đánh giá CTĐT được tiến hành xem xét theo trình tự sau:

- 1) Mô tả thực trạng;
- 2) Phân tích, giải thích, so sánh để đưa ra những nhận định đánh giá, chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu hoặc hạn chế, thiếu sót;
- 3) Lên kế hoạch hành động nhằm phát huy những điểm mạnh, khắc phục những hạn chế, thiếu sót để cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT.

Báo cáo tự đánh giá này được thực hiện theo quy trình tự đánh giá 9 bước, cụ thể như sau:

Bước 1: Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá;

Bước 2: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách;

Bước 3: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm;

Bước 4: Thu thập thông tin và minh chứng;

Bước 5: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;

Bước 6: Viết báo cáo tự đánh giá;

Bước 7: Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá tổng thể;

Bước 8: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Khoa và Trường để đọc và góp ý kiến;

Bước 9: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

2. Tổng quan chung

2.1. Trường Đại học Tây Nguyên

Trường ĐHTN được thành lập theo Quyết định số 298/CP ngày 11/11/1977 của Hội đồng Chính phủ. Hiện nay, Trường ĐHTN đã xác định:

- *Về tầm nhìn*: “Đến năm 2030, Trường Đại học Tây Nguyên là trường đại học đào tạo đa lĩnh vực, có uy tín, chất lượng; là trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ mang tầm quốc gia trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, nông - lâm nghiệp, môi trường, kinh tế, tự nhiên và xã hội; đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có trình độ và kỹ năng đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội”.

- *Về sứ mạng*: “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc”.

- *Về giá trị cốt lõi*: “Sáng tạo trong học tập và nghiên cứu khoa học; Chất lượng giáo dục là mục tiêu hàng đầu; Hội nhập và hợp tác quốc tế là giá trị cho sự phát triển”.

- *Về mục tiêu chiến lược*: “Xây dựng đội ngũ nhân lực có chuyên môn cao, cơ sở vật chất hiện đại, chương trình đào tạo tiên tiến; Không ngừng hiện đại hóa, chuyên nghiệp hóa hoạt động quản trị Nhà trường; Kết quả đào tạo, nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của thị trường; Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc”.

- *Về triết lý giáo dục*: “Phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực người học”.

Sau chiến thắng lịch sử mùa xuân năm 1975 và thống nhất đất nước, sự ra đời của Trường ĐHTN là một tất yếu lịch sử phù hợp thống nhất giữa chủ trương của Đảng và Nhà nước ta với nguyện vọng thiết tha của nhân dân các dân tộc Tây Nguyên. Những bước phát triển của trường đã trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm gắn liền với sự nghiệp phát triển GDĐT cùng với sự phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội của nước ta.

Khi mới thành lập, Trường ĐHTN chỉ có 06 bộ phận đảm nhiệm các công tác về Đảng, tổ chức, tuyển sinh, tài vụ, cơ sở vật chất (CSVN) và 04 khoa chuyên môn với 06 ngành đào tạo, bao gồm: Chăn nuôi thú y, Lâm sinh, Trồng trọt, Sư phạm Toán, Sư

phạm Văn và Y đa khoa, với đội ngũ 98 cán bộ, GV và 215 SV; CSVC còn nghèo nàn, chưa có hoạt động NCKH.

Giai đoạn 1979-1985: Cơ cấu Nhà trường gồm 06 phòng ban chức năng, 04 khoa chuyên môn và Bộ môn (BM) trực thuộc với đội ngũ 236 người (trong đó 136 GV) vào năm 1980, 334 người (140 GV) vào năm 1985 và tuyển sinh được 180 SV/năm. Các đề tài nghiên cứu trong giai đoạn này có tính thực tiễn cao, tập trung vào nghiên cứu đặc điểm con người, điều kiện tự nhiên, tiềm năng kinh tế của các tỉnh Tây Nguyên,... góp phần làm căn cứ khoa học cho việc hoạch định chính sách phát triển kinh tế xã hội vùng Tây Nguyên; NCKH luôn gắn với chuyển giao kỹ thuật, như đề tài “Nghiên cứu sản xuất thuốc tăng trọng SMG” được các cơ sở sản xuất đặt hàng.

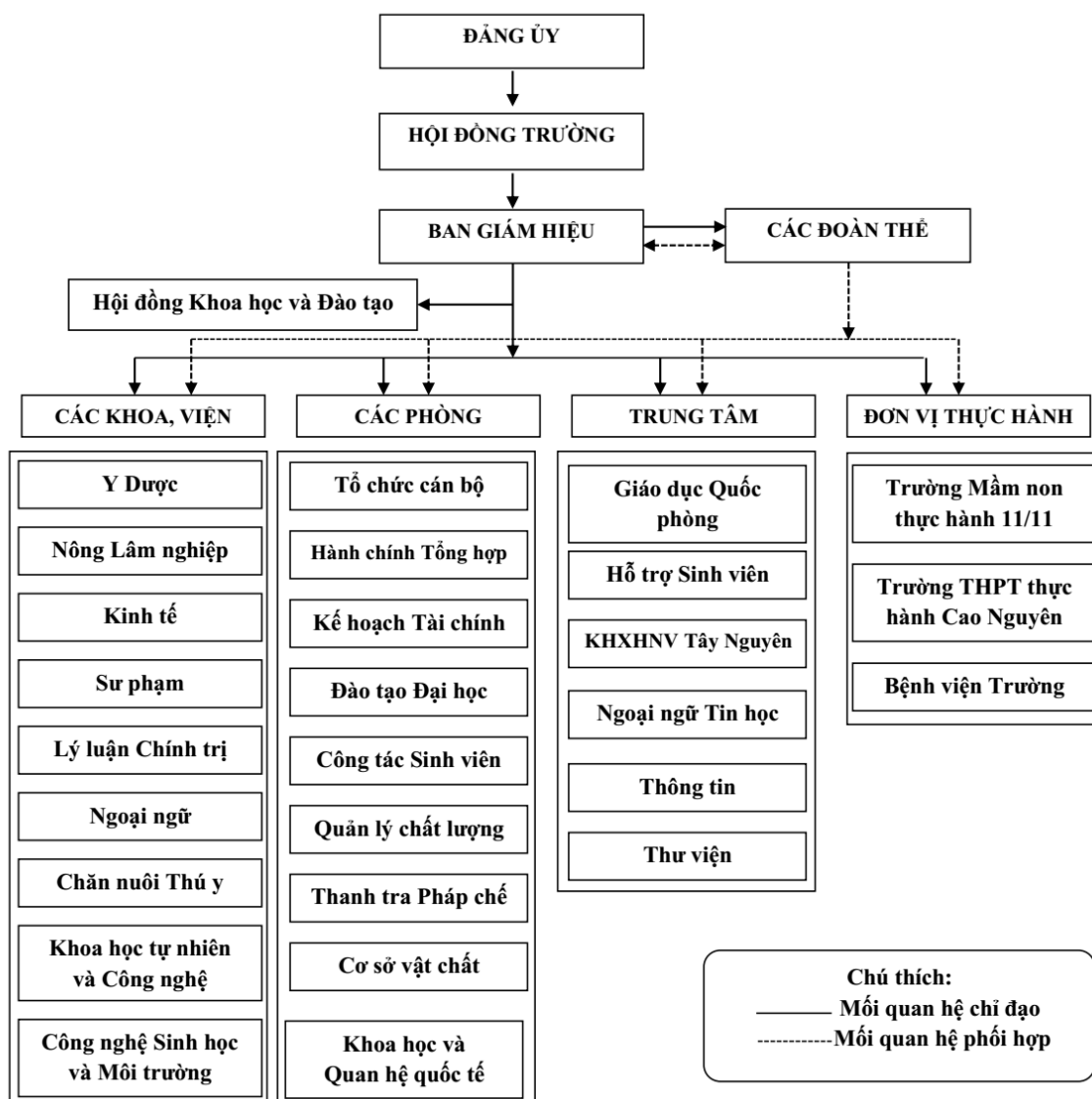
Giai đoạn 1986-2001: Cơ cấu Nhà trường gồm có 04 phòng chức năng, 05 khoa đào tạo và 01 BM. CTĐT được thực hiện từ 4 đến 4,5 năm đối với cử nhân sư phạm, kỹ sư các ngành và 06 năm đối với bác sĩ đa khoa.

Giai đoạn 2002 - 2021: Nhà trường đã có sự phát triển rõ rệt qua gần 45 năm xây dựng và phát triển. Bộ máy tổ chức Nhà trường gồm: Đảng ủy, Ban giám hiệu, Hội đồng trường. Nhà trường hiện có 9 phòng chức năng, 8 khoa đào tạo, 01 trường THPT, 01 trường mầm non, 01 Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn, 01 Thư viện, 01 Bệnh viện, 01 Viện nghiên cứu, 01 Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, 01 Trung tâm Giáo dục quốc phòng an ninh, 01 Trung tâm thông tin và 01 Trung tâm hỗ trợ SV. Đến nay, Trường ĐHTN đã triển khai hơn 32 dự án quốc tế. Các dự án đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của địa phương trong nâng cao hiệu quả sản xuất, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, xóa đói giảm nghèo cho một bộ phận không nhỏ người dân địa phương và đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số ở các vùng sâu, vùng xa và đào tạo một số lượng lớn cán bộ kỹ thuật, CGCN, tạo điều kiện nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại chỗ, góp phần phát triển kinh tế xã hội một cách bền vững. Ký kết 18 biên bản hợp tác và ghi nhớ với đối tác quốc tế là các trường, viện nghiên cứu hàng đầu của các nước có trình độ KHCN tiên tiến, hiện đại như Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc, Hà Lan... Đặc biệt, từ năm 2008 Nhà trường đã tiếp nhận đào tạo, hướng dẫn thực tập cho SV nước ngoài như: Lào, Mexico, Pháp, Đức, Hàn Quốc, ...

Với những thành tựu đạt được, Trường ĐHTN đã được tặng nhiều danh hiệu cao quý như: Huân chương lao động hạng Ba (năm 1985), Huân chương lao động hạng Nhì (năm 1997), Huân chương lao động hạng Nhất (năm 2007), Huân chương

Độc lập hạng Ba (năm 2012) và nhiều Bằng khen của Hội đồng Bộ trưởng, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

Cơ cấu tổ chức hiện tại của Trường ĐHTN được thể hiện theo sơ đồ dưới đây:



Nhà trường hiện đang đào tạo 04 chuyên ngành tiến sĩ, 11 ngành thạc sĩ, 01 ngành chuyên khoa cấp I, 36 chuyên ngành đại học và 09 chuyên ngành liên thông từ cao đẳng lên đại học hệ chính quy và 19 chuyên ngành hệ vừa làm vừa học (VLVH), 09 chuyên ngành liên thông từ trung cấp lên đại học hệ chính quy và 10 chuyên ngành ở hệ VLVH với quy mô gần 10.000 người gồm nghiên cứu sinh (NCS), học viên cao học, SV và học sinh (hệ chính quy và hệ VLVH).

2.2. Khoa Khoa học Tự nhiên và Công nghệ

Khoa KHTN-CN được thành lập theo Quyết định số 1577/QĐ-ĐHTN-TCCB ngày 19/12/2008 của Hiệu trưởng trường ĐHTN, trên cơ sở tách ra từ Khoa Sư phạm - là một trong 4 khoa được thành lập ngay từ những ngày đầu thành lập trường

ĐHTN. Ban đầu Khoa có 5 BM: Toán học, Vật lý, Hoá học, Sinh học, Tin học, đào tạo 5 chuyên ngành bậc đại học: Sư phạm Toán học, Sư phạm Vật lý, Sư phạm Hóa học, Sư phạm Sinh học và Cử nhân CNTT. Đến tháng 04 năm 2020, Khoa có 6 BM: Toán học, Vật lý, Hoá học, Sinh học, CNTT và Công nghệ kỹ thuật môi trường, tham gia đào tạo 8 chuyên ngành bậc đại học và 3 chuyên ngành bậc cao học. Cùng với quá trình phát triển của Trường, Khoa KHTN-CN đã đạt được nhiều thành tựu trong giáo dục và đào tạo gắn liền với sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo cùng với sự phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội của Tây Nguyên nói riêng và cả nước nói chung.

Hiện nay khoa KHTN-CN có 66 cán bộ, viên chức, trong đó 2 cán bộ có học hàm phó giáo sư, 15 cán bộ có học vị tiến sĩ, 46 cán bộ là thạc sĩ, 5 cán bộ có trình độ cử nhân, 1 kĩ sư và 1 kỹ thuật viên có trình độ cao đẳng. Ban chủ nhiệm Khoa hiện nay có 2 thầy cô. Trưởng khoa là TS. Nguyễn Văn Bồng phụ trách điều hành chung các công việc của Khoa. Trực tiếp phụ trách các mảng công tác về chính trị tư tưởng; công tác cán bộ; công tác đối ngoại; công tác thi đua khen thưởng; công tác đào tạo Đại học (ĐTĐH), Sau đại học; công tác khoa học; công tác mở ngành đào tạo; trực tiếp chỉ đạo các BM: Toán học, Vật lý, CNTT; Chỉ đạo công tác Công đoàn, Đoàn thanh niên, Liên chi Hội SV Khoa. Phó trưởng khoa là TS. Phạm Hữu Khánh cùng với Trưởng khoa xây dựng, bổ sung và tổ chức triển khai thực hiện các kế hoạch hoạt động của Khoa, chịu trách nhiệm trước Chi ủy và Lãnh khoa về các mặt được phân công. Trực tiếp phụ trách các vấn đề về công tác cố vấn học tập và quản lý SV, công tác CSVC, công tác BDCL, tự đánh giá các CTĐT, chỉ đạo công tác biên soạn sách, giáo trình, bài giảng; trực tiếp chỉ đạo các BM: Sinh học, Hóa học và Công nghệ kỹ thuật môi trường.

1.2.3. Bộ môn Toán

Bộ môn Toán được thành lập cùng với Trường ĐHTN vào tháng 11 năm 1977 là đơn vị trực thuộc Khoa Sư phạm, với nhiệm vụ đào tạo giáo viên dạy Toán ở các trường phổ thông và giảng dạy Toán cho SV thuộc các ngành khác của trường ĐHTN. Năm 1982, Khoa Sư phạm được Bộ Đại học - THCN và Đào tạo điều động chuyển sang đại học Đà Lạt. Một số thầy cô đã chuyển sang Trường Đại học Đà Lạt và các nơi khác. Còn 6 thầy cô giảng dạy Toán ở lại BM Toán thuộc Khoa Khoa học cơ bản, giảng dạy toán cho các ngành Nông, Lâm, Y học.

Năm 1996, tái thành lập Khoa Sư phạm và BM Toán được mở ngành Sư phạm Toán - Tin. Năm 1998 thành lập BM Toán-Tin và năm 2004 BM Toán-Tin được tách thành BM Toán và BM Tin. Từ năm 2003, bắt đầu đào tạo Sư phạm Toán học. Cùng với sự phát triển của Trường, BM Toán đã phát triển nhiều cả về quy mô và chất lượng đào tạo (CLĐT).

Năm 2013, BM Toán được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ, chuyên ngành Toán Giải tích. Để hoàn thành tốt các nhiệm vụ trong tình hình mới, các cán bộ của BM Toán luôn chú trọng học tập để nâng cao trình độ chuyên môn và các hoạt động NCKH. Hiện nay, BM Toán có 13 cán bộ giảng dạy gồm 6 tiến sĩ, 3 NCS và 4 thạc sĩ, trong đó có 01 Trưởng BM và 01 Phó trưởng BM.

Qua quá trình nghiên cứu bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GDĐT ban hành và các văn bản hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng, Hội đồng TĐG, Ban thư ký và các nhóm công tác đã phân tích các tiêu chí, thu thập và xử lý minh chứng, viết các phiếu đánh giá tiêu chí, dự thảo báo cáo TĐG, nghe ý kiến tư vấn của các chuyên gia, thảo luận và chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá CTĐT của ngành Sư phạm Toán học. Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Sư phạm Toán học đã mô tả rõ ràng và đầy đủ các hoạt động của quá trình tự đánh giá CTĐT, trong đó đã chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại, đưa ra kế hoạch hành động để tiếp tục duy trì mặt mạnh và các giải pháp khắc phục các mặt còn tồn tại của CTĐT ngành Sư phạm Toán học. Trên cơ sở đó, chúng tôi đã tự đánh giá mức độ đạt yêu cầu của các tiêu chí. Kết quả tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí được trình bày trong phần II.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Toán học mà tiền thân là CTĐT ngành Sư phạm Toán Tin, là một trong các CTĐT Đại học Sư phạm (ĐHSP) đầu tiên của Trường ĐHTN, được giao cho Khoa Sư phạm chủ trì đào tạo từ năm 1977 và quản lý trực tiếp là BM (BM) Toán tin. Đến năm 2004, BM Toán tin chính thức được tách riêng thành BM Toán và BM Tin, trong đó BM Toán phụ trách việc quản lý đào tạo ngành Sư phạm Toán học.

Kể từ năm 2008, Khoa KHTN-CN được thành lập theo Quyết định số 1577/QĐ-ĐHTN-TCCB ngày 19 tháng 12 năm 2008, quản lý các BM gồm Toán học, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học. Từ đó cho đến nay ngành Sư phạm Toán học trực thuộc sự quản lý của Khoa KHTN-CN mà trực tiếp là BM Toán. CTĐT ngành Sư phạm Toán học học được xây dựng trên cơ sở các quy định của Bộ GDĐT, các quy định cũng như hướng dẫn của Trường ĐHTN. Trải qua một thời gian dài đào tạo, CTĐT ngành Sư phạm Toán học liên tục được điều chỉnh và ngày càng trở nên hoàn thiện. Chúng ta có thể thấy rõ điều này khi xem xét CTĐT trong 5 năm gần đây, từ năm 2016 đến năm 2020.

Trước khi xây dựng CTĐT, BM Toán hợp để thống nhất đưa ra mục tiêu và chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT vì đây là hai nội dung cốt lõi nhất của toàn bộ CTĐT.

Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHTN và phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học (GDĐH) được quy định tại Luật GDĐH hiện hành.

Trên cơ sở mục tiêu của CTĐT, BM Toán xây dựng CĐR một cách rõ ràng, đầy đủ, bao quát được các yêu cầu chung cũng như yêu cầu chuyên biệt mà sinh SV ngành Sư phạm Toán học cần đạt được sau khi tốt nghiệp. Ngoài việc tuân thủ các quy định của Bộ GDĐT, của Trường ĐHTN, CĐR cũng được xây dựng trên cơ sở tham khảo các ý kiến đóng góp của các Sở GDĐT, các trường trung học phổ thông (THPT) và các giáo viên, GV toán. Khoa định kì tiến hành rà soát, điều chỉnh CĐR nhằm không ngừng hoàn thiện và nâng cao CLĐT, đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục. CĐR được công bố công khai cho người học (NH), GV và các đơn vị tuyển dụng thông qua nhiều kênh khác nhau.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

1. Mô tả

Mục tiêu của CTĐT ngành Sư phạm Toán học được xác định đầy đủ, rõ ràng, bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể. Mục tiêu chung là “Đào tạo Cử nhân Sư phạm Toán học có kiến thức, kỹ năng và phẩm chất cần thiết để trở thành giáo viên dạy tốt môn toán trong các trường trung học cơ sở (THCS), THPT và các trường chuyên nghiệp; có khả năng thích ứng với việc đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy (PPGD) của Bộ GDĐT, có năng lực làm việc độc lập; có thể tự học, tự đào tạo và học lên các bậc học cao hơn để nghiên cứu Toán học và Khoa học giáo dục” [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]. Các mục tiêu này được cụ thể nhằm đạt được các giá trị cốt lõi sau đây:

- Về kiến thức: Cung cấp các kiến thức nền tảng của Toán học và kiến thức chuyên sâu một số lĩnh vực của Toán học để NH vận dụng được vào giảng dạy và nghiên cứu Toán học; cung cấp các kiến thức cơ bản về Triết học, về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam gắn với thực tiễn. Đồng thời, trang bị những kiến thức cơ bản về Nhà nước và Pháp luật Việt Nam, về chính sách quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; Cung cấp kiến thức cơ bản về Tâm lý học, Giáo dục học, Lý luận dạy học và kiến thức chuyên sâu về Phương pháp dạy học môn Toán ở trường phổ thông; trang bị kiến thức cơ bản về khởi nghiệp như nhận thức và ý tưởng khởi nghiệp, lập kế hoạch và triển khai thực hiện ý tưởng khởi nghiệp; qua đó thúc đẩy tinh thần dám nghĩ, dám làm trong việc chọn nghề, lập nghiệp [H1.01.01.01], [H1.01.01.03].

- Về kỹ năng, thái độ: Đào tạo NH có kỹ năng chuyển đổi từ quá trình được đào tạo thành quá trình tự đào tạo để tự học, tự đổi mới, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời. Trang bị và rèn luyện NH có kiến thức và kỹ năng cơ bản về kỹ năng mềm như giao tiếp, xác lập mục tiêu và làm việc nhóm, tư duy tích cực và sáng tạo, tổ chức công việc và quản lý thời gian; qua đó giúp SV áp dụng được các kỹ năng này vào trong học tập, trong công việc tổ chức và điều khiển lớp học, phát hiện và giải quyết vấn đề cũng như trong các hoạt động xã hội khác. Rèn luyện NH có sức khỏe, có đạo đức tốt, có trách

nhiệm nghề nghiệp và có tác phong mẫu mực của người giáo viên [H1.01.01.01], [H1.01.01.03].

- Về trình độ ngoại ngữ, tin học: Đào tạo Tiếng Anh để NH có khả năng sử dụng trong giao tiếp hàng ngày, trong học tập và nghiên cứu tài liệu Toán bằng Tiếng Anh. Cung cấp các kiến thức cơ bản về CNTT phục vụ học tập, giảng dạy và nghiên cứu toán học [H1.01.01.01], [H1.01.01.03].

Các mục tiêu trên được cập nhật và điều chỉnh thường xuyên qua các cuộc họp của BM Toán [H1.01.01.02], [H1.01.01.03], hội đồng Khoa học đào tạo (KHĐT) của Khoa KHTN-CN [H1.01.01.04], hội đồng KHĐT của Trường ĐHTN [H1.01.01.05] và được thể hiện một cách chi tiết trong các CTĐT. Các mục tiêu này phù hợp với sứ mạng *“Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc”* và tầm nhìn *“Đến năm 2030, Trường Đại học Tây Nguyên là trường đại học đào tạo đa lĩnh vực, có uy tín, chất lượng; là trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ mang tầm quốc gia trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, nông - lâm nghiệp, môi trường, kinh tế, tự nhiên và xã hội; đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có trình độ và kỹ năng đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội”* của Trường ĐHTN [H1.01.01.06]. Bên cạnh đó, mục tiêu của CTĐT ngành cũng hoàn toàn phù hợp với mục tiêu của Luật GDĐH [H1.01.01.07].

Với mục tiêu rõ ràng, CTĐT ngành Sư phạm Toán học được các nhà khoa học, các GV có kinh nghiệm, các nhà quản lý trong và ngoài BM, Khoa tham gia xây dựng một cách bài bản, thể hiện rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý và có hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, yêu cầu về năng lực mà NH có thể đạt được sau khi tốt nghiệp [H1.01.01.08], [H1.01.01.09]. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa bằng các nội dung quy định về kiến thức, kỹ năng và thái độ của SV được đào tạo thể hiện trong Mục tiêu cụ thể và CDR của chương trình. CTĐT của ngành Sư phạm Toán học cũng được bổ sung thêm Bản mô tả CTĐT, Đề cương chi tiết (ĐCCT) các môn học và ma trận các kỹ năng trong CTĐT [H1.01.01.01], [H1.01.01.09]. CTĐT của ngành cũng đã được tiến hành rà soát, điều chỉnh gần đây nhất là vào năm 2020 [H1.01.01.01], đã làm rõ mục tiêu đào tạo, cập nhật các nội dung mới nhất của chuyên ngành Sư phạm Toán học, đối sánh với các CTĐT ngành Sư phạm Toán học ở các trường trong nước, phù hợp với thực tế [H1.01.01.02]. CTĐT cũng được cập nhật, bổ sung dựa trên Kế

hoạch chiến lược phát triển trường ĐHTN giai đoạn 2020-2027, tầm nhìn 2035 [H1.01.01.10] và được cụ thể hóa bằng kế hoạch tổ chức đánh giá, sửa đổi, cập nhật CTĐT vào năm 2020 của Trường [H1.01.01.11].

Mục tiêu của CTĐT ngành Sư phạm Toán học được phổ biến rộng rãi dưới nhiều hình thức khác nhau như sổ tay SV, qua các phương tiện thông tin của Trường, của Khoa để cho NH, cựu NH, GV và các nhà tuyển dụng có thể nắm rõ [H1.01.01.12], [H1.01.01.13], [H1.01.01.14], [H1.01.01.15].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành Sư phạm Toán học được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHTN, phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật GDĐH được ban hành. Bên cạnh mục tiêu chung là đào tạo cử nhân Sư phạm Toán học có đạo đức, chuyên môn, có PPGD toán ở trường THPT, mục tiêu của CTĐT còn được cụ thể hoá ở 3 giá trị cốt lõi về kiến thức, về kỹ năng, thái độ và về trình độ ngoại ngữ, tin học mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu của CTĐT chưa lấy được số lượng lớn ý kiến phản hồi (YKPH) của nhà tuyển dụng, cựu NH.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 - 2023, Nhà trường, Khoa KHTN-CN và BM Toán phối hợp với phòng Quản lý chất lượng (QLCL) tiếp tục lấy YKPH của cựu NH đã tốt nghiệp và các nhà tuyển dụng về các nội dung cụ thể của mục tiêu để điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu phát triển trong từng giai đoạn.

Đồng thời, mục tiêu của CTĐT cũng sẽ được Nhà trường, Khoa và BM tiếp tục rà soát, điều chỉnh và cập nhật trong các năm tiếp theo dựa trên các nội dung mới phù hợp với sự phát triển của ngành nghề trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến trong nước và trên thế giới.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo

1. Mô tả

BM Toán đã tổ chức xây dựng CĐR của CTĐT theo đúng quy trình được hướng dẫn trong các văn bản của Trường ĐHTN về việc điều chỉnh và hoàn thiện CTĐT đại học đáp ứng yêu cầu của ĐTTC. Các hoạt động cụ thể: thành lập nhóm biên soạn, khảo sát thị trường lao động [H1.01.02.01], dự thảo CĐR, lấy ý kiến của các bên có liên quan về CĐR, phối hợp tổ chức nghiệm thu CĐR ở các cấp [H1.01.02.02], [H1.01.01.04], [H1.01.01.05].

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành SP Toán học được xây dựng và ban hành từ năm 2009, được cập nhật và điều chỉnh vào các năm 2014, 2017, 2020. Năm học 2019-2020, theo chủ trương của nhà Trường, CĐR của CTĐT tiếp tục được rà soát và điều chỉnh theo hướng tiếp cận năng lực [H1.01.02.02]. CĐR được xây dựng chi tiết, rõ ràng thông qua 3 yếu tố cốt lõi mà NH cần đạt được sau khi tốt nghiệp: kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm nghề nghiệp. Vì vậy, giúp người dạy và NH dễ dàng xác định và thực hiện mục tiêu học tập và giảng dạy. CĐR của CTĐT ngành SP Toán học đã phản ánh được thế mạnh đào tạo chuyên sâu của ngành về đào tạo cử nhân sư phạm Toán. Các CĐR của CTĐT được công bố rộng rãi trên website của Trường và Khoa [H1.01.01.14], [H1.01.01.15].

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Sư phạm Toán học bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Cụ thể:

Về kiến thức đại cương, CTĐT ngành Sư phạm Toán học hướng đến trang bị cho NH những kiến thức cơ bản liên quan đến các hiểu biết về lý luận chính trị, kiến thức tâm lý học, xã hội học, lịch sử Việt Nam, Đại cương văn hóa dân tộc thiểu số, ngoại ngữ, sử dụng CNTT trong học tập, hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu [H1.01.01.01].

Những kiến thức cơ sở ngành về toán học, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, hiểu biết phương pháp NCKH chuyên ngành [H1.01.01.01]; những kiến thức chuyên ngành giúp SV xác định và nắm vững khối kiến thức nền tảng của ngành Sư phạm Toán học và của từng chuyên ngành chuyên sâu về PPDH các môn học ở cấp THCS, THPT (phương pháp dạy học hình học, phương pháp dạy học đại số, phương pháp dạy học toán giải tích) [H1.01.01.01] giúp SV vận dụng và sử dụng sáng tạo các kiến thức chuyên ngành vào việc rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp.

Trong khối kiến thức phát triển hoạt động nghề nghiệp, SV được trang bị kiến thức lập kế hoạch dạy học và giáo dục; kỹ năng thực hiện và đánh giá các hoạt động dạy học và giáo dục, thực tập nghề nghiệp, triển khai quy trình thực tập nghề nghiệp, áp dụng các giải pháp thực tập nghề nghiệp hiệu quả, đánh giá và cải tiến hoạt động nghề nghiệp [H1.01.01.01]. CĐR của các HP đã phủ khắp trong nội dung CĐR của CTĐT. CĐR ngành Sư phạm Toán học xác định rõ ràng những kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp mà SV phải đạt được. Về kỹ năng nghề nghiệp, SV phải có khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề; khả năng nghiên cứu và khám phá tri thức; khả năng tư duy hệ thống. Bên cạnh đó, kỹ năng nghiên cứu và khám phá tri thức cũng được chú trọng trong CĐR ngành Sư phạm Toán học. Cụ thể, SV phải có kỹ năng cập nhật kiến thức, tổng hợp tài liệu, phân tích và xử lý thông tin, trải nghiệm sáng tạo, thích nghi môi trường làm việc khác nhau. CĐR ngành Sư phạm Toán học cũng xác định những phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp như: Yêu nghề; thích nghi với nghề nghiệp; tác phong khoa học, chuyên nghiệp trong công việc; ý thức phấn đấu, phát triển nghề nghiệp; thương yêu, tôn trọng, đối xử công bằng với mọi học sinh. Đồng thời, SV có kỹ năng làm việc nhóm, bao gồm kỹ năng triển khai thành lập nhóm, hoạt động nhóm, lãnh đạo hoạt động nhóm; kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình; giao tiếp bằng văn bản, giao tiếp đa phương tiện, giao tiếp bằng ngoại ngữ [H1.01.01.01]. Nhóm CĐR cuối cùng mà SV cần đạt liên quan đến năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và phát triển hoạt động nghề nghiệp trong môi trường xã hội và tổ chức. Liên quan đến Nhận thức bối cảnh xã hội và giáo dục, SV phải Xác định được vai trò và trách nhiệm của người giáo viên, phân tích ảnh hưởng của giáo dục đối với xã hội, tác động của xã hội đối với giáo dục; xác định vai trò giáo dục trong bối cảnh toàn cầu hóa. CĐR quy định SV hình thành được ý tưởng hoạt động nghề nghiệp, liên quan đến năng lực xác định nhu cầu và thiết lập các mục tiêu hoạt động nghề nghiệp, xác định chức năng, nguyên tắc tổ chức, nội dung và quy trình hoạt động nghề nghiệp, phác thảo kế hoạch hoạt động nghề nghiệp; CĐR còn chú trọng đến năng lực Đánh giá CTĐT ngành Sư phạm Toán học, cải tiến phát triển chương trình Giáo dục Toán [H1.01.01.01].

2. Điểm mạnh

Chuẩn đầu ra của CTĐT được thiết kế phát huy tính chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV chủ động trong học tập, tìm hiểu thông tin

và nhận hỗ trợ từ phía GV hoặc cố vấn học tập (CVHT). Qua đó, SV có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như đạo đức cá nhân lành mạnh, tinh thần tập thể và tôn trọng cá nhân.

3. Điểm tồn tại

Một số CĐR học phần, phần mô tả còn thiếu mốc chuẩn, khó đo lường và đánh giá được.

BM Toán chỉ thực hiện rà soát và điều chỉnh CĐR của CTĐT theo hướng dẫn, quy định của Nhà trường mà chưa chủ động thực hiện công việc này theo từng năm học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 – 2023,

- Nhà trường cùng với Khoa KHTN-CN kết hợp với BM Toán tổ chức để các GV rà soát lại CĐR của từng HP, thực hiện tốt hơn về CĐR ngoại ngữ, tin học trong CTĐT.

- Nhà trường, Khoa và BM tiếp tục rà soát, chỉnh sửa CĐR của CTĐT nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV chủ động trong học tập, tìm hiểu thông tin và nhận hỗ trợ từ phía GV hoặc CVHT.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả

Trong những năm gần đây, CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Toán học đã được chỉnh sửa, hoàn thiện (năm 2014, 2017, 2020) [H1.01.03.01].

Bộ môn Toán đã tham khảo CĐR của CTĐT một số trường đại học (ĐH) uy tín ở Việt Nam như CTĐT ngành Sư phạm Toán học của Trường ĐH Quy Nhơn, Trường ĐH Sư phạm TP Hồ Chí Minh, ĐH Thái Nguyên; phân tích dựa trên bảng đối sánh CTĐT của Trường ĐHTN [H1.01.01.02], [H1.01.03.02], nhằm đưa ra một bản danh mục CĐR phù hợp với thực tiễn xã hội cũng như chuyên môn của ngành Sư phạm Toán học. Trong quá trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT, BM Toán đã khảo sát và thu thập ý kiến các bên liên quan (BLQ) gồm: các nhà quản lý, GV, NH, cựu NH, các chuyên gia và nhà tuyển dụng về các kết quả mong đợi sau đào tạo dựa trên danh mục CĐR, cấu trúc CTĐT [H1.01.01.08]. Quá trình thẩm định CĐR của CTĐT ngành Sư

phạm Toán học đã tiếp nhận ý kiến đóng góp, nhận xét của các chuyên gia trong và ngoài trường cùng với những ý kiến của NH, cựu NH, các nhà tuyển dụng. Trên cơ sở đề xuất một bản danh mục CĐR phù hợp với thực tiễn xã hội, CĐR ngành Sư phạm Toán học đã được Hội đồng chuyên môn cấp khoa, cấp trường thông qua, nghiệm thu và được Trường phê chuẩn, ra quyết định thực hiện theo công văn hướng dẫn của Bộ GD và ĐT [H1.01.03.02]. Sau nhiều lần điều chỉnh, CĐR phản ánh được yêu cầu của các BLQ, ngày càng cụ thể, rõ ràng hơn, đáp ứng được yêu cầu của các BLQ. CTĐT đã nêu rõ kết quả học tập (KQHT) mong đợi, mô tả rõ ràng các tiêu chí về kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm nghề nghiệp cần đạt được sau quá trình đào tạo. Đồng thời phản ánh được cơ bản yêu cầu của tất cả các đối tượng có liên quan, thông qua danh mục các CĐR về mặt kiến thức, kỹ năng, thái độ làm việc, cơ hội nghề nghiệp khi tốt nghiệp và hệ thống mục tiêu cụ thể của từng HP [H1.01.03.01].

Chuẩn đầu ra của CTĐT được công bố công khai tới các (cán bộ) CB, GV và NH, nhà sử dụng lao động trên website của Nhà trường, của Khoa, trên bảng tin của Khoa, thông qua tài liệu tư vấn tuyển sinh, các tờ rơi quảng bá tuyển sinh, cẩm nang SV, đợt sinh hoạt công dân đầu khóa [H1.01.01.12], [H1.01.01.13].

2. Điểm mạnh

Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Sư phạm Toán học được xây dựng có các bên liên quan tham gia, được định kỳ rà soát và công bố công khai cho SV ngay từ năm thứ nhất, luôn được thể hiện cụ thể trong từng năm học (từ năm thứ nhất đến năm thứ tư) và từng HP cụ thể.

3. Điểm tồn tại

Bộ môn Toán đã thực hiện quy trình điều chỉnh CĐR, đã tham khảo, lấy YKPH của các BLQ nhưng số lượng nhà tuyển dụng, chuyên gia giáo dục tham gia công tác xây dựng và rà soát CĐR của CTĐT chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 – 2023,

- BM Toán tiếp tục điều chỉnh CĐR và đẩy mạnh công tác tham khảo, lấy YKPH của các BLQ nhà tuyển dụng nhiều hơn.

- BM Toán sẽ đẩy mạnh hơn nữa việc thỏa thuận hợp tác với các CSGD đang sử dụng và có nhu cầu sử dụng SV tốt nghiệp ngành Sư phạm Toán học; BM sẽ cùng

Hội đồng KHĐT khoa làm việc với các CSGD này để rà soát, trao đổi và xây dựng những nguyên tắc liên quan đến CDR của CTĐT.

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Mục tiêu của CTĐT ngành Sư phạm Toán học đã xác định rõ ràng các hướng đào tạo chuyên sâu đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng CB, GV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra.

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Sư phạm Toán học được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV chủ động trong học tập, tìm hiểu thông tin và nhận hỗ trợ từ phía GV hoặc CVHT. Qua đó, SV có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như phẩm chất cá nhân cần thiết.

Chuẩn đầu ra ngành Sư phạm Toán học được công bố công khai cho SV ngay từ năm thứ nhất, và luôn được thể hiện cụ thể trong từng năm học (từ năm thứ nhất đến năm thứ tư), ở từng HP cụ thể.

Tuy nhiên, việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu, CDR của CTĐT mới được thực hiện theo hướng dẫn, quy định của Nhà trường; Khoa chưa chủ động tiến hành công việc này theo từng năm học cũng như chưa thiết lập được kênh thông tin riêng như website của Khoa để tạo thuận lợi cho việc trao đổi, hợp tác với các đối tác, sự phản hồi của cựu SV, SV.

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 1: Mức đạt được của Tiêu chuẩn: 5/7.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần ngành Sư phạm Toán học theo hệ thống TC được xây dựng năm 2009, được điều chỉnh và cập nhật vào các năm 2014, 2017 và 2020 để phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường và yêu cầu của xã hội theo từng giai đoạn. Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần cung cấp các thông tin về mục tiêu đào tạo và CDR, nội dung chương trình, kế hoạch giảng dạy, tiến trình đào tạo, đối tượng và phương thức tuyển sinh, phương thức đánh giá. Bản mô tả CTĐT được công bố công khai dưới dạng sổ tay SV và phát cho SV vào học kỳ đầu tiên của khóa học để SV biết và chủ động trong việc lên kế hoạch học tập phù hợp.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT ngành Sư phạm Toán học theo hệ thống tín chỉ (TC) được xây dựng năm 2009 và được chỉnh sửa, cập nhật vào các năm 2014, 2017 [H1.01.01.01], [H1.01.01.01]. Để phù hợp với mục tiêu đào tạo và nhu cầu xã hội, BM Toán tiếp tục rà soát, cập nhật, chỉnh sửa CTĐT vào năm 2020 [H1.01.01.01] theo chủ trương của Nhà trường [H1.01.01.11]. Bản mô tả CTĐT năm 2020 ngành Sư phạm Toán học đã xác định rõ ràng mục tiêu đào tạo, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường [H1.01.01.06], trong đó các CDR được thiết kế phù hợp để thực hiện các mục tiêu đã đề ra.

Bản mô tả CTĐT ngành Sư phạm Toán học có đầy đủ các nội dung và thông tin cần thiết theo quy định của Bộ GDĐT [H2.02.01.01]. Cụ thể, bản mô tả CTĐT có các thông tin: tên trường, tên tiếng Anh, ngành đào tạo, mã ngành, trình độ đào tạo, hình thức đào tạo, tên gọi văn bằng, thời gian đào tạo, mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, CDR, ma trận kỹ năng, khối lượng kiến thức toàn khóa, đối tượng tuyển sinh và phương thức tuyển sinh, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp, cách thức đánh giá, nội dung chương trình, kế hoạch giảng dạy, tiến trình đào tạo, CSVC, danh sách GV cơ hữu và ĐCCT các HP.

Bản mô tả CTĐT ngành Sư phạm Toán học liên tục cập nhật những vấn đề liên quan. Bên cạnh tham khảo CTĐT của một số trường đại học trong nước như Trường Đại học Quy Nhơn [H2.02.01.02], Trường ĐHSP Thái Nguyên [H2.02.01.03], BM Toán còn lấy YKPH từ các BLQ như lấy ý kiến SV, lấy ý kiến ĐVSDLD, lấy ý kiến cán bộ viên chức (CBVC) [H1.01.01.08]. CTĐT năm 2020 có nhiều thay đổi so với CTĐT năm 2017, đó là: tăng số TC của CTĐT từ 120 TC lên 130 TC; tăng số TC của các HP Tiếng Anh để đáp ứng CDR của trình độ Tiếng Anh bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; tăng thêm HP Kỹ năng mềm để SV có kỹ năng làm việc sau khi ra trường; tăng thêm HP Khởi nghiệp để SV có khả năng tự tạo việc làm cho bản thân đồng thời đóng góp vào sự phát triển xã hội. Để tăng cường kiến thức chuyên môn gắn liền với chương trình giáo dục phổ thông, CTĐT năm 2020 có bổ sung một số HP như Phương trình sai phân và ứng dụng, Phương trình hàm, Hình học giải tích và HP Toán học cho thực tiễn. Đồng thời giảm bớt một số HP không cần thiết như

Khoa học môi trường, Giải toán trên máy tính. Bên cạnh đó, CTĐT năm 2020 được cấu trúc lại tỷ lệ phần trăm về các khối kiến thức trong CTĐT [H2.02.01.04].

Chương trình đào tạo năm 2020 được BM Toán biên soạn kỹ lưỡng theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt [H2.02.01.05] và được thông qua sau các buổi họp BM [H1.01.02.02], góp ý và thống nhất từ Hội đồng khoa Khoa KHTN-CN [H1.01.01.04], Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ĐHTN [H1.01.01.05].

2. Điểm mạnh

Khung CTĐT ngành Sư phạm Toán học được thiết kế công phu với sự đầu tư nghiêm túc của toàn bộ CB trong BM Toán, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Bộ GDĐT nhằm mục tiêu đảm bảo cơ hội học tập công bằng cũng như khả năng phát triển học vấn cho SV. Bản mô tả CTĐT ngành Sư phạm Toán học thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo hiện đại, thể hiện đầy đủ thông tin và tích hợp những nội dung mới nhất liên quan, tuân thủ theo quy định của Nhà trường.

Ma trận hiển thị kết quả chương trình CĐR được thể hiện rõ trong bản mô tả chương trình và được cụ thể hóa trong các đề cương HP của chương trình.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy YKPH từ SV đang học, cựu SV về CTĐT được thực hiện nhưng không thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, BM tiếp tục tổ chức việc lấy YKPH từ SV, GV, các nhà tuyển dụng lao động, mở rộng quy mô, đổi mới phương thức, đổi mới hệ thống câu hỏi của việc lấy YKPH các cựu SV và các CSGD để kịp thời chỉnh sửa CTĐT ít nhất 2 năm một lần sao cho phù hợp với xu thế mới, phù hợp với yêu cầu của các nhà tuyển dụng.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Đề cương chi tiết HP là bản mô tả các nội dung giảng dạy, sự phân phối kiến thức cho từng tiết học cùng với CĐR ra của HP. ĐCCT học phần là cơ sở để GV và NH thực hiện đúng trách nhiệm của mình. Mỗi bài học đều gắn liền với một mức độ nhất định của CĐR. Từng bản mô tả CTĐT đều có các ĐCCT học phần tương ứng.

Mỗi HP có trong CTĐT đều được mô tả chi tiết trong các bản ĐCCT học phần [H1.01.01.01]. Tất cả các ĐCCT học phần đều được viết theo những quy trình, văn

bản hướng dẫn, chẳng hạn, quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà NH đạt được sau khi tốt nghiệp [H2.02.02.03], [H2.02.02.04], văn bản ban hành quy trình cập nhật, đánh giá, soạn thảo bổ sung CTĐT trình độ đại học [H2.02.02.02], biểu mẫu ĐCCT học phần (Mẫu 8) do Nhà trường ban hành [H2.02.02.03], danh sách phân công biên soạn ĐCCT, biên bản họp BM thống nhất các nội dung cần chỉnh sửa [H1.01.02.02]. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa trong mục tiêu của từng HP và được thể hiện rõ hơn ở các CDR của từng HP [H1.01.01.01]. Mỗi ĐCCT học phần bao gồm các thông tin: mã HP, tên HP, số TC, loại HP (bắt buộc hay tự chọn), yêu cầu đối với HP (HP tiên quyết, HP trước, HP song hành); danh sách GV tham gia giảng dạy, mô tả HP (phân bố thời gian, điều kiện tham gia HP), mục tiêu HP, CDR học phần (về kiến thức, kỹ năng, thái độ), ma trận tích hợp giữa CDR của học phần CDR của CTĐT [H2.02.02.04], cấu trúc HP, nội dung HP, kế hoạch và phương pháp dạy học, tài liệu học tập, nhiệm vụ của SV, phương thức kiểm tra và cách đánh giá HP.

Cùng với CTĐT, ĐCCT học phần của ngành Sư phạm Toán học liên tục được rà soát và cập nhật. Sau khi rút kinh nghiệm trong quá trình giảng dạy và việc khảo sát YKPH của SV năm cuối về CTĐT, về hoạt động giảng dạy các HP của GV [H2.02.02.04], cùng với ý kiến đóng góp của nhà tuyển dụng lao động, cựu NH về chất lượng đào tạo ngành Sư phạm Toán học [H2.02.02.05], BM Toán tiến hành rà soát, bổ sung, xây dựng CTĐT và ĐCCT học phần vào các năm 2017 và 2020 [H1.01.01.01]. Quá trình bổ sung, sửa đổi đều dựa trên các quy định hiện hành của Bộ GDĐT. Ngoài ra, sau khi biên soạn ĐCCT, BM Toán tổ chức các buổi họp kiểm tra đánh giá (KTĐG) và góp ý các nội dung trong ĐCCT [H1.01.02.02], GV đảm trách giảng dạy có trách nhiệm tiếp thu và điều chỉnh theo góp ý của hội đồng nhằm đảm bảo sự đóng góp của mỗi HP vào việc đạt được CDR. Đầu mỗi học kì, BM Toán lập kế hoạch dự giờ giảng của một số HP [H2.02.02.06]. Sau mỗi buổi dự giờ, BM Toán sẽ họp và góp ý để GV rút kinh nghiệm cho quá trình giảng dạy [H2.02.02.07]. Hàng năm Nhà trường sẽ lên kế hoạch khảo sát NH để đánh giá CLĐT [H2.02.02.04]. Đây là cơ sở quan trọng để BM, GV xem xét những nội dung cần sửa đổi, cập nhật ĐCCT cho phù hợp với nhu cầu thực tế.

2. Điểm mạnh

Đề cương HP được chuẩn hóa trong toàn bộ CTĐT theo quy định của Bộ GDĐT và của trường ĐHTN.

Đề cương chi tiết các HP (100% HP) thể hiện đầy đủ thông tin và rà soát, cập nhật dựa trên kết quả khảo sát của các BLQ, đặc biệt là cập nhật và điều chỉnh theo định hướng ứng dụng, đáp ứng nhu cầu của các BLQ.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến đóng góp của các đơn vị tuyển dụng về ĐCCT của mỗi HP chưa nhiều.

Mặc dù từng GV đã thường xuyên cải tiến thay đổi rút kinh nghiệm sau mỗi HP, tuy nhiên việc xây dựng được hồ sơ GV vẫn chưa thực sự tốt.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 – 2023,

Để phát huy điểm mạnh, phòng ĐTDH tiếp tục rà soát và chuẩn hóa ĐCCT học phần. Đề cương các HP (100% HP) sẽ được thường xuyên rà soát, cập nhật.

Để khắc phục những tồn tại, BM Toán cần tiếp tục việc lấy ý kiến đóng góp của các đơn vị tuyển dụng về ĐCCT của mỗi HP, ma trận liên kết nội dung chương mục với CDR và xây dựng Hồ sơ môn học.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ tiếp cận

1. Mô tả

Nhận thấy được tầm quan trọng của việc phổ biến CTĐT và ĐCCT học phần một cách rộng rãi, sau khi bản mô tả CTĐT theo CDR ngành Sư phạm Toán học được Trường ĐHTN ban hành [H1.01.01.01], Nhà trường đã công bố công khai nội dung của Bản mô tả CTĐT trên website của Nhà trường thông qua các kênh cam kết chất lượng [H2.02.03.01]. Ngoài ra, vào đầu mỗi năm học, SV được cung cấp quyển CTĐT và Sổ tay SV [H1.01.01.12], tài liệu này có rất nhiều thông tin hữu ích SV cần đọc và nắm rõ trong quá trình theo học tại trường.

Nhà trường có hệ thống đào tạo trực tuyến, BM Toán đã sử dụng hệ thống này để hỗ trợ việc học tập cho SV. Hệ thống này thường xuyên được cập nhật, chỉnh sửa để phù hợp hơn với việc trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, học tập giữa GV và SV. SV được cấp tài khoản và thông tin để đăng ký vào lớp học, tham khảo các tài liệu và đề

cương các HP. Bên cạnh đó, SV có thể trao đổi học thuật với nhau, thảo luận và đóng góp ý về HP.

Việc cập nhật, đánh giá, soạn thảo CTĐT được thực hiện theo quy định của Nhà trường [H2.02.02.02], [H2.02.03.01] và được lưu trữ tại văn phòng BM, văn phòng khoa, phòng ĐTDH, phòng Hành chính Tổng hợp; theo đó tạo điều kiện cho các bên liên quan (hội đồng khoa học, GV, SV,...) dễ dàng tiếp cận bản mô tả CTĐT. SV có thể tiếp cận bản mô tả CTĐT và đề cương HP thông qua BM (luôn có người trực văn phòng), CVHT và các trang hỗ trợ học tập [H1.01.01.12], [H2.02.03.02]. Khoa KHTN-CN có trợ lý đào tạo phụ trách các công tác nghiệp vụ của khoa và thường xuyên có GV tham gia trực tại văn phòng BM. Khi GV, SV,... cần tìm hiểu thông tin liên quan đến khoa, ngành đào tạo, CTĐT,... có thể liên hệ với trợ lý để được hướng dẫn. Bên cạnh đó, đội ngũ CVHT tích cực hỗ trợ và tư vấn giúp SV dễ tiếp cận và hiểu về bản mô tả CTĐT và đề cương các HP. Ngoài ra, vào mỗi đợt tuyển sinh, bộ phận tư vấn tuyển sinh sẽ giới thiệu cho học sinh và phụ huynh học sinh về các CTĐT.

2. Điểm mạnh

BM Toán đã áp dụng các hệ thống hỗ trợ học tập, nhờ đó SV có thể tương tác với GV để trao đổi về học tập, SV cũng có môi trường để thảo luận với nhau về các vấn đề liên quan đến HP và sử dụng những tài liệu học tập do GV cung cấp.

Một số nội dung chính yếu của ĐCCT được GV phổ biến đến SV thông qua nhiều kênh: hệ thống hỗ trợ học tập, kế hoạch giảng dạy và tài liệu học tập do GV giới thiệu.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT cũng như ĐCCT các HP chưa được phổ biến đến các BLQ một cách đầy đủ. Các BLQ, đặc biệt nhà tuyển dụng rất khó tiếp cận bản mô tả CTĐT cũng như ĐCCT các HP. Nhà trường chưa có kế hoạch để phổ biến ĐCCT các HP đến các BLQ, đặc biệt là nhà tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 – 2023,

- Để phát huy những điểm mạnh, BM Toán gửi CTĐT đến các BLQ để khảo sát và lấy ý kiến đóng góp. Sử dụng hệ thống hỗ trợ học tập và hệ thống quản lý đào tạo để phổ biến CTĐT và ĐCCT đến GV, SV.

- Nhằm khắc phục những tồn tại, Nhà trường cần có kế hoạch công khai CTĐT và ĐCCT lên trang thông tin điện tử của Nhà trường để các BLQ dễ tiếp cận.

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Khung CTĐT ngành Sư phạm Toán học được thiết kế công phu với sự đầu tư nghiêm túc của toàn bộ CB trong BM Toán. Bản mô tả CTĐT ngành Sư phạm Toán học thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo hiện đại, thể hiện đầy đủ thông tin và tích hợp những nội dung mới nhất liên quan, tuân thủ theo quy định của Nhà trường. Ma trận hiển thị kết quả chương trình CĐR được thể hiện rõ trong bản mô tả chương trình và được cụ thể hóa trong các đề cương HP của chương trình. ĐCCT các HP (100% HP) thể hiện đầy đủ thông tin và rà soát, cập nhật dựa trên kết quả khảo sát của các BLQ, đặc biệt là cập nhật và điều chỉnh theo định hướng ứng dụng, đáp ứng nhu cầu của các BLQ. BM Toán đã áp dụng các hệ thống hỗ trợ học tập, nhờ đó SV có thể tương tác với GV để trao đổi về học tập, SV cũng có môi trường để thảo luận với nhau về các vấn đề liên quan đến HP và sử dụng những tài liệu học tập do GV cung cấp. Một số nội dung chính yếu của ĐCCT được GV phổ biến đến SV thông qua nhiều kênh: hệ thống hỗ trợ học tập, kế hoạch giảng dạy và tài liệu học tập do GV giới thiệu.

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 2: Mức đạt được của Tiêu chuẩn: 5/7.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Cấu trúc của CTĐT trình độ đại học ngành Sư phạm Toán học được thiết kế hợp lý và hệ thống, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT của Nhà trường với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực hoạt động nghề nghiệp liên quan đến ngành Sư phạm Toán học trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Các phương pháp dạy và học, KTĐG kết quả học tập được sử dụng hiệu quả nhằm đảm bảo NH đạt được CĐR của từng HP và CĐR của CTĐT. Chủ đề và nội dung các HP được cấu trúc khoa học, logic, theo trình tự từ thấp lên cao và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTĐT. Đồng thời, CTĐT của ngành Sư phạm Toán học phần cụ thể cũng như CTĐT tổng thể. CTĐT bao gồm mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể. Mục tiêu tổng quát nhấn mạnh việc đào tạo SV có kiến thức cơ sở ngành và

chuyên ngành; có khả năng hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và phát triển các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến Sư phạm Toán học trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Chương trình dạy học (CTDH) ngành Sư phạm Toán học được BM Toán học xây dựng dựa vào bề dày kinh nghiệm đào tạo giáo viên sư phạm Toán qua nhiều giai đoạn. Tính đến năm 2020 CTĐT được thẩm định, BM Toán học đã 6 lần xây dựng, điều chỉnh CTĐT giáo viên Toán cho các trường trung học. Các văn bản và thực tiễn căn cứ để xây dựng là: Chương trình khung của Bộ GDĐT; CTĐT ngành Sư phạm Toán học; tham khảo CTĐT của các trường đào tạo giáo viên Toán cho phổ thông (Trường ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh, Trường ĐHSP Hà Nội, trường ĐHSP Thái Nguyên, trường đại học Vinh, Trường đại học Huế); tiếp nhận phản hồi của các trường THPT các đơn vị trực tiếp sử dụng NH do BM đào tạo... CTĐT ngành Sư phạm Toán học được xây dựng theo các qui định hiện hành do Bộ GDĐT ban hành [H1.01.01.01], [H1.01.01.07], [H1.01.03.02], [H2.02.02.01].

Để xây dựng CTĐT cho các ngành học, Nhà trường đã dựa trên chương trình khung của Bộ GDĐT ban hành, các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp cũng như mức độ đòi hỏi về kiến thức ngành đối với ngành Sư phạm Toán học. CTDH hiện đại, cập nhật, cung cấp cho NH nhiều thông tin về ngành Sư phạm Toán học [H1.01.01.01]. Chương trình sau khi xây dựng được đánh giá và nghiệm thu cấp khoa, cấp trường và sẽ được công bố công khai trên website của Trường [H1.01.01.14].

Chương trình dạy học được xây dựng trên cơ sở yêu cầu năng lực của người giáo viên dạy toán ở phổ thông, và hướng phát triển, CĐR và bản mô tả CTĐT đã được điều chỉnh theo hướng dẫn của Trường [H1.01.01.01], bao gồm các nội dung:

Mục tiêu đào tạo CĐR của ngành và CĐR của mỗi HP.

Nội dung đào tạo; Phương pháp kiểm tra, đánh giá NH, thời lượng đào tạo của ngành và của mỗi HP.

Trong chương trình có kế hoạch phân bố các HP theo từng học kì, có tiến trình đào tạo để thể hiện quá trình thực hiện giảng dạy. Cụ thể với ngành Sư phạm Toán học trình độ đại học, thời gian đào tạo là 4 năm, 8 học kì. Trong mô tả HP, ĐCCT mỗi HP

đều xác định điều kiện tiên quyết đối với HP đó nhằm giúp NH có kế hoạch học tập cụ thể. Bên cạnh đó, thực hiện CĐR, chương trình CTDH được thiết kế gồm các khối kiến thức: kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức chuyên ngành, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (NVSP) thường xuyên; Thực tập sư phạm (TTSP) cuối khóa. Trong CTĐT, khối kiến thức chung chiếm 30%, khối kiến thức cơ sở ngành chiếm 30%, kiến thức chuyên ngành 40%, bao gồm cả Rèn luyện NVSP thường xuyên; Kiến tập sư phạm (KTSP); TTSP cuối khóa.

Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên CĐR. Cụ thể là CTDH được thiết kế dựa trên các chủ đề, cấp độ của CĐR. Đối với từng HP (môn học) sau khi hoàn thành CTDH, Hội đồng KHĐT, BM yêu cầu GV trong các BM tổ chức rà soát CTDH với CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Toán học. CTDH được cụ thể hóa trong CTĐT với các thông tin về đơn vị đào tạo; thông tin về HP; thông tin về tổ chức dạy và học; mục tiêu, nội dung, PPGD, KTĐG học phần, giáo trình sử dụng và danh mục tài liệu tham khảo [H1.01.01.01].

Sau nhiều lần điều chỉnh, CTDH của ngành Sư phạm Toán học đã thể hiện tính chất thực tiễn, hiện đại và cập nhật thường xuyên. Toàn bộ các HP được xây dựng dựa trên CĐR tổng thể chương trình, trong đó nhấn mạnh đến các CĐR về kiến thức, kỹ năng và năng lực. Các PPGD, tự học và tự nghiên cứu, phương pháp kiểm tra, đánh giá KQHT của NH ở tất cả các HP trong CTĐT phù hợp và đảm bảo triết lý dạy học với phương thức đào tạo tiếp cận năng lực thể hiện rõ trong bố cục, nội dung cụ thể của chương trình [H1.01.01.04].

2. Điểm mạnh

CTDH được thiết kế dựa trên CĐR của ngành Sư phạm Toán học có mục tiêu cụ thể, rõ ràng, có cấu trúc hợp lý, có tính hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực. Nhờ vào bảng phân công nhiệm vụ giảng dạy, trình độ năng lực giữa các HP và CĐR nên các nội dung giảng dạy, mục tiêu của các HP trong CTĐT có sự gắn kết hợp lý. Việc trang bị kiến thức, kỹ năng và năng lực cho NH không chồng chéo giữa các HP.

Gắn kết được cơ sở đào tạo với yêu cầu của nhà tuyển dụng, từ đó thu hẹp khoảng cách giữa đào tạo của Nhà trường và yêu cầu của nhà sử dụng nguồn nhân lực; giúp NH phát triển toàn diện để nhanh chóng thích ứng với môi trường làm việc luôn thay đổi và thậm chí là đi đầu trong việc thay đổi đó; giúp CTĐT được xây dựng và

thiết kế theo một quy trình chuẩn; các công đoạn quá trình đào tạo có tính liên thông và gắn kết, khoa học chặt chẽ; gắn phát triển CTĐT với chuyển tải và đánh giá hiệu quả GDDH, góp phần nâng cao CLĐT.

3. Điểm tồn tại

Chương trình dạy học được thiết kế cho các khoá học trước khoá trước 2017 chưa phân chia cụ thể các mục tiêu và trình độ năng lực cần đạt được trong khi làm việc sau khi ra trường, nên khi thực hiện CTĐT còn trang bị kiến thức chuyên sâu quá nhiều, kỹ năng dạy học cho NH còn xem nhẹ. Ngoài ra một số môn học trước 2017 khi thiết kế chưa bám sát CDR nên chưa cụ thể hóa được các mục tiêu, năng lực cần đạt sau khi kết thúc HP, và chưa thực sự cần thiết cho năng lực cần có của giáo viên tương lai.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 – 2023,

- Nhà trường cùng với Khoa KHTN-CN và BM Toán tiếp tục tiến hành rà soát CTDH của các HP trong CTĐT ngành Sư phạm Toán học, cụ thể là so sánh đối chiếu các mục tiêu trong CTDH với CDR thông qua ma trận, đặc biệt là các HP thuộc kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành.

- Tiếp tục bổ sung, điều chỉnh CTDH theo tiếp cận CDR của ngành Sư phạm Toán học. Gắn kết được cơ sở đào tạo với yêu cầu của nhà tuyển dụng, từ đó thu hẹp khoảng cách giữa đào tạo của Nhà trường và yêu cầu của nhà sử dụng nguồn nhân lực.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả

Các HP trong CTĐT ngành Sư phạm Toán học có sự liên kết và đóng góp cụ thể nhằm đạt được CDR. Tất cả các HP trong CTĐT được biên soạn bởi các GV trực tiếp giảng dạy của BM Toán và các khoa phối hợp trong Nhà trường như Khoa KHTN-CN, Khoa Lí luận Chính trị, Khoa Ngoại ngữ, Khoa Sư phạm. Mỗi HP có ĐCCT, được xây dựng phù hợp với yêu cầu chuyên môn của từng HP và CDR của CTĐT [H1.01.01.01]. Các HP xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo đạt được

CĐR. Nội dung các HP trong CTDH thể hiện việc có khả năng đạt được CĐR và được lấy YKPH của các BLQ [H3.03.02.01], [H3.03.02.03], [H3.03.02.06], [H3.03.02.07].

Với mục đích đào tạo NH thành những giáo viên THCS, THPT, CĐ, ĐH trong tương lai đảm bảo kiến thức vững vàng về chuyên môn, NVSP và các kỹ năng cần thiết khác, đặc biệt là khả năng thích ứng với yêu cầu đổi mới chương trình và sách giáo khoa hiện nay, ĐCCT các HP được xây dựng cụ thể phù hợp với mục tiêu CĐR. BM Toán kết hợp với Nhà trường tổ chức phổ biến đến NH nội dung và thế mạnh của CTĐT và kế hoạch thực hiện CTĐT [H1.01.01.12].

Mỗi HP trong CTĐT ngành Sư phạm Toán học được cụ thể hóa bằng các mục tiêu và được thể hiện thông qua nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy. Các HP được thiết kế dựa trên CĐR thông qua các khung năng lực cần đạt. Đồng thời, CĐR của các HP trong CTĐT đã được thiết kế với các mục tiêu rõ ràng, các PPGD và học, phương pháp kiểm tra, đánh giá KQHT của NH của tất cả các HP trong CTĐT phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR [H1.01.01.01].

Chuẩn đầu ra về kiến thức gồm khối kiến thức bắt buộc, khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức chuyên ngành.

Khối kiến thức cơ sở ngành, để đạt CĐR, chương trình được thiết kế các HP cung cấp cho NH những kiến thức cơ sở mang tính chất tiền đề của ngành học. NH sẽ có những hiểu biết kiến thức nền tảng của Toán học, kiến thức cơ bản về Triết học, Giáo dục chính trị, Pháp luật Việt Nam, Tâm lý học, Giáo dục học, Lý luận dạy học, kiến thức và kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục.

Khối kiến thức chuyên ngành, để đạt CĐR, chương trình được thiết kế với các HP cung cấp kiến thức và kiến thức chuyên sâu một số lĩnh vực của Toán học để NH vận dụng được vào giảng dạy và nghiên cứu Toán học, kiến thức chuyên sâu về Phương pháp dạy học môn Toán ở trường phổ thông. Trong đó, kiến thức thực tập, thực tế NH được tiếp cận thực tế dạy học ở THPT qua 02 đợt KTSP và TTSP. Đây là cơ hội để NH thực hành, vận dụng những kiến thức đã học, đồng thời cũng là cơ hội để học hỏi kinh nghiệm từ những giáo viên có thâm niên giảng dạy. Qua đợt TTSP, ngoài việc được thực hành dạy học một số môn học, NH còn được thực tập các hoạt động giáo dục cũng như làm quen với môi trường làm việc tương lai.

Chương trình đào tạo được thiết kế thành các khối kiến thức, thiết kế kế hoạch đào tạo cụ thể cho từng học kì, đi từ đại cương đến chuyên ngành nên các mức độ đạt CĐR cũng tăng dần qua từng học kì.

Như vậy, khi hoàn thành CTĐT, NH sẽ đáp ứng được CĐR về khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở, chuyên ngành và thực tập, thực tế, làm tốt công tác chủ nhiệm, tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục, có lòng yêu nghề, kĩ năng giao tiếp sư phạm với học sinh, đồng nghiệp và phụ huynh,... [H2.02.02.01], [H2.02.02.04].

100% các HP trong CTDH có sự tương thích về nội dung để đảm bảo đạt được CĐR [H1.01.01.01], [H2.02.02.01], [H2.02.02.04].

100% các HP trong CTDH xác định các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp để đảm bảo việc đạt được CĐR [H1.01.01.01], [H2.02.02.01], [H2.02.02.04].

100% các HP trong CTDH có các hoạt động kiểm tra, đánh giá NH tương thích với nhau nhằm đảm bảo việc đạt được CĐR [H1.01.01.01], [H2.02.02.01], [H2.02.02.04].

2. Điểm mạnh

Trong CTĐT, các HP thuộc các khối Kiến thức đại cương, Kiến thức cơ sở ngành, Kiến thức chuyên ngành được sắp xếp để thực hiện theo hệ thống từ cơ bản đến nâng cao, được phân bố hợp lý và gắn kết hỗ trợ lẫn nhau. Các HP bắt buộc và tự chọn được phân bố hợp lý trong CTĐT, đã được ghi rõ thời lượng (số tiết) dành cho phần lý thuyết, thực hành, tự học và tự nghiên cứu. Mối liên hệ giữa CĐR của các HP với CĐR của CTĐT được thể hiện một cách rõ ràng.

Hồ sơ giảng dạy các HP trong CTĐT của GV, bao gồm đề cương bài giảng, slide bài giảng, tài liệu giáo trình, hồ sơ đánh giá quá trình được GV lưu trữ và bảo quản. Hằng năm, Nhà trường tiến hành giám sát và kiểm tra hồ sơ giảng dạy của GV.

Việc khảo sát, đo lường sự hài lòng của NH đối với các HP đã được tiến hành và góp phần điều chỉnh chương trình giảng dạy cũng như ĐCCT các HP, các phương pháp KTĐG nhằm đạt được CĐR của CTĐT và đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

3. Điểm tồn tại

Đề cương chi tiết của một số HP được thiết kế cho các khóa từ 2016 về trước chưa rõ ràng và chưa thể hiện bằng các mục tiêu cụ thể để đạt được CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Toán học.

Nội dung chương trình của một số HP thuộc khối Kiến thức chuyên ngành chưa thể hiện rõ tính đổi mới, tính thực tiễn, kế thừa và cập nhật. Cách thức đánh giá kết quả HP của một số HP chưa thể hiện rõ khả năng đạt được CDR của CTĐT ngành Sư phạm Toán học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 – 2023,

- Đề khắc phục tồn tại, BM Toán phân công nhiệm vụ cho các GV rà soát và kiểm tra ĐCCT học phần trong CTĐT ngành Sư phạm Toán học. Đề xuất những thay đổi phù hợp và bổ sung kịp thời các nội dung còn thiếu để đạt được CDR của CTĐT.

- Bộ môn tiếp tục triển khai các đề tài KHCN về đổi mới nội dung, PPGD và KTĐG theo tiếp cận năng lực đối với các HP thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành.

5. Tự đánh giá: 4/7.

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả

Các HP trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các HP đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất trong 4 năm [H1.01.01.01], [H2.02.02.01], H2.02.02.04].

Cụ thể, phần lớn các kiến thức giáo dục đại cương và được cung cấp cho SV trong khoảng hai học kỳ đầu tiên. Các HP cơ sở ngành được dạy trong hai đến ba học kỳ tiếp theo. Các học kỳ cuối SV được cung cấp các HP chuyên môn ngành và thực hiện khóa luận/chuyên đề tốt nghiệp tùy điều kiện. Dựa trên KQHT, SV được chọn thực hiện khóa luận (07 TC) hoặc chuyên đề (03 TC) tốt nghiệp [H1.01.01.01]. Trong trường hợp thực hiện chuyên đề tốt nghiệp, SV phải đăng ký học thêm các HP chuyên đề bổ trợ để tổng khối lượng TC tốt nghiệp đạt 7 TC. Khóa luận/chuyên đề được thực hiện dưới sự hướng dẫn của GV (01 GV hướng dẫn từ 2 đến 5 SV [H3.03.03.01], [H3.03.03.02]. Việc thực hiện Khóa luận/Chuyên đề tốt nghiệp giúp SV vận dụng các kiến thức đã được trang bị một cách tổng hợp, làm quen với việc thực hiện một dự án của ngành tích hợp với các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng viết báo cáo và thuyết trình [H3.03.03.03].

Chương trình dạy học của ngành được thiết kế gồm 130 TC (không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng) [H1.01.01.01], bao gồm 2 khối kiến thức: Khối kiến thức giáo dục đại cương (36 TC) cung cấp các kiến thức về các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, tin học, ngoại ngữ và đặc biệt trang bị các kiến thức về khởi nghiệp và kỹ năng mềm; Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp bao gồm: kiến thức cơ sở ngành (32 TC) như các HP Đại số tuyến tính, Tập hợp – logic toán, Toán A1, A2, A3, A4, ; Kiến thức chuyên ngành (30 TC) như các HP ngành như Phương trình đạo hàm riêng, Xác suất thống kê, Đại số sơ cấp, Hình học xạ ảnh,... Kiến thức NVSP (25 TC); Khóa luận tốt nghiệp hoặc Chuyên đề và các HP chuyên môn thay thế (07 TC). CTDH được thiết kế tiếp cận chuyên môn hóa, có chiều sâu được thể hiện qua trình tự các HP theo trật tự từ kiến thức chung đến kiến chuyên môn ngành. Các HP kết thúc ở kỳ trước làm nền tảng cho các HP ở các kỳ tiếp theo. Các HP tự chọn và chuyên môn ngành đều có các HP cơ bản và cơ sở ngành tiên quyết.

Chương trình được thiết kế có tỷ lệ cân đối giữa các khối kiến thức và hoàn toàn phù hợp với quy định khối lượng kiến thức do Bộ GDĐT quy định [H1.01.01.01], [H3.03.03.03]. Cụ thể, các HP cơ bản thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương (36 TC) trong đó lý luận chính trị (11 TC), các HP thuộc khoa học xã hội và nhân văn (3 TC), các HP khoa học tự nhiên (04 TC), ngoại ngữ (12 TC), khởi nghiệp (02 TC), kỹ năng mềm (02 TC); các HP thuộc kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (94 TC) trong đó kiến thức cơ sở ngành (32 TC), kiến thức ngành (30 TC), khóa luận tốt nghiệp (hoặc chuyên đề tốt nghiệp và các HP chuyên môn thay thế) (07 TC);

BM Toán, Khoa KHTN-CN và Trường ĐHTN nhận thấy rằng, việc rà soát CTDH định kỳ là cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế về nguồn nhân lực chất lượng cao [H1.01.02.02], [H1.01.01.04], [H1.01.01.05]. Do đó, BM phối hợp với Nhà Trường thường xuyên tổ chức lấy ý kiến của các BLQ [H1.01.01.08]. Dựa trên cơ sở đó để tiến hành rà soát và điều chỉnh CTDH cho hợp lý. Ngoài ra, nhằm phù hợp với sự phát triển của thời đại, yêu cầu của xã hội, và cập nhật được kiến thức chuyên ngành theo xu thế chung của đào tạo bậc đại học BM cũng tiến hành tham khảo, đối sánh với các CTDH tiên tiến ở các trường đại học lớn trong nước [H1.01.01.02]. Cấu trúc CTDH phải được thẩm định bởi hội đồng chuyên môn trước khi ban hành [H3.03.03.04].

2. Điểm mạnh

Cấu trúc CTDH đã phản ánh rõ ràng mục tiêu đào tạo, CĐR và đạt yêu cầu của chuẩn ĐTDH. Chương trình có cấu trúc hợp lý và logic giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành. Bên cạnh đó, CTDH cũng có tính cập nhật, tích hợp, đảm bảo cho SV có khả năng tiếp nhận những kiến thức mới và cần thiết, đảm bảo NH đáp ứng được nhu cầu nguồn nhân lực ngành Sư phạm Toán học sau khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Việc thu thập YKPH của các BLQ để phục vụ điều chỉnh CTDH còn chưa thu thập được số lượng lớn, chưa khai thác đầy đủ các khía cạnh nhằm tối ưu hóa tiến trình đào tạo. Một số HP lĩnh vực ngành còn chưa được bố trí phù hợp trong những học kỳ đầu tiên nên chưa khuyến khích được hứng thú học tập ở một số SV.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 - 2023, BM Toán tiếp tục bám sát tiến trình đào tạo, tiếp nhận phản hồi từ các BLQ để có thêm dẫn liệu và có những điều chỉnh phù hợp nhằm đảm bảo tính hợp lý, cân đối của cấu trúc CTDH để giúp NH đạt được CĐR. Bên cạnh đó, BM tiếp tục xây kế hoạch triển khai rà soát và điều chỉnh CTDH các HP của ngành Sư phạm Toán học đảm bảo tính cập nhật và đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội về nhân lực, bám sát những YKPH của các ĐVSDLD và cựu SV. Bên cạnh đó, Khoa tích cực đề xuất Nhà trường cho phép thay đổi cấu trúc các HP ở năm thứ nhất và thứ hai theo hướng tăng cường thời lượng cho các HP tổng quan về ngành học, cân đối thời lượng phù hợp với các HP khác.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Chương trình dạy học của ngành Sư phạm Toán học được thiết kế với các HP có nội dung phục vụ cho CĐR của CTĐT. Hội đồng KHĐT của Khoa rất quan tâm chú ý tới tính logic và tính tích hợp của các HP trong CTDH nhằm đảm bảo cho SV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ khối lĩnh vực rộng đến kiến thức ngành hẹp. Bên cạnh đó chương trình còn nhấn mạnh đến việc rèn luyện các kỹ năng cần thiết và năng lực phát triển nghề nghiệp cho SV. Các HP thuộc khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành được thiết kế linh hoạt, thuận lợi cho SV trong việc lựa chọn đăng ký

học. Nội dung của các HP kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau.

Chương trình dạy học được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý, có hệ thống, mang tính tích hợp cao và đáp ứng xu hướng phát triển liên quan đến ngành Sư phạm Toán học trong khu vực và trên thế giới. CTDH thể hiện được năng lực của SV tốt nghiệp. GV khi thực hiện CTĐT luôn có ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo ở mỗi HP, nhằm trợ giúp tốt hơn cho SV học tập. Các HP được thiết kế đề cao tính ứng dụng; các HP kiến thức, kỹ năng chuyên sâu được xây dựng có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, giúp SV lĩnh hội sâu sắc đầy đủ kiến thức lý thuyết và thực hành.

Tuy nhiên, CDR của một số HP chưa thực sự rõ ràng và tính định lượng chưa cao dẫn đến khó khăn cho GV khi thực hiện và đánh giá HP. Một số nội dung và tiêu chí đánh giá HP cần phải thay đổi để phù hợp hơn nữa với CDR của CTĐT.

Căn cứ vào mức độ đạt được của các tiêu chí, hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Sư phạm Toán học tự đánh giá tiêu chuẩn 3 có 3/3 tiêu chí đạt.

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 3: Mức đạt được của Tiêu chuẩn: 4,7/7.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học đóng vai trò quan trọng trong ĐTDH của tất cả ngành học. Chương trình Sư phạm Toán học cũng như nhiều chương trình khác trong trường ĐHTN chọn cách tiếp cận lấy NH làm trung tâm hướng tới phát triển năng lực NH, tổ chức các hoạt động dạy học nhằm đạt được CDR đã tuyên bố trong CTĐT, sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, nhằm phát triển tính chủ động sáng tạo trong học tập cho SV. Để làm được điều này, CTĐT xác định rõ mục tiêu đào tạo và CDR về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Cách tiếp cận này được cụ thể hóa ở việc thiết kế chương trình với các môn học kế tiếp nhau một cách logic, môn cơ sở là môn tiên quyết cho những môn học chuyên sâu, các hoạt động dạy và học đều phải cùng hướng đến CDR. Thông điệp về cách tiếp cận, các hoạt động dạy học và CDR của chương trình cần được mỗi GV và SV hiểu rõ để thực hiện tốt vai trò nhiệm vụ của mình. Trong tiêu chuẩn này, chúng tôi xin tự đánh giá phương pháp tiếp cận trong dạy và học thông qua 3 tiêu chí sau.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả

Triết lý giáo dục của trường ĐHTN hướng đến việc đào tạo và cung cấp cho xã hội những người lao động có phẩm chất, năng lực phát triển song hành và toàn diện. Đào tạo người lao động có trách nhiệm cao với cộng đồng và luôn có tư duy sáng tạo trong học tập và lao động. Ý nghĩa chung của triết lý giáo dục là trường ĐHTN dựa trên nguồn lực mạnh, tổ chức đào tạo theo chương trình chất lượng, tạo môi trường học tập tốt nhất cho NH phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực NH. Từ triết lý đó, nhà trường đã xây dựng mục tiêu chiến lược là “Xây dựng đội ngũ nhân lực có chuyên môn cao, CSVC hiện đại, CTĐT tiên tiến; Không ngừng hiện đại hóa, chuyên nghiệp hóa hoạt động quản trị nhà trường; Kết quả đào tạo, NCKH đáp ứng yêu cầu của thị trường; Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc”.

Triết lý giáo dục của nhà trường được tuyên bố rõ ràng bằng văn bản, được công bố rộng rãi trên Website với toàn xã hội, được truyền thông tới toàn thể CB, GV và SV [H4.04.01.01], [H4.04.01.02]. Triết lý giáo dục này hoàn toàn phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi đã nêu rõ bằng văn bản trên Website [H4.04.01.03].

Triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Nhà trường được tất cả CB, GV, SV hiểu rõ và thực hiện. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu, giá trị cốt lõi của Trường được đưa vào các kế hoạch chiến lược của Trường và Khoa [H4.04.01.04].

Bên cạnh đó, mục tiêu đào tạo và CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ của NH được tuyên bố trong CTĐT và được cụ thể hóa trong từng đề cương môn học [H1.01.01.01], được phổ biến cho toàn thể CB, GV, SV, nhà tuyển dụng và toàn xã hội trên website của Trường [H4. 04.01.05].

Đối với GV, mục tiêu đào tạo và CĐR được các GV thấm nhuần trong quá trình xây dựng CTĐT, xây dựng logic của những HP bắt buộc và tự chọn, xây dựng đề cương môn học.

Đối với SV, ngay từ khi năm thứ nhất nhập trường, triết lý giáo dục được phổ biến tới SV trong đợt học chính trị đầu năm dành cho tân SV các khóa [H4.04.01.06]. Ngoài ra, Trường cũng tổ chức các buổi gặp mặt đối thoại SV, nhằm giúp hiểu rõ hơn về vai trò chủ động tích cực của chính họ trong quá trình học tập [H4.04.01.07], [H4.04.01.08].

Hàng năm, công tác lấy YKPH của SV cuối khóa về các hoạt động của Nhà trường, YKPH của NH về hoạt động giảng dạy của GV Trường, Khoa cũng như việc

lấy ý kiến của các BLQ về triết lý giáo dục, dịch vụ giáo dục cũng được tiến hành nhằm đo lường mức độ hài lòng [H4.04.01.09], [H4.04.01.10]. Kết quả khảo sát đối với triết lý giáo dục của CTĐT ngành, hoạt động dạy-học của GV, SV Khoa được đánh giá từ mức hài lòng trở lên.

Mỗi GV khi bắt đầu giảng dạy môn của mình phụ trách, đều giới thiệu mục tiêu và CDR nội dung, phương pháp học tập, CDR của môn học và tiêu chí đánh giá của HP trong CTĐT [H1.01.01.01].

Các GV là CVHT sinh hoạt với SV định kỳ 2 tuần 1 lần, giúp SV hiểu rõ lịch trình và mục tiêu đào tạo của Khoa, giúp các em có chiến lược đăng ký môn học phù hợp [H4.04.01.09].

Với toàn xã hội: Mục tiêu giáo dục và triết lý giáo dục được công khai trên website của nhà trường [H4.01.01.02].

2. Điểm mạnh

Triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới SV và GV thông qua nhiều hình thức như website Trường, tập huấn, diễn đàn, các văn bản hướng dẫn, cẩm nang học sinh, SV, học viên,... đồng thời có khảo sát lấy ý kiến của các BLQ.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù triết lý giáo dục được công bố cho các nhà tuyển dụng, nhưng mới chỉ giới hạn ở những chuyên gia có tham gia giảng dạy và biên soạn đề cương môn học cho BM. Triết lý này chưa được công bố với đông đảo các nhà tuyển dụng khác.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 – 2023, Nhà trường, Khoa KHTN-CN và BM Toán phối hợp với phòng QLCL tiếp tục lập kế hoạch lấy ý kiến đóng góp của các BLQ một cách rộng rãi để điều chỉnh mục tiêu và triết lý giáo dục cho phù hợp với tình hình thực tế và nhu cầu xã hội.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Từ năm học 2009-2010, Nhà trường chuyển đổi sang hình thức đào tạo TC và CTĐT ngành Sư phạm Toán học đã có điều chỉnh vào các khóa học 2014, 2017, 2020

[H1.01.01.01]. Các hoạt động dạy và học của BM Toán được thiết kế phù hợp để đạt được CDR và đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, hướng đến việc giúp NH tích lũy kiến thức, có năng lực tư duy logic, có kỹ năng chuyên môn giảng dạy và giáo dục, kỹ năng mềm, năng động và sáng tạo, có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp. Tỷ lệ các HP chung, chuyên môn và thực tập phù hợp, có tích hợp các nội dung kiến thức tránh sự trùng lặp nội dung giữa các HP, đưa vào chương trình những kiến thức, kỹ năng mới, hiện đại, nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Trong CTĐT ngành Sư phạm Toán học, ĐCCT của các HP có mô tả nội dung HP và đề ra mục tiêu rõ ràng cụ thể phù hợp với CDR [H1.01.01.01].

Trong hoạt động dạy, GV sử dụng đa dạng các PPGD và nhất quán với triết lý giáo dục của nhà trường. Các PPGD đều hướng tới phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực của NH. Các GV sử dụng các PPGD truyền thống, tích cực linh hoạt và hiệu quả. Hình thức KTĐG như đánh giá chuyên cần, kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ, tiểu luận, bài tập lớn, dự án... rất đa dạng và được đưa ra trong các ĐCCT của các HP [H1.01.01.01]. Về NVSP, NH được học một số HP trong CTĐT, tham gia thi NVSP, kiến tập và TTSP tại các trường THPT. Hàng năm, Đoàn thanh niên của Khoa KHTN-CN và BM Toán đã tổ chức Hội thi NVSP của ngành nhằm rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho SV ngành Sư phạm Toán học đáp ứng CDR của CTĐT, tạo cơ hội cho SV giải quyết các tình huống gắn với công việc trong tương lai. Trong Trường có trường THPT Thực hành Cao Nguyên và Trung tâm Kỹ năng sư phạm là nơi để các SV sư phạm thực hành, thực tập. Khi thực tập tại các trường THPT, NH được GV, cơ sở đánh giá sau mỗi đợt thực tập. Việc thực tập, thực tế của SV tuân theo các tiêu chí cụ thể (cả về nội dung, phương pháp, và kỹ năng) được nêu rõ trong đề cương HP và được các GV lập kế hoạch, liên hệ và giám sát. Hàng năm, Nhà trường thu thập YKPH của NH về tình hình giảng dạy của GV [H3.03.02.01], [H3.03.02.02], có kế hoạch và báo cáo kết quả BDCL và báo cáo công tác BDCL hàng năm [H4.04.02.04], [H4.04.02.05], [H4.04.02.06], [H4.04.02.08]. Ngành có tổ chức hội thảo đổi mới PPGD và nâng cao chất lượng của ngành Sư phạm Toán học [H4.04.02.07].

Người học được tiếp cận chương trình học tập linh hoạt để có thể chủ động lựa chọn thời gian, GV, lộ trình học tập theo nhu cầu và khả năng của bản thân [H3.03.01.01]. SV có thể đăng ký học ngành 2 theo nhu cầu của cá nhân.

Học phần Phương pháp NCKH, giúp SV có kiến thức, kỹ năng NCKH để học chuyên môn và sau này ra trường có thể NCKH về chuyên môn và giáo dục. SV được khuyến khích tham gia các đề tài NCKH của GV và SV có thể tự đăng kí đề tài NCKH để Trường xét duyệt và cấp kinh phí [H4.04.02.02].

Người học được trang bị kiến thức và kỹ năng khi học các HP Kỹ năng mềm và Khởi nghiệp trong CTĐT để đạt được CĐR [H1.01.01.01].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt. Đội ngũ GV giảng dạy ngành Sư phạm Toán học luôn đổi mới PPGD, vận dụng CNTT, cập nhật các thay đổi, đổi mới trong chương trình Toán học ở trường THPT để giảng dạy cho SV. Các hoạt động dạy - học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng khóa, từng năm học nhằm đạt CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ cởi mở giữa GV và SV.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động dạy và học ở một số HP chưa thực sự kết hợp giữa các vấn đề lý thuyết và thực hành nên việc vận dụng kiến thức và kỹ năng vào thực tế của SV chưa cao; CSVC trang thiết bị vẫn còn chưa đáp ứng nhu cầu hiện đại hóa PPGD; chất lượng đầu vào không đồng đều ảnh hưởng nhất định đến hoạt động dạy và học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 – 2023, để khắc phục điểm tồn tại, BM Toán

- Chú trọng công tác hoàn thiện CTĐT theo hướng phù hợp hơn với yêu cầu giảng dạy ở bậc THPT.
- Kiến nghị với Nhà trường về việc hiện đại hóa trang thiết bị phục vụ dạy học.
- Đẩy mạnh công tác tuyển sinh để có đầu vào có chất lượng hơn Tổ chức các hoạt động ngoại khóa bổ trợ về nghiệp vụ, kỹ năng cho SV.
- Kiến nghị Nhà trường cải tiến phương thức hợp tác với các cơ sở thực tập, có chế độ phù hợp cho cán bộ hướng dẫn nhằm nâng cao chất lượng thực tập, thực tế của SV.

Để phát huy điểm mạnh, BM Toán tiếp tục chú trọng điều chỉnh thường xuyên các hoạt động dạy – học phong phú, đa dạng cho phù hợp với từng lớp, từng khóa, từng năm học nhằm đạt CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả

Tất cả các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động NCKH SV, các bài tập nhóm, bài thực hành, bài thảo luận môn học đều hướng tới mục tiêu hình thành ở NH các kỹ năng thiết yếu và kỹ năng mềm. Các bài tập nhóm, bài thảo luận giúp SV hình thành kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng ứng xử; những bài tập thực tế giúp SV hiểu, phân tích được tình huống, kỹ năng giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo trong dạy học. 100% ĐCCT của từng HP đều mô tả những kỹ năng mà SV cần đạt được sau quá trình học tập và các GV có thể sử dụng linh động nhiều PPGD nhằm rèn luyện kỹ năng cho SV một cách hiệu quả [H1.01.01.01].

Từ năm học 2020, HP kỹ năng mềm đã được đưa vào CTĐT như một HP bắt buộc cho tất cả các ngành [H1.01.01.01]. Bên cạnh đó, việc mở những lớp học kỹ năng mềm online cũng đã thu hút được nhiều NH tham gia nhờ tính cần thiết và linh động cho chính NH. Trường đã ban hành thông báo số 855/TB-ĐHTN ngày 22/4/2020 về việc tổ chức khóa học online về Kỹ năng mềm hỗ trợ khả năng tìm kiếm việc làm về khởi nghiệp [H4.04.03.01], [H4.04.03.02].

Trong mỗi HP đều qui định rõ về thời lượng lên lớp, thời gian thực hành và thời gian dành cho việc tự học, tự nghiên cứu của SV nhằm hướng tới nâng cao khả năng học tập suốt đời của SV [H1.01.01.01]. Bên cạnh đó, việc nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu cho NH còn được thể hiện qua việc thực hiện các đề tài tốt nghiệp cuối khóa [H4.04.03.03], đề tài khoa học cơ sở của SV và tham gia các hội thảo khoa học chuyên ngành [H4.04.03.04], [H4.04.03.05], [H4.04.03.06]. SV có thể đăng ký đề tài khoa học SV thực hiện trong thời gian 1 năm trong quá trình học tập tại trường. Các hội thảo khoa học/sinh hoạt học thuật/hoạt động ngoại khóa cũng được tổ chức rất thường xuyên tại BM để khuyến khích phong trào NCKH trong SV [H4.04.03.06]. Các chuyên đề khóa luận tốt nghiệp được đưa vào CTĐT nhằm giúp cho NH đạt được khả năng diễn đạt kiến thức, tìm tòi tài liệu, trình bày suy nghĩ của mình và phản biện lẫn nhau đã tạo ra sự say mê học hỏi, tăng hoạt động tự học, tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH.

Các GV tham gia giảng dạy các HP sử dụng các hoạt động và PPGD phù hợp nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời

[H1.01.01.01]. Đồng thời, BM cũng thường xuyên mời các chuyên gia có trình độ cao và kiến thức thực tiễn, tâm huyết, về giảng dạy hoặc trao đổi khoa học, tạo tinh thần cởi mở, phản biện và học hỏi lẫn nhau trong khoa học [H4.04.03.07]. Ngoài ra, NH sẽ có thể sử dụng công thông tin học tập trực tuyến để phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu online chẳng hạn như NH sẽ sử dụng phần mềm đăng kí TC của Nhà trường để tự đăng ký các HP vào đầu mỗi học kỳ, xem kết học học tập, download tài liệu học tập, giáo trình,... trực tiếp từ website của Khoa KHTN-CN và website của trường ĐHTN [H4.04.03.08], [H4.04.03.09]. Hệ thống giáo trình, bài giảng, sách tham khảo tại thư viện cũng như nguồn dữ liệu online được cập nhật, bổ sung hàng năm để cung cấp đầy đủ cho SV phương tiện để lĩnh hội kiến thức một cách chủ động, tự giác, tăng cường thói quen tự học của SV [H4.04.03.10], [H4.04.03.11].

Để giúp cho GV có thông tin phản hồi, Trường thường xuyên tổ chức các đợt tương tác giữa hoạt động dạy và học. Do vậy, lấy YKPH của SV là một việc cần thiết và không thể thiếu, được thực hiện hằng năm [H4.04.03.12], [H4.04.02.01], [H4.04.03.13].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học của ngành hiện nay được tổ chức rất đa dạng tạo điều kiện cho NH rèn luyện được các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH.

3. Điểm tồn tại

Nhiều SV khi mới bước vào môi trường đại học chưa có thói quen tự học, tự rèn luyện kỹ năng nếu không có sự theo dõi sát sao từ GV. Ngoài ra, số lượng SV hiện nay trong một số lớp HP quá đông nên nhiều HP chưa phát huy được tính tự giác và tích cực của NH trong quá trình tương tác với GV.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022-2023, Nhà trường, Khoa KHTN-CN, BM Toán tiếp tục tăng cường việc rèn luyện cho SV kỹ năng và khả năng tự học, tự nghiên cứu nhằm nâng cao năng lực của SV, đáp ứng được CDR và nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Năm 2020, BM đã và đang tiếp tục cập nhật, chỉnh sửa CTDH theo định kỳ hằng năm của Nhà trường và bổ sung thêm các tiêu chí “có thể tự học, từ đào tạo và học lên các bậc học cao hơn để nghiên cứu Toán học và Khoa học giáo dục” vào mục tiêu chung của đào tạo chuyên ngành Sư phạm Toán học.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Nhìn chung, phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT ngành Sư phạm Toán học là phù hợp và đúng đắn. Mục tiêu được diễn đạt rõ ràng và được công bố công khai, rộng rãi. Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt, giúp NH đạt CDR. Các hoạt động học tập đa dạng như NCKH, tự học, thảo luận, thuyết trình, thực tập, thực hành, các khóa học nâng cao kỹ năng mềm còn giúp SV có tinh thần học suốt đời. Có sự tương tác hỗ trợ giữa người dạy và NH. Môi trường học cởi mở, thân thiện, tôn trọng nâng đỡ NH.

Bên cạnh đó, vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục, đó là số ít SV chưa xác định được động cơ học tập đúng đắn, còn thụ động, thiếu kỹ năng tự học và tự nghiên cứu. Việc đánh giá KQHT còn chú trọng nhiều vào khả năng nhớ và hiểu, chưa có sự ưu tiên đánh giá khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng tự học và các kỹ năng mềm khác.

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 4: Mức đạt được của tiêu chuẩn: 5/7.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá KQHT của NH là một trong những yếu tố quan trọng nhất của GDDH. Kết quả đánh giá cung cấp cho các BLQ về mức độ đạt được của NH so với CDR của CTĐT. Việc đánh giá KQHT của SV được thực hiện thông qua việc đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ nhằm xác định mức độ kiến thức và năng lực NH đạt được so với mục tiêu và CDR học phần và CTĐT.

Các quy định cơ bản về đánh giá được thông báo công khai tới NH thông qua các buổi sinh hoạt công dân đầu khóa cho SV và được quy định cụ thể ở cuốn sổ tay SV được gửi cho NH vào học kỳ đầu khóa. Đặc biệt, trước khi bắt đầu học mỗi HP, NH được thông báo về kế hoạch, hình thức và tiêu chí KTĐG sử dụng trong HP đó. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời và công khai qua nhiều kênh để NH tiếp cận dễ dàng, chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học phải được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được của chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Đánh giá KQHT của NH là một khâu quan trọng trong ĐTDH và được thực hiện liên tục trong suốt khóa học. Quy trình KTĐG kết quả học tập SV ngành Sư

phạm Toán học được thực hiện theo Quy chế ĐTDH, cao đẳng (CD) hệ chính quy theo hệ thống TC của Bộ GDĐT [H3.03.01.01], Quy chế ĐTDH, CD hệ chính quy theo hệ thống TC của Trường ĐHTN [H5.05.01.01] và Quy định về công tác khảo thí của Trường ĐHTN trong đó có các quy định về quy trình tổ chức đánh giá, thủ tục khiếu nại/phúc khảo, kiểm tra KQHT [H5.05.01.02]. Các quy định về kiểm tra và thi được quy định rõ ràng và công bố công khai, thông qua đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa cho SV, buổi họp giữa lớp và CVHT. Ngoài ra, vào buổi học đầu đầu tiên của mỗi HP, GV thông báo cho SV về cách thức đánh giá của HP, thời gian dự kiến để SV lên kế hoạch hoặc điều chỉnh phương pháp học tập phù hợp. SV tham gia các lớp HP có thể theo dõi tất cả các thông tin liên quan đến hoạt động đào tạo, kiểm tra - thi được cập nhật một cách công khai thông qua trang thông tin điện tử của Trường hoặc tài khoản cá nhân tại địa chỉ <https://www.ttn.edu.vn> [H1.01.01.14]. Nội dung đánh giá môn học bao gồm đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Đánh giá quá trình được thực hiện thông qua kết quả của đánh giá tính chuyên cần, ý thức, thái độ học tập và hồ sơ học tập, ...). Đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ bằng hình thức tự luận [H5.05.01.01].

Cơ sở của việc đánh giá KQHT là CDR được đưa ra trong bản mô tả CTĐT ngành Sư phạm Toán học và bản mô tả ĐCCT các HP. CDR của HP phải đáp ứng CDR của CTĐT và CDR của CTĐT phải đáp ứng mục tiêu của CTĐT thông qua các ma trận kỹ năng [H1.01.01.01]. Phương pháp KTĐG kết quả học tập của NH được thiết kế đa dạng, phù hợp, nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức độ đạt được CDR, bao gồm bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thuyết trình nhóm, vấn đáp, bài tập lớn, tiểu luận,... Việc xây dựng đề cương có quy định rõ về yêu cầu, cách thức KTĐG, tỷ trọng điểm thành phần [H1.01.01.01].

Đề thi kết thúc HP của ngành Sư phạm Toán học được trưởng BM phê duyệt trên cơ sở xem xét khả năng đánh giá của đề thi theo 5 mức độ: biết, hiểu, vận dụng, phân tích - tổng hợp và sáng tạo; khả năng đáp ứng mục tiêu và nội dung của từng HP; sự phù hợp về nội dung, kỹ năng, phương pháp và tính khả thi, tính mới, độ khó của đề thi [H5.05.01.03], [H5.05.01.04]. Nội dung KTĐG học phần đảm bảo tính chính xác, khoa học, phù hợp với nội dung môn học được quy định trong CTĐT, độ bao quát kiến thức tương ứng mức độ đạt được CDR là những yêu cầu và tiêu chuẩn quan trọng để thẩm định chất lượng của các đề thi [H5.05.01.03].

Điều kiện để SV được làm khóa luận và chuyên đề cuối khóa, cách thức đánh giá được quy định trong Quy chế ĐTDH, CD hệ chính quy theo hệ thống TC [H5.05.01.01]. Ngoài ra Nhà trường còn ban hành quy định về đánh giá khóa luận, chuyên đề trong đó có tiêu chí đánh giá và các biểu mẫu để việc đánh giá được công bằng và chất lượng [H5.05.01.05]. Đối với các học phần KTSP và TTSP, Nhà trường đã xây dựng quy định về KTSP và TTSP, các tiêu chí đánh giá và các biểu mẫu kèm theo để việc đánh giá được chặt chẽ, khách quan và đảm bảo yêu cầu đặt ra của các HP [H5.05.01.06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các quy định rõ ràng về đánh giá KQHT của NH. Công tác KTĐG KQHT của NH không ngừng được đổi mới và cải tiến theo hướng đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu, CDR từng HP và CTĐT.

Các quy định về KTĐG thường xuyên được công bố công khai, minh bạch đến NH thông qua nhiều hình thức khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù chú trọng thiết kế việc đánh giá KQHT theo các thang bậc cao của CDR nhưng việc kiểm tra, đánh giá chưa thật sự đồng đều về độ bao quát mục tiêu, nội dung môn học, CTĐT, độ khó cũng như đáp ứng yêu cầu đánh giá cả kiến thức và kỹ năng, đảm bảo cân đối các mức độ nhớ, hiểu, phân tích, vận dụng, sáng tạo.

Nhà trường chưa tổ chức thống kê phân tích định lượng các kết quả thi để đánh giá mức độ khó, dễ, phù hợp của các hình thức kiểm tra/thi nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức đạt được CDR và có hướng điều chỉnh cho phù hợp.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 – 2023, Bộ môn Toán tiếp tục rà soát hình thức kiểm tra, đánh giá nhằm đảm bảo mức độ phù hợp với nội dung giảng dạy và CDR, đồng thời phân tích đánh giá KQHT của NH để điều chỉnh một cách hợp lý.

Nhà trường, Khoa và Bộ môn kết hợp với Phòng QLCL tổ chức phân tích định lượng kết quả kiểm tra/thi của NH để đánh giá chính xác hơn KQHT của SV.

6. Tự đánh giá: Mức độ đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan)

rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả

Nhằm giúp cho việc đánh giá KQHT của NH theo các mức độ đạt được của CĐR, Nhà trường đã xây dựng các quy định về đánh giá KQHT của NH một cách rõ ràng. Các quy định đó bao gồm Quy chế ĐTDH, CĐ hệ chính quy theo hệ thống TC [H5.05.01.01] và Quy định về công tác khảo thí Trường ĐHTN [H5.05.01.02].

Việc KTĐG bao gồm KTĐG thường xuyên và kiểm tra kết thúc môn học. KTĐG thường xuyên dưới các hình thức: kiểm tra trong quá trình học tập, đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, đánh giá thực hành, đánh giá chuyên cần, kiểm tra giữa HP. Kế hoạch làm bài kiểm tra giữa HP được GV thông báo trước để SV chuẩn bị. Kiểm tra kết thúc HP có thể được thực hiện vào tuần thứ 7 của học kỳ (Thi học kỳ lần 1) hoặc tuần thứ 16 của học kỳ (Thi học kỳ lần 2) [H5.05.02.01]. Kế hoạch thi kết thúc HP cụ thể được Nhà trường thông báo trên trang thông tin điện tử của Trường <https://www.ttn.edu.vn> [H5.05.02.02].

Nhà trường cải tiến các hình thức KTĐG kết quả học tập của NH nhằm đảm bảo việc đánh giá KQHT theo quá trình và theo tiếp cận năng lực của NH. Điểm HP được tính dựa trên điểm bộ phận và điểm thi kết thúc HP, trong đó điểm đánh giá bộ phận không quá 30% và điểm thi kết thúc HP không dưới 70%. Điểm đánh giá bộ phận được tính dựa vào các điểm như: điểm kiểm tra trong quá trình học tập, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm đánh giá thực hành, điểm đánh giá chuyên cần, điểm kiểm tra giữa HP, điểm tiểu luận,... [H5.05.01.01], [H1.01.01.01]. Điểm bộ phận được công bố công khai với SV trước khi kết thúc môn học [H5.05.02.03]. Điểm HP được cập nhật trên trang thông tin điện tử của Nhà trường [H5.05.02.02]. Phòng Quản lý chất lượng công bố công khai quy định việc phúc tra kết quả thi của SV [H5.05.02.02], [H5.05.02.04].

Tiêu chí về KTĐG học phần được quy định cụ thể trong ĐCCT học phần, trong đó, nội dung KTĐG phải đáp ứng các CĐR của HP [H1.01.01.01]. Để đảm bảo việc KTĐG đạt được các CĐR, Nhà trường yêu cầu GV nộp ngân hàng đề thi trong đó có quy định về thời lượng và cấu trúc đề thi đảm bảo bao quát nội dung của từng HP [H5.05.01.02], [H5.05.01.03], [H5.05.02.05].

Tiêu chí đánh giá khóa luận, chuyên đề được thực hiện theo Quy định về khóa luận, chuyên đề [H5.05.01.05]. Đối với các học phần KTSP và TTSP, Nhà trường đã

xây dựng quy định, trong đó có các tiêu chí đánh giá và các biểu mẫu kèm theo để việc đánh giá được chặt chẽ, khách quan, đảm bảo yêu cầu đặt ra của các HP [H1.01.01.01], [H5.05.01.06].

Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, SV được phổ biến quy chế đào tạo trong đó có quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi [H5.05.01.01], [H5.05.02.06]. Để SV có thể nắm rõ hơn về quy định KTĐG, mỗi SV được cung cấp một cuốn Sổ tay SV vào học kỳ đầu tiên của khóa học [H1.01.01.12]. Ngoài ra, SV được phổ biến trực tiếp quy chế KTĐG, điều kiện tốt nghiệp,... từ CVHT [H5.05.02.07]. Các thông tin, quy định về kiểm tra, đánh giá các môn học cũng được GV thông báo đến SV thông qua việc giới thiệu đề cương môn học, quy định về KTĐG môn học ngay từ buổi học đầu tiên của mỗi môn học.

Cơ chế phản hồi của NH về đánh giá KQHT được thực hiện dưới nhiều hình thức như buổi sinh hoạt của lớp với CVHT [H4.04.01.09], Hội nghị đối thoại SV cấp lớp, cấp khoa [H4.04.01.08] và cấp Trường [H5.05.02.08].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch và các quy định về KTĐG KQHT của NH theo CTĐT ngành Sư phạm Toán học rõ ràng, đúng kế hoạch và được thông báo công khai tới NH.

3. Điểm tồn tại

Việc tìm kiếm, nắm bắt thông tin của GV về quy định kiểm tra, đánh giá NH còn hạn chế về độ nhanh nhạy, sự chủ động, kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 – 2023, Nhà trường, Khoa KHTN-CN và Bộ môn Toán tăng cường phổ biến các quy định về kiểm tra, đánh giá NH đến GV thông qua các hình thức email, mạng xã hội, hệ thống văn bản nội bộ, đăng tải lên trang thông tin điện tử của Trường.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả

Phương pháp đánh giá và qui trình kiểm tra KQHT của NH được xác định cụ thể trong Quy định tổ chức thi kết thúc học phần ĐTDH, CD hệ chính quy theo học

chế TC, Quy định ĐTDH, CD hệ chính quy theo hệ thống TC và Quy định về việc giao khóa luận, chuyên đề tốt nghiệp cho SV cuối khóa hệ chính quy [H3.03.01.01], [H5.05.01.02], [H5.05.03.01]. Hình thức và phương pháp đánh giá mỗi HP của ngành Sư phạm Toán học được quy định rõ trong ĐCCT học phần [H1.01.01.01], bao gồm điểm tích lũy và điểm thi kết thúc HP.

Hình thức đánh giá điểm tích lũy được GV đưa ra cho phù hợp tùy theo đặc thù từng môn học bao gồm điểm chuyên cần, điểm làm bài tập, điểm SV trả lời câu hỏi, làm bài tập nhóm, điểm kiểm tra hay điểm tiểu luận... Để đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng thì GV phổ biến hình thức đánh giá điểm tích lũy cho NH ngay khi bắt đầu môn học và công bố điểm khi kết thúc môn học. Hình thức thi kết thúc các HP của ngành Sư phạm Toán học là hình thức thi tự luận và thi vấn đáp được quy định rõ trong ĐCCT học phần và quy định tổ chức thi kết thúc HP đào tạo Đại học, CD hệ chính quy theo học chế TC [H5.05.01.02], [H1.01.01.01], [H5.05.03.04]. Đề thi tự luận và đề thi vấn đáp được nhóm GV phụ trách môn học soạn dưới dạng ngân hàng câu hỏi, được duyệt cấp BM, cấp Khoa và nộp về Trung tâm khảo thí. Ngân hàng câu hỏi thi được cập nhật thường xuyên bảo đảm được tính đa dạng, độ tin cậy [H5.05.03.02], [H5.05.03.03], [H5.05.01.04]. Phòng Khảo thí và BDCL bảo quản ngân hàng câu hỏi. Việc làm đề, in sao đề thi, bảo quản đề thi, tổ chức thi, làm phách, rọc phách và bảo quản bài thi được thực hiện bởi các CB được nhà trường cử từ các đơn vị liên quan trong Quyết định các ban thi các hệ đào tạo hàng năm [H5.05.03.09]. GV phụ trách môn học làm đáp án, lên trung tâm khảo thí chấm thi, lên điểm và giao cho CB trung tâm khảo thí nhập điểm thi. Quy trình này đảm bảo được tính bảo mật, khách quan, chính xác và công bằng, thực hiện theo đúng quy chế. Cuối mỗi đợt thi, kết quả thi sẽ được lưu trên bảng điểm giấy và trên phần mềm quản lý điểm trường ĐHTN và được công bố trên phần mềm đào tạo TC Nhà trường theo tài khoản của mỗi SV [H5.05.03.04]. Chuyên đề hoặc khóa luận tốt nghiệp được thông qua hội đồng xét duyệt đề cương trước khi thực hiện để đảm bảo độ giá trị, tin cậy và công bằng. Việc chấm chuyên đề hoặc khóa luận tốt nghiệp được thực hiện theo tiêu chí thái độ làm việc, quá trình làm việc, kết quả nghiên cứu. BM Toán thành lập hội đồng chấm và tổ chức buổi bảo vệ khóa luận, chuyên đề cho SV [H3.03.03.02]. Kết quả chấm chuyên đề hoặc khóa luận tốt nghiệp là điểm trung bình cộng các điểm của các thành viên trong hội đồng, được làm tròn đến một chữ số thập phân theo thang điểm

10 trước khi chuyển sang điểm chữ. Kết quả này phải được công bố chậm nhất 3 tuần kể từ ngày nộp khóa luận, chuyên đề tốt nghiệp [H5.05.03.05], [H5.05.03.10]. Sau mỗi học kì, Nhà trường sẽ khảo sát lấy YKPH của từng NH cho từng HP. Trong phiếu khảo sát có tiêu chí đánh giá về hoạt động KTĐG KQHT của GV [H5.05.03.06]. Dựa vào kết quả khảo sát lấy ý kiến về những HP do GV BM Toán giảng dạy, BM họp, góp ý và điều chỉnh cho phù hợp nhằm nâng cao chất lượng dạy và học [H5.05.03.07], [H5.05.03.08].

2. Điểm mạnh

Hình thức và phương pháp KTĐG KQHT của SV đa dạng bao gồm làm bài tập, tiểu luận, làm bài kiểm tra tự luận và làm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp... đã giúp quá trình đánh giá theo các mức độ CDR hiệu quả hơn.

Ngân hàng đề thi được cập nhật liên tục và được duyệt cấp BM trước khi được đưa vào sử dụng.

Hình thức đánh giá và kết quả đánh giá được công bố công khai đối với NH nên đảm bảo được độ tin cậy, khách quan và công bằng.

3. Điểm tồn tại

Kết quả thi một số HP chưa được thông báo kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 – 2023, BM Toán tiếp tục thông báo, đốc thúc GV (đặc biệt là GV thỉnh giảng) chấm thi kịp thời để thông báo KQHT cho SV. Tiếp tục thực hiện tốt công tác đánh giá KQHT của NH theo đúng quy trình, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng HP và CDR của CTĐT.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả

Kết quả học tập của NH được đưa vào Báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học mới của Khoa KHTN-CN hàng năm, trong đó có thống kê tỷ lệ SV giỏi, khá, trung bình, yếu; tỷ lệ SV tốt nghiệp của ngành Sư phạm Toán học; tỷ lệ SV lên lớp, bị cảnh cáo học tập, bị thôi học hàng năm nhằm theo dõi KQHT của SV các khóa theo từng năm học [H5.05.04.01]. KQHT của từng HP gồm 2 cột điểm:

điểm tích lũy và điểm thi kết thúc HP. Điểm tích lũy được GV phụ trách môn học thông báo cho NH ngay khi kết thúc HP. NH biết điểm tích lũy và kí tên vào bảng điểm giấy do GV phụ trách HP đưa. Sau đó GV sẽ nhập vào phần mềm nhập điểm [H5.05.03.04]. NH dựa vào tài khoản của mình trên cổng thông tin điện tử của nhà trường có thể truy cập, phản hồi lại GV phụ trách HP nếu quá trình nhập điểm bị sai sót [H5.05.02.02]. Điểm thi kết thúc HP và kết quả đánh giá HP sẽ được thông báo công khai kịp thời trên phần mềm quản lý đào tạo của NH chậm nhất 15 ngày sau khi thi kết thúc HP thông qua tài khoản của NH [H5.05.02.02]. KQHT của NH được lưu trữ đầy đủ, rõ ràng theo tiến trình học tập của NH, NH có thể tiếp cận, tra cứu dễ dàng. Ngay khi nhận được KQHT, NH có quyền gửi đơn phúc tra đến Phòng Khảo thí và BDCL giáo dục đề nghị xem xét bài thi nếu thấy kết quả chưa tương xứng với bài làm của mình [H5.05.04.02]. Phòng Khảo thí và BDCL giáo dục yêu cầu GV phụ trách chấm HP xem xét, chấm lại và giải trình kết quả đánh giá và sau đó phản hồi kịp thời đến NH [H5.05.04.03], [H5.05.02.04].

Sau mỗi học kì, Nhà trường dựa vào kết quả tổng kết điểm của NH đưa ra hình thức tuyên dương, khen thưởng, cấp học bổng để khuyến khích, động viên NH [H5.05.04.04], [H5.05.04.05]. Đối với NH chưa đạt yêu cầu Nhà trường đưa ra hình thức cảnh báo hay tạm dừng quá trình học tập đồng thời yêu cầu CVHT hỗ trợ tư vấn để NH cải thiện tình trạng học tập của mình [H5.05.04.06], [H3.03.02.03]. Đối với những SV năm cuối, nhà trường đã tổ chức khảo sát lấy ý kiến về CLĐT, trong đó có tiêu chí đánh giá việc công bố, phản hồi KQHT của SV có kịp thời, có đúng quy định không, từ đó có biện pháp khắc phục kịp thời [H4.04.03.13].

2. Điểm mạnh

Người học được thông báo KQHT nhanh chóng, kịp thời bằng nhiều hình thức khác nhau. NH đạt kết quả tốt được cấp học bổng khuyến khích, được tuyên dương khen thưởng. NH đạt kết quả chưa tốt được CVHT tư vấn kịp thời, sát sao để cải thiện KQHT.

Người học được cấp tài khoản riêng trên cổng thông tin điện tử của nhà trường để truy cập KQHT đảm bảo tính nhanh chóng, chính xác và riêng tư.

3. Điểm tồn tại: Kết quả chấm thi kết thúc HP đôi khi còn chậm.

4. Kế hoạch hành động: Từ năm 2022, BM tiếp tục chủ động thông báo lịch chấm thi cho các CB trong BM, đôn đốc GV chấm cho kịp tiến độ.

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả

Trong quá trình học tập, NH được quyền phúc tra khiếu nại KQHT theo các quy định, quy trình khiếu nại của Nhà trường được ghi rõ trong Quy định công tác khảo thí trường ĐHTN [H5.05.01.02]. Cụ thể như sau:

+ Các quy trình và hình thức khiếu nại được Nhà trường triển khai ngay khi SV nhập học thông qua tuần sinh hoạt công dân đầu khóa [H5.05.05.01].

+ Trong quá trình học các HP: Đối với điểm đánh giá quá trình (bao gồm điểm chuyên cần, điểm kiểm tra, điểm tiểu luận...), NH khiếu nại trực tiếp với GV giảng dạy khi công bố điểm trên lớp. Sau khi kết thúc HP giảng viên nhập điểm tích lũy, NH có thể phản hồi trực tiếp với GV phụ trách HP nếu quá trình nhập điểm bị sai sót [H5.05.05.02]; Đối với điểm thi kết thúc HP, NH làm đơn phúc tra gửi phòng QLCL đề nghị xem xét lại bài thi nếu thấy điểm trên phần mềm chưa tương xứng với bài làm của mình. Phòng QLCL yêu cầu GV phụ trách HP giải quyết cho SV theo quy định. Kết quả phúc tra bài thi được thông báo ngay cho SV và cập nhật, chỉnh sửa vào Sổ phúc tra bài thi để lưu nếu có sai sót [H5.05.04.03], [H5.05.02.04], [H5.05.04.02]. KQHT của NH được Khoa và Nhà trường thông báo kịp thời và công khai đến GV và NH qua tài khoản của NH để NH có phản hồi và khiếu nại KQHT [H5.05.02.02]. Đối với điểm trung bình chung học tập năm học, sau mỗi học kỳ, NH đều có thể tự đối chiếu trên phần mềm và có quyền khiếu nại khi có sai sót [H5.05.04.02], [H5.05.02.02]. Các mẫu văn bản, giấy tờ liên quan tới việc khiếu nại KQHT đều được đăng tải trên website của Nhà trường [H5.05.05.03].

2. Điểm mạnh

Quy trình khiếu nại được công bố rộng rãi, NH dễ dàng tiếp nhận. Nhà trường đã giải quyết tốt việc khiếu nại về KQHT để hỗ trợ cho NH trong quá trình học tập tại trường.

Mỗi NH được cấp 01 tài khoản truy cập cổng thông tin đào tạo riêng và có thể xem điểm một cách nhanh chóng. Cuối mỗi học kỳ, NH có thể kiểm tra, đối chiếu KQHT và kiến nghị điều chỉnh nếu phát hiện có sai sót.

3. Điểm tồn tại

Việc công bố KQHT sau mỗi kỳ thi đôi khi còn chậm nên ảnh hưởng đến việc phúc tra kết quả của SV; Quy trình phúc tra khiếu nại chưa được bổ sung trong sổ tay SV.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 – 2023, Nhà trường sẽ bổ sung quy định, quy trình khiếu nại về KQHT trong sổ tay SV nhằm giúp NH tiếp cận dễ dàng hơn theo quy trình này.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Mặc dù còn một số điểm tồn tại như đã nêu nhưng nhìn chung, việc đánh giá KQHT của ngành Sư phạm Toán học được thực hiện một cách bài bản, bám sát các quy định, hướng dẫn của Trường ĐHTN để đảm bảo tính công khai, minh bạch và công bằng trong đánh giá KQHT của NH. BM Toán tập trung vào đánh giá năng lực của NH thông qua các kỳ thi/kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được CDR của môn học và CTĐT, đa dạng hóa các phương thức đánh giá, phản hồi đến NH để NH xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập.

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 5: Mức đạt được của Tiêu chuẩn: 4.8/7.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Đối với một trường đại học, đội ngũ GV, nghiên cứu viên (NCV) đóng vai trò then chốt trong chiến lược phát triển. Bởi đây là lực lượng nòng cốt đảm bảo và quyết định đến CLĐT và NCKH để từ đó đáp ứng tốt hơn cho nhiệm vụ phục vụ cộng đồng (PVCD).

Trường ĐHTN với lịch sử gần 45 năm xây dựng và phát triển, CLĐT ngày một được nâng cao, số lượng ngành nghề đào tạo ngày càng nhiều, càng phong phú, bậc đào tạo cũng được phát triển từ chỗ chỉ có đào tạo bậc đại học thì nay có cả đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ. Với bề dày lịch sử như thế, để có được sự phát triển như đã đề cập, thì việc xây dựng quy hoạch và kế hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV luôn được Nhà trường quan tâm.

Nằm trong chiến lược phát triển chung của Nhà trường, của khoa KHTN-CN, BM Toán luôn chú trọng đến việc xây dựng và phát triển đội ngũ GV có đủ năng lực và phẩm chất nghề nghiệp để đáp ứng yêu cầu phát triển của BM trong tình hình hội nhập và hợp tác. Hằng năm, BM có rà soát và đánh giá tình hình công tác CB để có

những đề xuất kịp thời nhằm đảm bảo luôn có một đội ngũ GV đủ mạnh về số lượng và chất lượng để đảm nhận nhiệm vụ đào tạo ngành Sư phạm Toán học có chất lượng cao, đáp ứng các mục tiêu đã đề ra và đáp ứng CĐR của chương trình.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Đội ngũ GV, NCV đóng vai trò nòng cốt và quyết định CLĐT, NCKH, qua đó ảnh hưởng đến hiệu quả PVCĐ. Vì vậy, Nhà trường coi việc quy hoạch, xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV là nhiệm vụ quan trọng. Đảng ủy có Nghị quyết về quy hoạch xây dựng và phát triển đội ngũ CB [H6.06.01.01], Nhà trường đã ban hành Quyết định về việc Quy định quy trình tuyển dụng CB, công chức, viên chức [H6.06.01.02] để có kế hoạch thống nhất trong toàn Trường về công tác xây dựng đội ngũ GV, NCV. Quy trình này được rà soát, cập nhật, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với từng thời gian, thời điểm và tình hình thực tế của Nhà trường [H6.06.01.03]. Trên cơ sở Quy trình đã được ban hành, Nhà trường yêu cầu các đơn vị, các khoa rà soát, đánh giá mức độ đáp ứng công việc của đội ngũ CB, GV, NCV hiện tại, căn cứ vào định hướng phát triển đề đề xuất, quy hoạch xây dựng đội ngũ GV, NCV đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Sau khi các đơn vị, các khoa có danh sách đề xuất, Nhà trường tổng hợp, rà soát lại và ra thông báo tuyển dụng. Việc tuyển dụng được thực hiện thường xuyên theo năm [H6.06.01.04], [H6.06.01.05], [H6.06.01.06].

Bên cạnh việc thực hiện công tác tuyển dụng theo quy định, Nhà trường còn có các chính sách thu hút riêng để khuyến khích, động viên người có trình độ cao về Trường làm việc. Cụ thể, hỗ trợ thêm một trăm triệu đồng/người đối với người có trình độ tiến sỹ [H6.06.01.07].

Thực hiện chủ trương của Nhà trường, các khoa, BM và đơn vị trong Trường tiến hành rà soát, đánh giá đội ngũ CB, GV, NCV về mức độ đáp ứng công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ để đề xuất quy hoạch tuyển dụng. Đối với BM Toán, với sự chỉ đạo sát sao và thường xuyên của Lãnh đạo Khoa KHTN-CN qua các buổi họp giao ban Khoa, BM đã thực hiện công tác quy hoạch đội ngũ GV theo hai hướng: quy hoạch tuyển dụng để đáp ứng giảng dạy các HP còn thiếu GV [H6.06.01.05], mặt khác

quy hoạch đào tạo để đáp ứng nhu cầu nâng cao CLĐT và NCKH. Cho đến hiện tại, tháng 04/2021, BM có 13 GV thì trong đó có 06 tiến sỹ, 03 GV đang là NCS, 04 GV có trình độ thạc sỹ và đang có kế hoạch học tiến sỹ trong một vài năm tới. Với đội ngũ GV hiện tại, BM Toán có đủ điều kiện để nâng cao CLĐT và NCKH. Hằng năm BM có nhiều công trình nghiên cứu là các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế uy tín, nhiều bài báo trong nước [H6.06.01.08].

Ngoài việc hoàn thành tốt các nhiệm vụ đào tạo, NCKH và PVCD được Nhà trường giao, các GV của BM cũng tích cực tham gia hợp tác với các đối tác bên ngoài, cả trong và ngoài nước, qua đó nâng cao trình độ của bản thân và tạo mối quan hệ hợp tác trong chuyên môn.

2. Điểm mạnh

Nhà trường, Khoa và BM Toán luôn quan tâm đến công tác quy hoạch và phát triển đội ngũ GV, NCV, có các quy định, quy trình cụ thể, có các văn bản chỉ đạo sát sao và thường xuyên, có chính sách hỗ trợ để thu hút người có trình độ cao. Nhờ đó, đội ngũ GV của BM có tính kế thừa, có sự dè dặt để đảm bảo các GV trẻ có đủ tự tin, năng lực công tác.

GV của BM tích cực tham gia hợp tác với các đối tác bên ngoài Trường để tăng cường mối liên hệ chuyên môn và nâng cao trình độ.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù việc tuyển dụng được thực hiện thường xuyên nhưng số lượng được phép tuyển dụng còn hạn chế nên các GV của BM Toán hiện nay phải đảm nhận giảng dạy nhiều dẫn đến thời gian dành cho NCKH ít.

Bộ môn chưa xây dựng được kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên cho GV.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 – 2023, BM Toán tiếp tục rà soát, đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH của từng GV, của từng chuyên ngành để có các đề xuất cụ thể, hợp lý hơn và thuyết phục hơn để có các kế hoạch tuyển dụng cụ thể. Rà soát và phân công lại công tác giảng dạy để phù hợp hơn với chuyên môn được đào tạo của từng GV. BM sẽ lập kế hoạch cụ thể để các GV được bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ

giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Tính vào thời điểm năm 2021, BM Toán có 13 GV, cơ cấu về trình độ có 06 TS, 03 NCS, 04 ThS, cơ cấu về giới tính có 05 nữ, chiếm 38,5%, 08 nam chiếm 61,5%. BM đảm nhận đào tạo ngành Sư phạm Toán học gồm 113 SV. Số lượng GV cơ hữu quy đổi theo Thông tư Số: 01/2019/TT-BGDĐT, ngày 25/02/2019, của Bộ Trưởng Bộ GDĐT là 19. Như vậy, tỷ lệ GV/NH được xác định là 0,17. Tỷ lệ này đáp ứng quy định hiện hành của Bộ GDĐT [H6.06.02.01], [H6.06.02.02]. Tuy nhiên, ngoài việc đào tạo ngành Sư phạm Toán học, các GV của BM Toán còn tham gia giảng dạy các HP: Toán cao cấp, Xác suất thống kê, Đại số tuyến tính, Giải tích,... cho khối ngành Kinh tế, Nông-Lâm nghiệp, Chăn nuôi thú y, Y học và các ngành cử nhân của khoa KHTN-CN, các GV có trình độ tiến sỹ còn tham gia đào tạo cao học Toán giải tích. Vì vậy, để có sự phân công giảng dạy hợp lý, BM Toán có sự rà soát kỹ lưỡng và tổ chức họp đề bàn bạc, thống nhất công tác phân công giảng dạy, để vừa đảm bảo giờ chuẩn giảng dạy và NCKH theo quy định của Nhà trường, vừa hợp lý về mặt chuyên môn, qua đó vừa tạo điều kiện để các GV hoàn thành nhiệm vụ được phân công vừa thực hiện nhu cầu được học tập, được đào tạo theo quy hoạch đã được duyệt. Cách làm này đã góp phần nâng cao CLĐT và NCKH của GV, và góp phần nâng cao hiệu quả PVCĐ. Với nhiệm vụ đã được thống nhất và phân công trước khi năm học bắt đầu, từng GV căn cứ khối lượng, nội dung công việc sẽ thực hiện trong năm để lập kế hoạch công tác và đăng ký thi đua năm học theo sự chỉ đạo thống nhất trong toàn Trường [H6.06.02.03]. Nhờ vậy, các GV của BM Toán hằng năm hoàn thành khối lượng công việc vượt giờ chuẩn quy định của Nhà trường [H6.06.02.04] với kết quả rất tốt. Dựa vào khối lượng giờ làm việc quy đổi hằng năm của từng GV, BM lên kế hoạch phân công nhiệm vụ cho năm học kế tiếp, trong đó có sự tổng kết, đánh giá hiệu quả thực hiện công việc của từng GV để làm cơ sở đề xuất các phương án cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của GV, ngoài ra còn là cơ sở để đánh giá, xếp loại viên chức năm học [H6.06.02.05]. Tất cả các dữ liệu về thực hiện nhiệm vụ năm học của từng GV, bao gồm công tác hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ, được BM thông báo công khai trong các cuộc họp BM [H6.06.02.06] và được lưu trữ trên hệ thống mạng nội bộ của Nhà trường [H5.05.05.02].

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ GV/NH được xác định rõ ràng, làm cơ sở quy hoạch công tác CB, số giờ làm việc quy đổi của từng GV được xác định để so sánh với giờ chuẩn tối thiểu theo quy định của Nhà trường, qua đó làm cơ sở để cải tiến, thay đổi hợp lý cho năm học tiếp theo.

Các GV có đăng ký kế hoạch công tác năm và đăng ký danh hiệu thi đua năm học, làm cơ sở để GV thực hiện nhiệm vụ và là căn cứ để BM, Khoa, Nhà trường đánh giá, xếp loại viên chức.

3. Điểm tồn tại

Khối lượng giờ tham gia đào tạo, bao gồm giảng dạy, hướng dẫn khóa luận, chuyên đề, luận văn và công tác thi, đối với mỗi GV của BM Toán là khá nhiều đã ảnh hưởng lớn đến các giờ hoạt động về khoa học và PVCĐ của GV.

Nhà trường chưa có phòng dành cho GV ngồi nghiên cứu, kết quả NCKH chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022-2013, BM Toán sẽ rà soát, đánh giá toàn bộ công việc của BM, bao gồm công tác đào tạo và NCKH, công tác PVCĐ, có sự kết hợp với các khoa, BM khác trong Trường có các HP Toán để có kế hoạch đề xuất Nhà trường tuyển dụng GV, bố trí hợp lý công tác giảng dạy, tạo điều kiện cho GV có thời gian tập trung NCKH, có kế hoạch cụ thể để thực hiện công tác PVCĐ. Đề xuất Nhà trường cấp phòng làm việc, nghiên cứu cho GV.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả

Nhà trường đã ban hành Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý các đơn vị trực thuộc Trường. Các văn bản này được phổ biến rộng rãi đến toàn thể viên chức trong Nhà trường trong đó quy định cụ thể việc điều chuyển, bổ nhiệm GV rõ ràng, cụ thể về tư cách đạo đức, thành tích học tập, NCKH, trình độ chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ, đủ sức

khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp và lý lịch bản thân rõ ràng. Tiêu chí tuyển dụng được điều chỉnh theo từng thời điểm, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ GV, phù hợp với xu thế phát triển chung của Nhà trường [H6.06.01.02], [H6.06.03.01].

Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị, Nhà trường đã rà soát và chấp nhận chỉ tiêu tuyển dụng phù hợp với chỉ tiêu tuyển dụng của Nhà trường được Bộ cho phép, sau đó thông báo công khai chỉ tiêu và các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV trên các phương tiện truyền thông đại chúng, website của Nhà trường [H6.06.03.02], [H6.06.03.03], [H6.06.03.04], [H6.06.03.07], [H6.06.03.05]. Trong quá trình tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng được thành lập nhằm đảm bảo việc tuyển dụng một cách công bằng và khách quan [H6.06.03.06].

Kết quả thi tuyển được thông báo công khai trên website của Nhà trường [H6.06.03.07], [H6.06.03.08]. Ứng viên được tuyển dụng phải trải qua thời gian tập sự 01 năm. Sau khi hết thời gian tập sự, người hướng dẫn giúp đỡ được lãnh đạo BM, lãnh đạo Khoa phân công có văn bản nhận xét, đánh giá chuyên môn, trên cơ sở đó lãnh đạo Khoa đề nghị Nhà trường ra quyết định chính thức bổ nhiệm vào ngạch bậc GV [H6.06.03.09], [H6.06.03.10], [H6.06.03.11].

Công tác quy hoạch nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý có chất lượng được tiến hành công khai minh bạch, đảm bảo dân chủ, quy hoạch được những CB có năng lực, có trình độ chuyên môn cao, có phẩm chất đạo đức tốt, có đủ uy tín vào những vị trí quản lý cho từng nhiệm kỳ. Việc đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức và luân chuyển các chức vụ quản lý của Khoa, BM được Nhà trường thực hiện đúng quy trình, quy định theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đảm bảo tính kế thừa và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị [H6.06.03.01], [H6.06.03.12], [H6.06.03.13].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức đánh giá xếp loại viên chức một cách công khai theo quy chế thi đua khen thưởng và có quy định thi đua khen thưởng kịp thời cho các GV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H6.06.03.14], [H6.06.03.15], [H6.06.03.16], [H6.06.03.17], [H6.06.03.18]. Kết quả đánh giá phân loại viên chức được thông báo rộng rãi đến từng viên chức, NLĐ và công khai trên website của Nhà trường [H6.06.03.19].

2. Điểm mạnh

Việc tuyển dụng viên chức hàng năm được tổ chức nghiêm túc, công khai, đúng quy định, nghị định về tuyển dụng sử dụng và quản lý viên chức của Nhà nước và của

Nhà trường. Các ứng viên sau khi được tuyển dụng có đủ năng lực giảng dạy, có thành tích trong NCKH và giảng dạy, tuân thủ nghiêm túc chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước, đạo đức nhà giáo, chủ động, tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, NCKH và PVCD.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù các thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai, tuy nhiên số lượng ứng viên có trình độ cao nộp hồ sơ ứng tuyển vẫn còn chưa nhiều. CB được tuyển vào mặc dù có tư chất tốt nhưng đều ở trình độ cử nhân nên cần phải tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng được yêu cầu của giảng dạy.

4. Kế hoạch hành động

Để nâng cao chất lượng đội ngũ CB, từ năm 2022, BM Toán đề nghị nhà trường tiếp tục tạo điều kiện hơn nữa về mặt thời gian để CB làm giáo sư, phó giáo sư, tuyển thêm GV có trình độ cao...

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Chất lượng đào tạo là mục tiêu chính của trường đại học, trong đó GV đóng vai trò then chốt. Chính vì vậy, đầu tư phát triển đội ngũ GV cả về số lượng và chất lượng luôn là một trong những mục tiêu hàng đầu nhằm làm tăng CLĐT.

Năng lực của GV được tiếp cận theo 2 khía cạnh là năng lực sư phạm và năng lực NCKH [H6.06.04.01], [H6.06.04.02]. Năng lực sư phạm bao gồm: năng lực chuẩn bị; năng lực tổ chức; năng lực sử dụng ngôn ngữ; năng lực sử dụng các thiết bị và phương tiện dạy học; năng lực hoạt động xã hội trong và ngoài trường; năng lực đánh giá; năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục. Năng lực NCKH bao gồm: năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề; năng lực quan sát; năng lực sáng tạo; năng lực đọc và tìm kiếm thông tin; năng lực tư duy; năng lực thiết kế đề cương nghiên cứu; năng lực viết báo cáo khoa học; năng lực bảo vệ đề tài dự án.

Đối với GV giảng dạy của ngành Sư phạm Toán học, năng lực chuẩn bị được thể hiện trong ĐCCT học phần [H1.01.01.01], [H6.06.04.03], [H6.06.04.04] và thiết kế bài giảng [H6.06.04.03]; năng lực NCKH, sử dụng ngoại ngữ, tin học cũng được chú trọng [H6.06.04.05], [H6.06.04.06]. Ngoài ra, năng lực tổ chức, am hiểu về

CTĐT, về văn bản là các yếu tố không thể thiếu được đối với GV làm công tác CVHT [H3.03.02.03].

GV của Khoa, BM đều tham gia các lớp bồi dưỡng kỹ năng, NVSP, trao đổi nghiên cứu học thuật thông qua các hội thảo khoa học trong và ngoài nước [H6.06.04.05], [H6.06.04.06], [H6.06.04.07], [H6.06.04.08], [H6.06.04.09], [H6.06.04.10], [H6.06.04.11], [H6.06.04.12], [H6.06.04.13], [H6.06.04.14], [H6.06.04.15], [H6.06.04.16]. Nhiều GV của Khoa tham gia các đề tài NCKH cấp trường, cấp bộ và có nhiều bài báo khoa học đăng trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước thể hiện năng lực NCKH của GV nhằm nâng cao chất lượng và uy tín của Nhà trường [H6.06.04.11], [H6.06.04.12], [H6.06.04.13], [H6.06.04.14], [H6.06.04.15], [H6.06.04.16], [H6.06.04.17].

Hàng năm Nhà trường tổ chức nhận xét, đánh giá xếp loại thi đua cho GV theo các mức: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ theo quy chế thi đua khen thưởng của nhà trường [H6.06.03.16], [H6.06.04.18]. Hầu hết GV của BM Toán đều đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H6.06.04.19], [H6.06.04.20], [H6.06.03.16], [H6.06.03.17], [H6.06.04.21], [H6.06.03.19]. Nhà trường luôn có chính sách khen thưởng các CB, GV, NCV có thành tích xuất sắc trong giảng dạy và NCKH để thúc đẩy CB trau dồi kiến thức, kỹ năng và nâng cao chất lượng giảng dạy cho SV [H6.06.04.22].

YKPH của NH về hoạt động giảng dạy của GV cũng được thực hiện [H4.04.02.01]. Khoa và BM tổ chức dự giờ và xếp loại giờ dạy của GV nhằm có biện pháp nhắc nhở, trao đổi, giúp đỡ các CB, GV có năng lực chưa cao, tự điều chỉnh để từng bước hoàn thiện và nâng cao năng lực nhằm đảm bảo tốt công tác giảng dạy và NCKH [H6.06.04.23]. Ngoài ra, các buổi hội thảo về nâng cao PPGD ở trường Đại học cũng được tổ chức và được sự tham gia nhiệt tình của đông đảo các CB giảng dạy cũng như SV của Khoa [H6.06.04.24].

2. Điểm mạnh

Đa phần, GV của BM Toán có kinh nghiệm và năng lực tốt trong công tác giảng dạy và NCKH.

Giảng viên BM thường xuyên tham gia lớp bồi dưỡng năng lực tiếng Anh, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nhằm nâng cao trình độ.

3. Điểm tồn tại

Các NCKH và đăng bài báo quốc tế thường tập trung ở một số CB, GV.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 – 2023, BM Toán thúc đẩy, động viên CB tích cực tham gia hơn nữa các lớp tập huấn bồi dưỡng NVSP và NCKH, khuyến khích CB trong BM tích cực tham gia, chủ trì, nghiên cứu đề tài NCKH các cấp.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ làm cơ sở để xây dựng chiến lược phát triển cho đội ngũ GV [H6.06.05.01]. Chiến lược phát triển đó được xác định rõ trong phương hướng nhiệm vụ của cả nhiệm kỳ dựa trên quy hoạch tổng thể phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường [H6.06.05.01], [H6.06.05.02], [H6.06.05.03]. Căn cứ nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của CB thông qua báo cáo đánh giá hàng năm, Nhà trường đã xây dựng lộ trình và triển khai đào tạo, bồi dưỡng tới từng CB theo từng năm học, theo giai đoạn và theo nhu cầu giảng dạy của các nhóm chuyên môn [H6.06.05.04], [H6.06.05.05], [H6.06.05.06], [H6.06.05.07].

Khi đưa ra các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CB quản lý, Nhà trường xác định việc xây dựng, phát triển đội ngũ GV, nâng cao trình độ năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ là chủ trương xuyên suốt, trọng tâm của Nhà trường cũng như Khoa KHTN-CN, ngành Sư phạm Toán học trong các năm học cũng như các nhiệm kỳ công tác. Nhà trường luôn tạo điều kiện và có chính sách hỗ trợ kinh phí, ưu đãi về giờ giảng để khuyến khích GV đi học tập, nâng cao trình độ [H6.06.05.08]. Các GV trong thời gian đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài được giảm 100% khối lượng công việc, được hưởng 40% mức lương cơ bản, được đóng bảo hiểm xã hội và vẫn được xét xếp loại viên chức hàng năm. Đối với các GV trong thời gian đào tạo, bồi dưỡng trong nước, nhà trường giảm 100% hoặc 50% giờ dạy tùy theo hình thức lựa chọn của GV, theo đó GV sẽ được nhận 100% hoặc 50% lương cơ bản, được giữ nguyên các chế độ về thi đua, khen thưởng, bảo hiểm, hỗ trợ học phí, chi phí đi lại, ăn ở theo qui chế chi tiêu nội bộ của trường [H6.06.05.08]. Ngoài ra, để khuyến khích GV đẩy mạnh NCKH, Nhà trường đã có những hình thức khen thưởng xứng đáng với các GV có

thành tích tốt trong NCKH [H6.06.05.09], [H6.06.05.10]. Việc nâng lương trước thời hạn của GV cũng được thực hiện theo quy chế hiện hành [H6.06.05.11]. Khi tới thời gian nghỉ hưu, các GV có trình độ TS trở lên được kéo dài thời gian công tác nếu có nhu cầu [H6.06.05.12].

Hiện tại đội ngũ GV của BM có 6 TS; 7 ThS, trong đó 1 ThS đang học NCS tại Úc, 2 ThS đang làm NCS trong nước, các ThS còn lại đang lên kế hoạch đi học NCS ở các trường đại học có uy tín [H6.06.05.13]. Trong thời gian 5 năm gần đây, 100% GV tham gia giảng dạy chuyên ngành Sư phạm Toán học đã được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ [H6.06.05.14].

2. Điểm mạnh

Nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn cho đội ngũ GV ngành Sư phạm Toán học được xác định là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, luôn được Khoa và Nhà trường khuyến khích, có cơ chế hỗ trợ cả kinh phí và thời gian cho GV có nhu cầu học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Hiện tại, BM Toán là một trong những số ít BM của trường đạt trình độ 100% ThS trở lên.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù đội ngũ GV của Khoa và BM Toán đều được tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhưng tỷ lệ GV được đào tạo tại các cơ sở ngoài nước còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Nhà trường, Khoa KHTN-CN tiếp tục khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện để các GV đi học tập nâng cao trình độ, đặc biệt là ở các nước tiên tiến.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Theo quy định của Bộ GDĐT và cũng như các trường đại học khác trên cả nước, GV Trường ĐHTN được giao khối lượng công việc theo năm học (định mức giờ chuẩn giảng dạy và NCKH) [H6.06.06.01], [H6.06.06.02]; Nhà trường đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ trong đó có hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV [H6.06.05.08].

Đầu mỗi năm học, dựa trên khối lượng giảng dạy được Nhà trường giao và dựa trên chuyên môn đào tạo của GV, BM Toán phân công khối lượng giờ giảng cho từng GV theo quy chế đào tạo TC [H3.03.01.01], [H6.06.06.03]. Quá trình thực hiện nhiệm vụ của GV được quản lý chặt chẽ bởi BM, Khoa, phòng Đào tạo, phòng Tổ chức cán bộ và phòng Thanh tra pháp chế. Kết quả thực hiện nhiệm vụ cuối mỗi học kỳ, mỗi năm học cùng với bản kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của GV được sử dụng để Nhà trường cùng với lãnh đạo Khoa, lãnh đạo BM tổ chức nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xét hưởng thu nhập tăng thêm, danh hiệu thi đua, khen thưởng, nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn, xét kết nạp Đảng, bổ nhiệm vào các vị trí quản lý [H6.06.03.16], [H6.06.03.17], [H6.06.06.04]. Những GV hoàn thành tốt công việc giảng dạy, NCKH và các công việc được giao khác đều được xem xét bình chọn các danh hiệu xứng đáng như: Lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua các cấp, Giấy khen của các cấp... Việc xem xét thi đua khen thưởng cho CB chính là việc ghi nhận thành tích trong quá trình công tác của cá nhân. Những cá nhân có thành tích cao, xuất sắc sẽ được nâng lương trước hạn. Việc ghi nhận thành tích và khen thưởng kịp thời cho CBVC sẽ tạo động lực cho CBVC phát huy hết khả năng trong giảng dạy và NCKH [H6.06.06.05], [H6.06.06.06].

Nhà trường có quy định khuyến khích, hỗ trợ đối với các công trình khoa học đăng trên các Tạp chí khoa học chuyên ngành, có chỉ số trích dẫn cao (ISI, SCI, Scopus...), với các mức từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng cho một công trình, nâng mức kinh phí đề tài KHCN cấp cơ sở lên đến 40.000.000 đồng/đề tài, triển khai đề tài NCKH cấp cơ sở trọng điểm, nhằm khích lệ GV tham gia nhiều hơn nữa trong NCKH, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và nâng cao vị thế của Nhà trường [H6.06.06.07], [H6.06.06.08], [H6.06.05.10].

Theo kết quả khảo sát về chính sách nhân sự, hầu hết GV và NCV hài lòng về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền [H6.06.06.21].

2. Điểm mạnh

Nhà trường ban hành các quy định về đánh giá, phân loại và khen thưởng rõ ràng. Đây không chỉ là động lực để GV hoàn thành tốt nhiệm vụ mà còn giúp cho lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo Khoa và BM quản trị công việc được tốt hơn. Do vậy, hầu hết các giảng viên BM Toán đều hoàn thành nhiệm vụ theo quy định. Nhiều GV của

BM hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và đạt được danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở và giấy khen của Hiệu trưởng.

3. Điểm tồn tại

Nhiều công trình nghiên cứu còn mang tính chất riêng lẻ, chưa phát huy được tính liên kết của các nhóm nghiên cứu.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 - 2023, BM Toán tiếp tục xây dựng và phát triển các nhóm nghiên cứu theo các hướng mang tính thời sự và thực tiễn.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

NCKH là hoạt động vô cùng quan trọng, giúp cho CB, GV hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao. Thông qua các Hội thảo, Hội nghị trao đổi học thuật giữa các nhà khoa học, quảng bá hình ảnh của Nhà trường, của Khoa. Nhà Trường đã ban hành quy định định mức thời gian giảng dạy và NCKH của GV [H6.06.06.01], [H6.06.07.01]. Mặt khác, để đánh giá tốt hơn việc các GV tham gia NCKH, các quy định quản lý đã được ban hành [H6.06.07.02].

Việc đăng ký xét duyệt đề tài khoa học các cấp được thực hiện thường xuyên hàng năm và theo đúng quy định: GV đăng ký đề tài NCKH theo thông báo của Phòng Khoa học và Quan hệ quốc tế (KH-QHQT) [H6.06.07.03]; BM tổ chức góp ý chuyên môn cho các đề tài [H6.06.07.04]; Hội đồng Khoa tổ chức xét duyệt các đề tài đã đăng ký trên cơ sở bản thuyết minh khoa học của chủ nhiệm đề tài [H6.06.07.05]; GV tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa sau đó gửi đến Nhà trường thông qua Phòng KH-QHQT. Nhà trường ra quyết định thành lập Hội đồng xét duyệt đề tài NCKH cấp trường, cấp bộ [H6.06.07.06]. Hiệu trưởng ra quyết định giao đề tài trên cơ sở kết quả xét duyệt của Hội đồng xét chọn đề tài. Những đề tài triển khai thực hiện phải được báo cáo theo tiến độ và được Hội đồng nghiệm thu nhận xét đánh giá rất chặt chẽ theo đúng quy trình, quy định [H6.06.07.07], [H6.06.07.08], [H6.06.07.09], [H6.06.07.10], [H6.06.07.11], [H6.06.07.12], [H6.06.07.13], [H6.06.07.14], [H6.06.07.15], [H6.06.07.16], [H6.06.07.17], [H6.06.07.18], [H6.06.07.19], [H6.06.07.20].

Bảng 6.6. Các hoạt động nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của giảng viên

Hoạt động Năm học	SL bài báo trong nước	SL bài báo quốc tế	SL đề tài cấp bộ	SL đề tài cấp cơ sở	Hoạt động PVCD
2016-2017	16	6	0	2	Rà soát CTĐT; Hoạt động Stem; Hoạt động công đoàn; Hội nghị Toán học Miền Trung – Tây Nguyên, Hội nghị khoa học cấp Khoa
2017-2018	5	2	0	1	
2018-2019	5	3	0	3	
2019-2020	3	3	1	1	
2020-2021	2	7	0	1	

Hàng năm, Khoa và BM thường tổ chức các Hội nghị khoa học, Hội thảo chuyên đề, các báo cáo khoa học của GV [H6.06.07.21]. BM Toán có nhiều GV là tác giả của các bài báo được đăng trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước [H6.06.06.08]. Rất nhiều GV tích cực tham gia hướng dẫn NCKH cho SV. Các đề tài thuộc các lĩnh vực nghiên cứu cơ bản và ứng dụng [H6.06.07.22], [H6.06.07.23].

Ngoài việc NCKH, các GV còn tham gia các hoạt động PVCD ví dụ tham gia rà soát cập nhật đánh giá CTĐT, hoạt động trải nghiệm STEM và tư vấn hướng nghiệp, các hoạt động của công đoàn cũng như đoàn hội tổ chức [H6.06.07.24].

Với các thành tích về NCKH nên nhiều GV đã được xếp loại viên chức xuất sắc và chiến sỹ thi đua hàng năm [H6.06.05.10], [H6.06.03.16], [H6.06.03.17], [H6.06.07.25].

2. Điểm mạnh

Giảng viên luôn xem NCKH là một trong hai nhiệm vụ quan trọng nhất của người GV. Kết quả thống kê cho thấy nhiều GV đã công bố các công trình NCKH trên các tạp chí thuộc danh mục ISI, SCOPUS và trên các tạp chí chuyên ngành được Hội đồng giáo sư Nhà nước tính điểm.

3. Điểm tồn tại

Khối lượng công việc hành chính của GV còn quá nhiều và số giờ giảng trung bình mỗi GV đảm nhiệm còn cao nên chưa có nhiều thời gian để NCKH và đầu tư về chuyên môn giảng dạy, đặc biệt là các GV trẻ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, BM Toán

- Tiếp tục tổ chức rà soát giảng dạy, phân công giờ dạy hợp lý hơn so với tình hình thực tiễn BM;

- Đề xuất Nhà trường tiếp tục tuyển GV;

- Đề xuất thay đổi kinh phí hỗ trợ đề tài KHCN các cấp.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Đội ngũ GV của BM có trình độ cao, năng động và nhiệt tình trong công tác; tích cực NCKH, tham gia hội nghị, hội thảo, hợp tác với các đối tác trong và ngoài Trường để tăng cường mối liên hệ chuyên môn và nâng cao trình độ; thường xuyên tham gia các lớp tập huấn chuyên môn, học Tiếng Anh để phục vụ giảng dạy và học tập.

Nhà trường, Khoa và BM Toán luôn quan tâm đến công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo và phát triển đội ngũ để đáp ứng nhu cầu GV, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường.

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 6: Mức đạt được của Tiêu chuẩn: 4.6/7.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Chất lượng là vấn đề cốt lõi trong các cơ sở giáo dục và đào tạo nói chung và Trường ĐHTN nói riêng. CLĐT ngoài sự phụ thuộc phần lớn vào người dạy và NH còn phụ thuộc vào đội ngũ nhân viên (NV) hỗ trợ tại thư viện, các phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác. Trong những năm qua, Nhà trường có kế hoạch tuyển dụng, quy hoạch, điều chuyển, bồi dưỡng và có chế độ khen thưởng đội ngũ NV đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Trường ĐHTN đã xây dựng quy hoạch phát triển Trường ĐHTN 2016-2020 và tầm nhìn 2030 [H6.06.05.02], [H7.07.01.01] đề án vị trí việc làm đội ngũ CBVC toàn trường [H7.07.01.02], [H7.07.01.03], [H7.07.01.04]. Ngoài đội ngũ GV trực tiếp tham gia công tác giảng dạy, hoạt động chuyên môn và NCKH, đội ngũ

NV hỗ trợ (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) đóng một vai trò quan trọng trong việc triển khai các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD của Nhà trường, các khoa và các BM [H7.07.01.06].

Nhà trường đã có những chính sách thu hút, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ NV đảm bảo các yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H7.07.01.05]. Nhà Trường có các chế độ đãi ngộ thu hút đội ngũ NV như thu nhập tăng thêm, hỗ trợ kinh phí học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, chế độ tham quan du lịch... được quy định chi tiết trong Quy chế chi tiêu nội bộ Trường ĐHTN [H6.06.05.08], [H7.07.01.11]. Đội ngũ NV làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT, Phòng ĐTDH, Phòng KH-QHQT, trợ lý Khoa, các dịch vụ hỗ trợ khác đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD [H7.07.01.06].

Bộ môn Toán có 4 CVHT kiêm nhiệm và hàng ngày trong tuần cử GV trực BM tiếp nhận những phản hồi của SV. Khoa KHTN-CN có 03 trợ lý trong đó 01 trợ lý phụ trách công tác đào tạo, công tác SV, công tác BĐCL, 01 trợ lý phụ trách công tác mời giảng, công tác tài chính, 01 trợ lý phụ trách công tác khoa học đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD [H3.03.02.03], [H7.07.01.08]. Khoa KHTN-CN có một nhóm STEM gồm các GV (BM Toán có 01 GV tham gia) có chuyên môn, kinh nghiệm và nhiệt huyết phục vụ hoạt động cộng đồng về mảng tổ chức các khóa học STEM và hoạt động tham quan, trải nghiệm STEM cho học sinh tiểu học, THCS, THPT [H7.07.01.09]. Nhà trường thường lấy YKPH của NH đối với đội ngũ NV về thái độ phục vụ [H7.07.01.07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có những chính sách chung về quy hoạch đội ngũ NV theo vị trí việc làm, Khoa KHTN-CN và BM Toán đã có sắp xếp nhân sự cụ thể như bản mô tả vị trí công việc của NV hỗ trợ trong quy chế làm việc của Khoa. Đội ngũ NV hỗ trợ đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng, làm việc hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu công việc trong các lĩnh vực đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ NH.

3. Điểm tồn tại

Việc thực hiện khảo sát đánh giá phản hồi của các BLQ về mức độ đáp ứng của đội ngũ NV chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 – 2013, Nhà Trường và Khoa KHTN-CN định kì tiến hành khảo sát phản hồi các BLQ về mức độ đáp ứng của đội ngũ NV trong việc thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ NH.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả

Hiệu quả của công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ của trường đại học phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó vai trò của GV, NH, các chính sách của Nhà trường đóng vai trò quyết định. Nhưng GV, NH sẽ không hoàn thành tốt được nhiệm vụ và mục tiêu đặt ra nếu không có sự hỗ trợ từ đội ngũ NV, bao gồm các trợ lý khoa, các NV thư viện, NV phòng máy tính, các NV từ phòng công tác SV, phòng ĐTĐH, Phòng KH-QHQT, Phòng QLCL... Vì lẽ đó, Nhà trường đã rất quan tâm đến công tác tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển NV. Nhà trường đã ban hành Quyết định về việc Quy định quy trình tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức [H6.06.01.02], được sửa đổi, bổ sung [H7.07.02.01], trong đó Điều 9 thể hiện rõ về điều kiện, tiêu chuẩn của ứng cử viên dự tuyển.

Những điều kiện, tiêu chuẩn nêu trên đã được phân tích cụ thể, phù hợp với từng vị trí việc làm mà NV được tuyển dụng trên cơ sở tổng hợp các ý kiến của các BLQ. Nhà trường ban hành Quy trình khảo sát YKPH của các BLQ để đảm bảo tính hệ thống, tính thống nhất trong quá trình lấy YKPH và xử lý số liệu thu thập được. Nhà trường đã tiến hành khảo sát YKPH từ NH, GV về năng lực, thái độ phục vụ của NV [H7.07.02.08], [H7.07.02.09].

Hàng năm, kế hoạch nhân lực và thông tin tuyển dụng được Nhà trường phổ biến rộng rãi bằng nhiều kênh khác nhau: đăng tải trên website của Trường [H7.07.02.02], [H6.06.03.04], [H7.07.02.03], [H7.07.02.04], [H7.07.02.05], [H7.07.02.07], thông qua văn bản gửi về các đơn vị [H7.07.02.06], thông qua viên chức của Nhà trường và các phương tiện mạng xã hội khác. Nhờ đó, thông tin tuyển dụng được phổ biến đến các ứng cử viên kịp thời.

2. Điểm mạnh

Nhà trường ban hành văn bản quy định về điều kiện, tiêu chuẩn rõ ràng đối với NV được tuyển dụng, điều chuyển và bổ nhiệm và được phổ biến rộng rãi trên nhiều phương tiện khác nhau.

Nhà trường có văn bản quy định về quy trình thực hiện khảo sát ý kiến các BLQ về năng lực công tác và thái độ phục vụ của NV, làm căn cứ để xây dựng điều kiện tiêu chuẩn đối với ứng cử viên tuyển dụng, để bố trí công việc, điều chuyển và bổ nhiệm.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa thường xuyên phân tích vị trí việc làm của NV để có các chính sách phù hợp.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022 – 2023, BM sẽ tham mưu cho Khoa, Nhà trường về việc phân tích vị trí việc làm đối với từng nhiệm vụ, chuyên môn của các NV, đề xuất các biện pháp hỗ trợ NV để thu hút được các NV có trình độ tốt, phù hợp vị trí việc làm.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Năm 2016, Trường ĐHTN triển khai kế hoạch xây dựng Đề án vị trí việc làm, trong đó yêu cầu các đơn vị thống kê công việc theo chức năng, nhiệm vụ quyền hạn; phân nhóm công việc (lãnh đạo, quản lý, điều hành; hoạt động nghề nghiệp; hỗ trợ, phục vụ); xây dựng bảng mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí việc làm,... [H7.07.01.02]. Các đơn vị thuộc Trường đã xây dựng vị trí việc làm của đơn vị và mô tả khối lượng công việc, năng lực của từng vị trí theo 7 phụ lục đính kèm [H7.07.03.02]. Trên cơ sở đó, Nhà trường đã xây dựng Đề án vị trí việc làm của Trường và báo cáo trình Bộ phê duyệt [H7.07.03.03]. Năm 2019, Nhà trường xây dựng danh mục vị trí việc làm, mô tả chuẩn chức danh từng vị trí việc làm, trình Hội đồng trường phê duyệt và Hiệu trưởng ban hành [H7.07.03.01]. Đối với BM Toán, Khoa KHTN-CN đã xây dựng Đề án vị trí việc làm và trình Nhà trường phê duyệt, ban hành [H7.07.03.02]. Ngoài ra, kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường xây dựng kế hoạch nguồn nhân lực về trình độ, học hàm, học vị theo giai đoạn [H1.01.01.10]. Để cụ thể hóa các quy định của Đảng, Nhà nước và thực hiện nghị quyết của Đảng ủy, quyết nghị của Hội đồng trường [H7.07.03.02] về công tác nhân

sự, tiêu chuẩn năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý, GV, NV,... Nhà trường đã xây dựng và ban hành các văn bản quy định về tiêu chuẩn năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý, GV, NV, cụ thể: Quy chế tổ chức hoạt động làm cơ sở pháp lý đánh giá các mặt hoạt động của Nhà trường và yêu cầu năng lực đối với Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Trưởng phó các phòng, Trưởng phó các khoa, GV, NV,... [H7.07.03.02]; Quy định về tuyển dụng viên chức yêu cầu tiêu chuẩn về học lực, sức khỏe, trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học đối với ứng viên dự tuyển GV [H6.06.01.02]; Nhà trường đã thực hiện triệt để các quy định về tiêu chuẩn năng lực của công chức, viên chức. Vì vậy đội ngũ của Trường đã đáp ứng yêu cầu về chuẩn chức danh, trình độ, năng lực theo từng vị trí việc làm [H7.07.03.03].

Để triển khai thực hiện và giám sát quá trình đánh giá hiệu quả công việc của GV và NV, Phòng TCCB được giao nhiệm vụ thường trực Hội đồng đánh giá xếp loại viên chức của Trường, công tác thi đua khen thưởng do Phòng công tác chính trị và học sinh SV phụ trách (giai đoạn 2012-2015), Phòng hành chính tổng hợp (giai đoạn 2015-2019), Phòng TCCB (từ năm 2019 đến nay) [H7.07.03.04]. Hệ thống văn bản hướng dẫn quy trình, tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của GV và NV được xây dựng và lấy ý kiến góp ý rộng rãi đến viên chức [H7.07.03.12] và được ban hành, cụ thể: Quy chế đánh giá phân loại công chức, viên chức, người lao động [H7.07.03.05]; Quy định về thi đua khen thưởng [H7.07.03.06]; Quy định về thời giờ làm việc của viên chức hành chính [H7.07.03.07]; Quy chế nâng lương trước thời hạn [H7.07.03.08]. Căn cứ nhiệm vụ được giao, kết quả thực hiện nhiệm vụ và đối chiếu với các tiêu chuẩn của các quy định trên, định kỳ cuối năm học, Nhà trường ra thông báo triển khai đánh giá, phân loại công chức, viên chức và người lao động công khai và được thực hiện một cách dân chủ, minh bạch. Các đơn vị triển khai thực hiện theo thẩm quyền, đúng quy trình từ bước cá nhân tự đánh giá, BM nhận xét đánh giá phân loại, sau đó đơn vị và cuối cùng cấp Trường [H7.07.03.09]. Đối với công tác thi đua khen thưởng, Nhà trường ra thông báo đến toàn thể công chức, viên chức, người lao động thực hiện đăng ký thi đua vào đầu năm học để có cơ sở xét thi đua vào cuối năm [H7.07.03.10]. Sau khi đánh giá, phân loại viên chức năm học ở cấp đơn vị, Nhà trường tiến hành đánh giá, phân loại ở cấp Trường và công khai kết quả đánh giá về các đơn vị [H7.07.03.11]. Căn cứ đăng ký kế hoạch thực hiện nhiệm vụ vào đầu năm học cuối năm học mỗi viên chức báo cáo kết quả đánh giá hiệu quả công việc của

mình bằng phiếu. Tất cả bản kế hoạch và phiếu đánh giá được thực hiện phân cấp theo quy định, kết quả đánh giá phân loại cấp Trường được công nhận và công khai trên website của Trường và lưu trữ trên phần mềm quản lý TC [H7.07.03.12]. Kết quả đánh giá, phân loại năm học làm cơ sở cho công tác bình xét thi đua khen thưởng các cấp: danh hiệu lao động tiên tiến đối với cá nhân, tập thể, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp Bộ; Khen thưởng cấp Trường, cấp Tỉnh, Bộ [H7.07.03.06] và được Hiệu trưởng công nhận kết quả bình xét thi đua khen thưởng năm học theo thẩm quyền.

2. Điểm mạnh

Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ NV của Trường nói chung và của Khoa KHTN-CN nói riêng được thực hiện thường xuyên hàng năm.

Các tiêu chuẩn đánh giá được quy định cụ thể. Kết quả đánh giá đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Nhà trường và Bộ GDĐT.

3. Điểm tồn tại

Tuy hàng năm Nhà trường có đánh giá, xếp loại viên chức, có xét tặng các danh hiệu thi đua nghiêm túc nhưng vẫn chưa phát huy hết năng lực của đội ngũ NV.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Nhà trường xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực của viên chức chi tiết hơn, phù hợp hơn để công tác đánh giá, xét thi đua khen thưởng đạt kết quả cao hơn, phù hợp với từng đối tượng, đồng thời có tác dụng động viên, khuyến khích đội ngũ này hoàn thành tốt nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo, NCKH và PVCD.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là hoạt động rất quan trọng trong duy trì và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, GV và NV. Vì vậy công tác đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV hỗ trợ được Nhà trường và Khoa xác định và có kế hoạch thực hiện nghiêm túc. Để xác định nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của GV và NV ở các cấp. Thông báo điều chỉnh, bổ sung quy hoạch đào tạo CBVC giai đoạn 2017-2022 và giai đoạn 2019-2023 [H6.06.05.05]; Các đơn vị căn cứ vào nhân lực của đơn vị, quy mô đào tạo của Nhà trường để hợp

xét, xác định nhu cầu đào tạo cán bộ quản lý, GV theo giai đoạn, đề xuất Nhà trường duyệt nhu cầu đào tạo của đơn vị [H7.07.04.01]. Trên cơ sở xác định nhu cầu đào tạo của các đơn vị đào tạo và căn cứ chỉ tiêu phát triển đội ngũ trong Kế hoạch phát triển Trường giai đoạn 2011-2020, Quy hoạch phát triển Trường giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030 [H1.01.01.10], Nghị quyết Hội nghị viên chức năm học, Nghị quyết Đảng ủy và Kế hoạch công tác hàng tháng [H7.07.04.02], [H7.07.04.03], [H7.07.04.04]. Nhà trường họp xét và ra quyết định ban hành quy hoạch đào tạo bồi dưỡng theo giai đoạn [H6.06.05.05]. GV, NV được cử đi đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo quy trình của quy định về công tác QLĐT, bồi dưỡng CBVC [H7.07.03.03]. Để thực hiện tốt hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ, Nhà trường xây dựng dự toán ngân sách và cơ cấu thu chi hằng năm dành cho kế hoạch kinh phí chi đào tạo, phát triển đội ngũ [H7.07.04.05] đã được Bộ GDĐT phê duyệt [H7.07.04.06].

Các GV, NV được cử đi đào tạo, bồi dưỡng được Nhà trường hỗ trợ các chế độ theo quy định của Quy chế chi tiêu nội bộ: hỗ trợ học phí và hỗ trợ đi lại và sinh hoạt phí, hỗ trợ kinh phí bảo vệ luận văn, luận án; hỗ trợ kinh phí thi chứng chỉ Tiếng Anh (IELTS hoặc TOEFL, 1 lần duy nhất),... Các chế độ hỗ trợ được bổ sung và điều chỉnh định kỳ hằng năm trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H7.07.04.07]. Kết quả triển khai các hoạt động đáp ứng nhu cầu về đào tạo và phát triển đội ngũ GV, NV trong giai đoạn 2014-2019 cho thấy, Nhà trường thường xuyên cử GV đi học sau đại học trong và ngoài nước, cử GV, NV bồi dưỡng NVSP, chuẩn chức danh, kiến thức Quốc phòng Anh ninh, trình độ lý luận chính trị..., thể hiện ở thống kê số lượt được cử đi đào tạo, bồi dưỡng [H7.07.04.08].

2. Điểm mạnh

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV các đơn vị trong trường được xác định;

Nhà trường có triển khai các hoạt động để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của NV.

3. Điểm tồn tại

Tuy Nhà trường đã tổ chức nhiều khóa đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ NV nhưng các hoạt động này chưa phong phú và thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Khoa KHTN-CN đề xuất Nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ cho đội ngũ NV; đồng thời đề nghị Nhà trường thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao chất lượng đội ngũ GV nhằm phục vụ tốt hơn cho công tác đào tạo và NCKH của Khoa và của Trường.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Nhà trường giao cho các đơn vị phân công nhiệm vụ cụ thể, quy định và theo dõi, giám sát và đánh giá đội ngũ NV hỗ trợ [H7.07.03.04]. Khoa KHTN-CN cũng có văn bản quy định công việc của các cán bộ hành chính và GV kiêm nhiệm của khoa [H7.07.03.04], [H7.07.01.08].

Nhà trường thường xuyên giám sát, theo dõi, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV thông qua hoạt động của phòng Thanh tra - Pháp chế, thông qua bảng chấm công hàng tháng. Khoa KHTN-CN luôn quan tâm và quản lý chặt chẽ kết quả công việc của từng NV hỗ trợ nhằm tạo động lực cho cán bộ trong quá trình làm việc và hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ [H7.07.05.02].

Cuối năm học, Khoa và Nhà trường triển khai việc đánh giá kết quả thực hiện công việc và xây dựng kế hoạch cho năm học tiếp theo. Những NV có hiệu quả công việc tốt được xét khen thưởng xứng đáng [H6.06.03.18].

Những cán bộ hỗ trợ đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ luôn hoàn thành công việc được giao, được Khoa, Nhà trường ghi nhận và xét tặng các danh hiệu thi đua như Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở [H6.06.04.22].

Khoa đã xét khen thưởng kịp thời sau một số các hoạt động cụ thể để tạo động lực cho đội ngũ NV trong quá trình làm việc, mặc dù chưa có qui định cụ thể cơ chế khen thưởng trong Quy chế hoạt động của Khoa [H7.07.03.05].

2. Điểm mạnh

Khoa đã có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Ngoài ra, đội ngũ

NV có tinh thần trách nhiệm cao và luôn tuân thủ những quy định của Khoa và Nhà trường đề ra.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa ban hành quy định cụ thể để theo dõi, giám sát và chưa có bộ tiêu chí có tính định lượng để đánh giá chất lượng công việc phù hợp hơn với tình hình thực tế của Nhà trường, Khoa và ngành đào tạo Sư phạm Toán học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, BM Toán, Khoa KHTN-CN đề xuất Nhà trường xây dựng tiêu chí có tính định lượng để đánh giá chất lượng công việc và xây dựng chính sách khen thưởng kịp thời để tạo động lực hơn nữa cho các cán bộ trong quá trình làm việc.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Đội ngũ NV hỗ trợ cho CTĐT ngành Sư phạm Toán học có trình độ chuyên môn, năng lực làm việc đáp ứng tốt nhu cầu công việc. Ngoài ra, đội ngũ này cũng rất năng động và nhiệt tình, do vậy, công việc được triển khai có hiệu quả. Ngoài ra, ngành Sư phạm Toán học luôn có những chế độ khen thưởng và kỷ luật phù hợp để quản lý công việc của đội ngũ này. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ NV của Khoa và Nhà trường đã đáp ứng nhu cầu của ngành và phù hợp với chiến lược phát triển đại học theo hướng nghiên cứu của Nhà trường.

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 7: Mức đạt được của Tiêu chuẩn 4,6/7.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Ngày nay các trường đại học trong nước có sự cạnh tranh mạnh mẽ về số lượng và chất lượng NH, vì vậy các vấn đề liên quan NH luôn là ưu tiên hàng đầu trong việc ban hành và thực thi chính sách tại Trường ĐHTN. Triết lý giáo dục của trường ĐHTN hướng đến việc đào tạo và cung cấp cho xã hội những người lao động có phẩm chất, năng lực phát triển song hành và toàn diện; có trách nhiệm cao với cộng đồng và luôn có tư duy sáng tạo trong học tập và lao động. Nhà trường đã xây dựng chính sách tuyển sinh linh hoạt, công khai, cập nhật, hướng đến mục tiêu giải quyết việc làm và nâng cao trình độ chuyên môn sau khi tốt nghiệp. Hoạt động tư vấn và hỗ trợ NH được thực hiện một cách kịp thời và thường xuyên, tạo môi trường thân thiện.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công

khai và được cập nhật

1. Mô tả

Hàng năm, dựa trên quy chế tuyển sinh cao đẳng và đại học của Bộ GDĐT [H8.08.01.01], Trường ĐHTN đã xây dựng kế hoạch tuyển sinh thể hiện bằng các văn bản hoặc đề án [H8.08.01.02], [H8.08.01.03]. Trường ĐHTN có 01 phòng chức năng trong việc xây dựng kế hoạch tuyển sinh là phòng ĐTDH. Trước mỗi kì tuyển sinh, Nhà trường đều thành lập Hội đồng tuyển sinh với sự điều chỉnh, bổ sung thành viên phù hợp với tình hình thay đổi nhân sự của Trường [H8.08.01.03]. Hội đồng tuyển sinh do Hiệu trưởng là Chủ tịch Hội đồng. Phòng ĐTDH tiến hành biên soạn các văn bản dự thảo về công tác tuyển sinh, sau đó Hội đồng tuyển sinh tổ chức họp, thống nhất và biên soạn một số các văn bản như: Đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh, xây dựng đề án tuyển sinh [H8.08.01.02], [H8.08.01.03], thông báo tuyển sinh các hình thức đào tạo chính quy và VLVH [H8.08.01.04], [H8.08.01.05], [H8.08.01.06], bao gồm các thông tin về kế hoạch, tổ chức công tác tuyển sinh cho các hình thức đào tạo và các CTĐT.

Các chính sách tuyển sinh như khối thi, chỉ tiêu, chế độ ưu tiên, ưu tiên tuyển thẳng của Trường được xây dựng và ban hành theo quy định của Bộ GDĐT [H8.08.01.04], hàng năm Nhà trường đều tiếp nhận SV dự bị và cử tuyển cho các đối tượng học sinh là người dân tộc thiểu số [H8.08.01.04].

Các thông tin về tuyển sinh của Trường nói chung và của chương trình Sư phạm Toán học về số lượng, điều kiện xét tuyển, quy trình xét tuyển được xác định rõ ràng, đầy đủ, chi tiết và được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường [H8.08.01.04]. Nhà trường sử dụng nhiều hình thức truyền thông để thực hiện công tác tuyển sinh. Hàng năm, Nhà trường đều cử cán bộ tham gia Ngày hội tư vấn hướng nghiệp và Ngày hội tư vấn tuyển sinh do Báo Tuổi Trẻ, Báo Thanh Niên tổ chức [H8.08.01.07]; Nhà trường tổ chức các đoàn tư vấn tuyển sinh về các trường THPT để giới thiệu và tư vấn cho học sinh về các ngành nghề và thông tin tuyển sinh của Nhà trường [H8.08.01.07]; Thực hiện việc in ấn các tờ rơi tuyển sinh hoặc các cuốn thông tin tuyển sinh để chuyển đến cho học sinh và các đối tượng cần tham khảo [H1.01.01.13], [H8.08.01.08]; Thông tin tuyển sinh cũng được đăng tải trên website của Nhà trường tại địa chỉ <http://ttn.edu.vn/tuyensinh> [H8.08.01.04]. Đề án tuyển sinh

cũng được Nhà trường công khai trên website của Nhà trường và website của Bộ GDĐT [H8.08.01.09].

Nhà trường thường xuyên tổ chức hoạt động tư vấn tuyển sinh và hỗ trợ NH online thông qua trang tư vấn tuyển sinh (<https://tuyensinh.ttn.edu.vn/>).

Mỗi năm, sau khi kết thúc thời gian tuyển sinh theo quy định Nhà trường đều thực hiện việc báo cáo với Bộ GDĐT để làm căn cứ cho thực hiện, rút kinh nghiệm và triển khai các công tác tuyển sinh cho năm tiếp theo [H8.08.01.10].

Trong 5 năm qua, số lượng SV học tập ngành Sư phạm Toán học được thể hiện trong Bảng 8.1.

Bảng 8.1. Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số NH trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy)

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2015-2016	277	57	4,86	56	23,25	-	0
2016-2017	160	53	3.02	40	22,5	-	0
2017-2018	139	40	3,48	33	18,5	-	0
2018-2019	76	27	2,82	18	17	-	0
2019-2020	98	31	3,16	28	18	-	0

2. Điểm mạnh

Nhà trường có chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng trong đề án tuyển sinh, được công bố công khai trên website và được phổ biến rộng rãi trong các đợt tư vấn tuyển sinh.

Chính sách tuyển sinh của Trường được điều chỉnh, cập nhật theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng của Bộ GDĐT hàng năm và phù hợp với tình hình thực tế.

3. Điểm tồn tại

GV trong Khoa KHTN-CN và trường đã cùng tham gia truyền thông về tuyển sinh của Trường nhưng chưa phát huy tối đa hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

Để phát huy điểm mạnh, từ năm 2022, BM Toán, Khoa KHTN-CN, Nhà Trường:

- Tiếp tục cải tiến, đề ra nhiều hình thức quảng bá hình ảnh về CTĐT nhằm thu hút nhiều lượt thí sinh quan tâm hơn.

- Phối hợp tổ chức một ngày hội tư vấn tuyển sinh mang thương hiệu của Trường ĐHTN bằng cách liên hệ cựu SV và các nhà tuyển dụng để cung cấp thông tin về nguyện vọng của thí sinh từ THPT.

- Nhà trường cho xây dựng bộ sách cẩm nang tư vấn tuyển sinh kết hợp với quảng bá hình ảnh qua các phương tiện truyền thông.

- BM đề xuất Nhà trường, Khoa tiếp tục cải tiến website của Trường, Khoa nhằm tăng cường thông tin, hiệu quả quảng bá.

Để khắc phục điểm tồn tại, từ năm 2022, Nhà trường và Khoa KHTN-CN tăng cường áp dụng các biện pháp động viên, khuyến khích tất cả GV của Trường và Khoa KHTN-CN tiếp tục tích cực tham gia truyền thông về tuyển sinh của Trường và CTĐT ngành Sư phạm Toán học.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả

Người học đóng vai trò quan trọng đến chất lượng đào tạo, quyết định đến sự thành công của mục tiêu đào tạo. Vì vậy, khâu xác định tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được coi là rất quan trọng đối với cả quá trình đào tạo. Đối với trường ĐHTN, các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh được xác định rõ ràng trong đề án tuyển sinh hằng năm [H8.08.02.01], [H8.08.01.03], và được tổng kết, đánh giá trước khi xây dựng đề án tuyển sinh cho năm tiếp theo [H8.08.01.10].

Đối với ngành Sư phạm Toán học, khác với quy định trước đây của Bộ GDĐT là chỉ được tuyển sinh theo khối A theo kỳ thi chung của Bộ, thì từ năm học 2016-2017, tiêu chí và phương pháp tuyển sinh linh động hơn theo yêu cầu của thị trường lao động. Các tiêu chí tuyển sinh ngành Sư phạm Toán học từ năm 2016 được xác định dựa trên các tổ hợp môn. Cụ thể, tuyển sinh năm 2018 gồm các tổ hợp A00 (Toán, Vật lý, Hóa học), A01 (Toán, Vật lý, tiếng Anh), A02 (Toán, Vật lý, Sinh học) và bằng phương thức thi tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia [H8.08.01.03], tuyển sinh năm 2019 được thực hiện giống như năm 2018 [H8.08.01.03]. Tuyển sinh năm 2020 có thêm một tổ hợp là B00 (Toán, Hóa học, Sinh học) và có bốn phương thức tuyển sinh, bao gồm: 1) xét kết quả thi tốt nghiệp THPT quốc gia năm 2020, 2) Xét kết quả thi đánh giá năng lực của ĐH quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh năm 2020, 3) Xét tuyển thẳng, 4) Xét KQHT THPT (học bạ) [H8.08.01.03].

Dữ liệu tuyển sinh ngành Sư phạm Toán học hằng năm được lưu trữ tại Phòng ĐTDH [H8.08.01.10]. Hằng năm, sau mỗi mùa tuyển sinh Hội đồng tuyển sinh của Trường tổ chức rà soát, đánh giá, báo cáo và rút kinh nghiệm, tổng hợp các ý kiến của các BLQ và từ đó xây dựng đề án tuyển sinh phù hợp cho năm tiếp theo [H8.08.02.01]. Đề án tuyển sinh được công bố rộng rãi bằng các phương thức: phát hành cuốn sổ tay tuyển sinh, đăng tải trên website của trường,... [H8.08.01.09], [H1.01.01.13], [H8.08.01.08].

2. Điểm mạnh

Hằng năm Nhà trường có đề án tuyển sinh với các tiêu chí và phương thức tuyển sinh rõ ràng, được phổ biến rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau.

Sau mỗi lần tuyển sinh, Nhà trường tổ chức họp tổng kết, rút kinh nghiệm và từ đó đề ra các điều chỉnh cho phù hợp hơn trong lần tuyển sinh tiếp theo.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù có những ưu điểm trong các tiêu chí và phương thức tuyển sinh mới như sự linh hoạt, phong phú, nhưng việc xét điểm thi dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT, trong đó có các môn thi trắc nghiệm, làm cho kết quả đầu vào không đồng đều. Phương thức thi THPT quốc gia dẫn đến sự học lệch, học tủ nên việc đào tạo ở bậc đại học gặp khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, BM Toán tiếp tục rà soát, đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu của CTĐT đối với NH và các BLQ để có những đề xuất sửa đổi tiêu chí và phương thức tuyển sinh.

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học

1. Mô tả

Nhà trường ban hành Quy chế học vụ ĐTDH, cao đẳng hệ chính quy theo học chế TC [H8.08.03.01], [H5.05.01.01], trong đó có quy định các tiêu chuẩn, quy trình đánh giá, giám sát NH một cách rõ ràng. Quy chế này được cập nhật, sửa đổi, bổ sung [H8.08.03.01] để ngày càng phù hợp với tình hình thực tiễn. Nhà trường có Phần mềm quản lý đào tạo theo hệ thống TC có chức năng quản lý và theo dõi tình trạng học tập của SV suốt quá trình SV học tập tại Trường [H8.08.03.02]. Cụ thể, Phần mềm ghi nhận toàn bộ thông tin về SV, bao gồm các thông tin cá nhân, tình trạng học tập, điểm tích lũy, số HP đã hoàn thành, tình trạng về điều kiện để SV đăng ký các HP tiếp theo, cảnh báo SV về tình trạng đáp ứng yêu cầu của CTĐT. Sau mỗi học kỳ, mỗi năm học, toàn bộ dữ liệu về KQHT, khối lượng học tập của NH được ghi nhận trên Phần mềm [H8.08.03.02]. Phòng ĐTDH là đơn vị được Nhà trường giao nhiệm vụ quản lý, vận hành Phần mềm, kết hợp với các khoa đào tạo để theo dõi, giám sát sự tiến bộ của SV [H8.08.03.02]. Phần mềm còn có chức năng phân công, phân cấp quản lý, cho phép NH truy cập để biết được tình trạng tiến bộ trong học tập của mình, các khoa đào tạo có thể truy cập, truy xuất để quản lý tình hình học tập của từng SV, qua đó các khoa đào tạo có kế hoạch để cùng với CVHT và SV xây dựng kế hoạch học tập cho phù hợp với từng cá nhân.

Về giám sát sự tiến bộ trong rèn luyện của NH, Nhà trường giao cho Phòng công tác SV chịu trách nhiệm chính về quản lý, kết hợp với các khoa đào tạo và các đơn vị liên quan như Phòng thanh tra pháp chế, Trung tâm hỗ trợ học sinh, SV, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh quản lý sự tiến bộ của NH trong rèn luyện [H8.08.03.03], [H8.08.03.04], báo cáo với Lãnh đạo Trường thông qua các cuộc họp Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của SV [H8.08.03.04]. Quy trình về đánh giá, các tiêu chí, tiêu chuẩn, mức điểm được quy định cụ thể trong Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của SV trình độ đại học hệ chính quy Trường ĐHTN [H8.08.03.04]. CVHT

là người được giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý quá trình rèn luyện của NH, theo dõi, tổ chức họp, đánh giá và có những đề xuất để khoa và Phòng công tác SV nắm tình hình. Vai trò, trách nhiệm của CVHT được quy định rõ tại Quy định về công tác CVHT [H8.08.03.03], [H5.05.02.07]. Để thống nhất trong toàn Trường về quy trình, tiêu chuẩn, các tiêu chí và mức điểm tương ứng, Nhà trường ban hành Phiếu đánh giá kết quả rèn luyện của SV [H8.08.03.05] và hướng dẫn thực hiện [H8.08.03.04].

Kết thúc mỗi học kỳ, Phòng ĐTDH kết hợp với Phòng Công tác SV rà soát, tổng hợp KQHT, rèn luyện của NH, trên cơ sở đó đưa ra danh sách cảnh báo học tập đối với những SV thuộc diện bị cảnh báo học tập, danh sách buộc thôi học đối với những SV không đáp ứng tiến độ và KQHT theo quy định của Bộ GDĐT [H8.08.03.06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường ban hành Quy chế học vụ theo học chế TC, sửa đổi, bổ sung và cập nhật phù hợp. Đây là cơ sở để triển khai thực hiện đồng bộ, thống nhất trong việc giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện và khối lượng học tập của NH.

Nhà trường có phần mềm quản lý để theo dõi, giám sát sự tiến bộ của NH trong học tập, rèn luyện, đưa ra các cảnh báo để NH có kế hoạch điều chỉnh phương pháp học tập.

3. Điểm tồn tại

Việc cảnh báo KQHT đến NH còn chậm.

Một số CVHT chưa phát huy hết vai trò, nhiệm vụ của mình trong việc định hướng cho NH lựa chọn, đăng ký các HP, khối lượng học tập phù hợp.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, trên cơ sở các quy định trong các văn bản đã được Nhà trường ban hành, BM Toán:

- Tiếp tục rà soát, phân công và kiểm tra cụ thể vai trò của CVHT, bố trí lịch nhiều hơn cho CVHT để tăng thời gian tương tác giữa CVHT và NH.

- Kết hợp với Khoa KHTN-CN và Nhà trường tiếp tục cập nhật CTĐT theo định kỳ cho phù hợp với xu thế và nhu cầu thị trường, tạo hứng thú cho NH và nâng cao hiệu quả đào tạo.

- Đề xuất cải tiến phần mềm quản lý, bổ sung các chức năng tốt hơn để cảnh báo kịp thời KQHT, rèn luyện của NH.

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. *Mô tả*

Nhằm hỗ trợ NH kịp thời trong việc cải thiện khả năng học tập và trau dồi những kỹ năng cho công việc sau khi ra trường, đội ngũ CVHT của Khoa đã kết hợp với chuyên viên phòng Công tác chính trị và học sinh SV, Đoàn Thanh niên, Hội SV tư vấn và phổ biến nội quy, kế hoạch giúp SV học tập, tham gia các hoạt động ngoại khóa và những dịch vụ khác [H8.08.04.02], [H8.08.04.03]. Bên cạnh đó, kết hợp với hoạt động của phòng KH-QHQT và các thành viên của đề án V2 Work, SV được tham gia, tập huấn các kỹ năng trong quá trình khởi nghiệp, quản lý tài chính, thực hành nông nghiệp tại Isarael [H8.08.04.01].

Với SV mới nhập học để giúp các em có thể sớm hòa nhập với môi trường học tập trong trường đại học, Nhà trường đã tổ chức phổ biến nội quy, quy chế [H8.08.04.02], [H8.08.04.03] hướng dẫn tư vấn phương pháp học tập cho SV trong tuần sinh hoạt công dân đầu năm học. Bên cạnh đó, trong tháng đầu tiên của học kỳ I, Lãnh đạo Khoa chỉ đạo Liên chi đoàn, Liên chi hội khoa tổ chức cuộc gặp mặt SV khóa mới để giới thiệu về lịch sử phát triển, cơ cấu tổ chức, đội ngũ GV, CTĐT, phương thức đào tạo, định hướng học tập trong trường đại học và một số lưu ý trong quá trình học. Trong chương trình gặp mặt tân SV của khoa, luôn có mặt đại diện Lãnh đạo khoa, CVHT, đại diện các đoàn hội để giải đáp, tư vấn cho SV [H4.04.01.07].

Cổ vấn học tập tư vấn, động viên, khuyến khích SV tham gia các hoạt động câu lạc bộ tình nguyện, các nhóm nghiên cứu, các cuộc thi kiến thức chuyên ngành: câu lạc bộ hiến máu tình nguyện, mùa hè xanh, hội thi NVSP, cuộc thi Olympic SV Toán toàn quốc, hội thảo SV NCKH Khoa KHTN-CN [H3.03.02.03], [H8.08.04.03], [H8.08.04.04]. Trong hoạt động NCKH, làm khóa luận tốt nghiệp, sau khi SV được CVHT tư vấn, đăng ký đề tài, Lãnh đạo khoa phân công GV tư vấn, hướng dẫn SV thực hiện đề tài nghiên cứu bao gồm hướng dẫn SV viết đề cương nghiên cứu, cách thu thập dữ liệu từ thực tế, cách viết báo cáo [H8.08.04.04]. Trong các buổi sinh hoạt lớp hàng tháng, CVHT tư vấn và hướng dẫn cho những SV gặp khó khăn trong việc

lựa chọn và đăng ký HP, đổi HP, tạm dừng học tập, bảo lưu KQHT hoặc thôi học, quá hạn thời gian đào tạo. Sau mỗi học kỳ, CVHT nhận từ trợ lý đào tạo của khoa danh sách những SV có kết quả chưa đạt yêu cầu để tư vấn và hỗ trợ riêng cho những SV này trong các buổi sinh hoạt lớp [H5.05.02.07], [H4.04.01.09].

Sinh viên được tham gia các hoạt động ngoại khóa lành mạnh như chương trình các cuộc thi nâng cao kiến thức chuyên ngành và xã hội trong cuộc thi “Chuyên môn và những vấn đề xã hội”, “Đối thoại trao đổi kinh nghiệm học tập và NCKH”, cuộc thi khởi nghiệp; các chương trình “Mùa hè xanh”, “Ngày chủ nhật đỏ”, ... [H8.08.04.03], [H8.08.04.04], [H8.08.04.05]. Để tăng cường khả năng có việc làm của NH, Nhà trường và Khoa thường xuyên tổ chức ngày hội việc làm, đưa vào CTĐT các HP Khởi nghiệp và Kỹ năng mềm, các khóa học ngắn hạn, định hướng nghề nghiệp việc làm, thực tập tại cơ sở ở các Trường Phổ thông giúp SV có những trải nghiệm thực tế với nghề [H8.08.04.06], [H1.01.01.01]. Bên cạnh đó nhà trường tiến hành cải tiến phương án cấp học bổng khuyến khích học tập để chính xác và phù hợp hơn [H8.08.04.03]. Để hỗ trợ NH tốt hơn trong các thủ tục hành chính, trường đã thay đổi các thủ tục đăng ký HP, đóng học phí, thủ tục ra trường linh hoạt và hợp lý hơn [H8.08.04.04].

Trong quá trình học tập, SV được Khoa cung cấp thông tin đầy đủ về các mẫu báo cáo thực tập thực tế, khóa luận tốt nghiệp, tư vấn cho SV lựa chọn các HP tự chọn phù hợp với năng lực của mình. Khi SV đi thực tập, Lãnh đạo Khoa và Trưởng BM phân công GV của BM liên lạc và đưa SV đi thực tập, thực tế tại các cơ sở. GV hướng dẫn SV đi thực tập, thực tế là những CB có kinh nghiệm thực hành, quản lý SV và mối quan hệ thân tình với các cơ sở tiếp nhận SV đến thực tập [H8.08.04.05].

Hàng năm, Nhà trường có tổ chức đối thoại, điền phiếu khảo sát lấy góp ý phản hồi của SV về hoạt động liên quan đến tư vấn và hỗ trợ NH [H4.04.03.12] để thực hiện cho phù hợp. Ngoài ra, Khoa và Phòng QLCL còn chủ động thực hiện khảo sát việc làm của SV ngành Sư phạm Toán học sau khi tốt nghiệp [H4.04.03.12], [H8.08.04.07] từ đó thực hiện việc hỗ trợ việc làm cho SV đạt hiệu quả cao nhất. Dựa trên quy trình khảo sát và báo cáo khảo sát của phòng QLCL, kết quả khảo sát năm 2019 cho thấy: Có 69,1% SV hài lòng với mức độ đáp ứng của Thư viện; 54,9% SV hài lòng với hệ thống CNTT; 45,7% SV hài lòng với các dịch vụ của Nhà trường; 58,3% SV hài lòng với phòng thí nghiệm và thực hành [H4.04.03.12]. Kết quả khảo sát lấy ý kiến NH đánh giá hoạt động giảng dạy của GV học kỳ 1, năm học 2017 –

2018 đạt mức độ tốt là 78%; Học kỳ 2, năm học 2017 – 2018 đạt mức độ hài lòng là 92,5%; Học kỳ 1, năm học 2018 – 2019 là 93,9%; Học kỳ 2, năm học 2018 – 2019 là 92,2% SV và học viên hài lòng với hoạt động giảng dạy [H4.04.03.12]. Bên cạnh đó, sự hài lòng của NH đối với CTĐT trên 80% [H4.04.03.12].

2. Điểm mạnh

Với sự cải thiện ngày càng tốt hơn trong hoạt động tư vấn, hỗ trợ NH của đội ngũ NV phòng ĐTDH, phòng Công tác SV, trợ lý đào tạo Khoa và CVHT, NH được tư vấn tốt trong việc đăng ký HP, cải thiện điểm, lập kế hoạch học tập phù hợp với năng lực học tập của mình. Với các thủ tục linh hoạt trong xét duyệt học bổng khuyến khích của trường và các học bổng tài trợ của các công ty và tổ chức đối tác của trường, NH có hoàn cảnh khó khăn ngày càng có cơ hội thuận lợi trong việc duy trì việc học của mình. Bên cạnh đó, với sự hỗ trợ của Đoàn Thanh niên, Hội SV và các phòng ban khác (phòng KH-QHQT, trung tâm tư vấn việc làm và kết nối doanh nghiệp), SV được hỗ trợ các kỹ năng lập hồ sơ xin việc và cơ hội tìm được việc làm tốt hơn.

3. Điểm tồn tại

Sự tham gia của các SV vào các hoạt động NCKH vẫn còn hạn chế. Hoạt động khảo sát lấy ý kiến NH về học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ SV khác chưa được thực hiện liên tục và hình thức chưa đủ hấp dẫn NH tham gia.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 - 2023, Nhà trường, Khoa và BM tiếp tục phối hợp với đội ngũ CVHT tiếp tục duy trì, khuyến khích hoạt động NCKH trong SV; lấy ý kiến phụ huynh của SV về các hoạt động liên tục hơn, tổ chức hội thảo NCKH cho SV nhằm khuyến khích SV tham gia NCKH tích cực hơn.

Nhà trường và Khoa tiếp tục tổ chức các chương trình giao lưu, định hướng nghề nghiệp với các đối tác, ĐVSDLD nhằm cung cấp kịp thời các thông tin về nghề nghiệp, xu hướng phát triển ngành nghề trong thời đại công nghiệp 4.0.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Mô tả

Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan có ý nghĩa rất lớn với hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu cho cả GV và NH. Trường ĐHTN rất chú trọng trong việc đầu tư, tạo cảnh quan trong khuôn viên trường và môi trường làm việc hiện đại, thân thiện và hòa hợp. Nhà trường có phòng tự học cho SV. Có nhiều bàn ghế được đặt bên ngoài các tòa nhà để SV nghỉ ngơi, học tập, làm việc nhóm khi cần thiết. Thư viện được từng bước nâng cấp về hệ thống đầu sách phục vụ cho SV cũng như cảnh quan bên trong thư viện tạo sự hứng thú cho SV khi đến học tập nghiên cứu tại đây [H8.08.05.01], [H8.08.05.02].

Nhà trường cũng thiết kế các bảng chỉ dẫn đặt theo từng khu để SV và khách đến trường thuận tiện trong liên hệ làm việc. Toàn bộ hệ thống phòng làm việc, phòng học được thiết kế tạo sự mát mẻ, dễ chịu cho GV, SV và khách đến làm việc, tham quan tại trường. Các phòng học ở nhà số 6 được trang bị thiết bị điều hòa. Văn phòng làm việc của Khoa được bố trí rộng rãi, sạch sẽ, hiện đại, tạo không khí thoải mái, thân thiện, hiện đại. Ngành Sư phạm Toán học có một văn phòng BM. Văn phòng này dành cho cả CB và SV ngành Sư phạm Toán học trong việc sinh hoạt học thuật, họp BM, họp đội tuyển Olympic Toán, ...

Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động để SV ngành Sư phạm Toán học có cơ hội cùng với SV các ngành khác được giao lưu, tìm hiểu về kỹ năng sống và sự phát triển, nghiên cứu toán học [H8.08.05.04].

Sinh viên năm thứ hai ngành Sư phạm Toán học được đi KTSP 2 tuần để trải nghiệm thực tế các môn tâm lý học và giáo dục học, gắn kết lý thuyết và thực hành trong việc học các HP giáo dục với môi trường làm việc tương lai,... [H8.08.05.05].

Hàng năm, Nhà trường và Khoa tổ chức định kỳ khảo sát lấy ý kiến các BLQ đánh giá về mức độ hài lòng về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Nhà trường, Khoa. Môi trường và cảnh quan của nhà trường được GV và SV đánh giá tốt bởi đã tạo sự hứng thú, phát huy khả năng học tập và nghiên cứu [H8.08.05.03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn chú trọng việc đầu tư, cải thiện môi trường, cảnh quan, tạo không khí thoải mái để việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu được thuận lợi.

3. Điểm tồn tại

- Các hoạt động ngoại Khóa do Nhà trường, Khoa và BM tổ chức chưa thu hút được tất cả các SV ngành Sư phạm Toán học tham gia;

- Nhà trường chưa khảo sát ý kiến các BLQ bên ngoài về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 – 2023,

- Đoàn Thanh niên, CVHT cùng BCS lớp tích cực hơn nữa trong việc thông báo, vận động SV tham gia các hoạt động ngoại khóa do Nhà trường, Khoa và BM tổ chức.

- Phòng QLCL phối hợp với phòng Hành chính tổng hợp triển khai khảo sát ý kiến khách đến làm việc tại trường về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 6/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Ngành Sư phạm Toán học luôn theo sát chính sách tuyển sinh và tuân thủ chính sách đào tạo của Nhà trường. Trong quá trình hoạt động, BM Toán đã xây dựng quy trình hỗ trợ NH một cách linh hoạt, khoa học, hiệu quả nhằm cung cấp kiến thức và hoàn thiện các kỹ năng cho NH. CTĐT ngành Sư phạm Toán học có hệ thống giám sát và quản lý tiến độ học tập và rèn luyện của SV chặt chẽ. Ngoài ra, BM Toán, Khoa KHTN-CN và Nhà trường luôn xây dựng môi trường học tập mang tính hòa hợp, tích cực cho SV.

Tuy vậy, một số hoạt động ngoại khóa do BM Toán, Khoa KHTN-CN tổ chức chưa thu hút tất cả SV tham gia. Số lượng khảo sát ý kiến các bên liên quan bên ngoài về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong trường chưa được nhiều.

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 8: Mức đạt được của Tiêu chuẩn 5,2/7.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Trường ĐHTN là một cơ sở GDĐH có hệ thống CSVC và trang thiết bị học tập đáp ứng được để triển khai các hoạt động đào tạo và NCKH nhằm đạt được mục tiêu và nhiệm vụ đề ra. Điều này được thể hiện qua hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành và hệ thống tài liệu, tư liệu khoa học chuyên ngành, ... mà BM Toán, khoa KHTN-CN đang sử dụng trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu. Trong những năm gần đây, nhằm góp phần nâng cao CLĐT, Nhà trường đã tập trung đầu tư cải tạo, sửa chữa các khu làm việc, giảng đường với hệ thống CNTT và các trang thiết bị phù

hợp cho hoạt động đào tạo và NCKH của ngành Sư phạm Toán học. Trung tâm thông tin tư liệu có đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, các báo và tạp chí cần thiết; cảnh quan môi trường được xây dựng xanh - sạch - đẹp, đảm bảo về sức khỏe và trật tự, an ninh, an toàn cho CB, GV, SV, học viên.

Nhà trường đã và đang triển khai công tác quy hoạch mặt bằng tổng thể và các khu chức năng, trên cơ sở đó tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống phòng làm việc, giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, nhà luyện tập thể dục, thể thao, ... với các trang thiết bị theo hướng ngày càng hiện đại; hoàn thiện các quy định về quản lý nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Nhà trường có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo theo quy định hiện hành [H9.09.01.01]. Hiện tại Nhà trường có 7 dãy giảng đường gồm 2, 5, 6, 7, 8, 9, TTGDQP, 02 hội trường lớn với sức chứa 200 chỗ và 400 chỗ và 01 trường THPT thực hành Cao Nguyên. Trong đó, giảng đường số 6, 7, 8, 9 mới được xây dựng và trang bị máy tính và máy chiếu hiện đại, giảng đường số 2 mới được tân trang và sửa chữa phục vụ cho công tác giảng dạy. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị, bao gồm bàn ghế, tủ hồ sơ, máy tính, máy in, hệ thống chiếu sáng, thông gió, máy điều hòa nhiệt độ, an toàn, phù hợp để hỗ trợ tốt các hoạt động đào tạo và NCKH [H9.09.01.01]. Đến thời điểm năm 2020, CSVC của Nhà trường đã được đầu tư xây dựng, tương đối đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu thể hiện ở Bảng 9.1.1.

Bảng 9.1.1. Thực trạng CSVC phục vụ cho đào tạo và NCKH Trường ĐHTN

TT	CSVC	ĐVT	Diện tích	Diện tích sàn	Số phòng thực tế	Số phòng học
I	Nhà cửa, giảng đường					

1	Nhà A1	m ²	85	85	3	
2	Nhà A2	m ²	85	85	4	
3	Ký túc xá 2	m ²	691	2764	19	
4	Nhà điều hành trung tâm	m ²	1.120	7.690		
	Cộng		1.981	10.624		
II	Khối Giảng đường					
1	Giảng đường C2	m ²	859	1718	20	19
2	Giảng đường 6	m ²	1.224	1.224	14	11
3	Giảng đường 7	m ²	957	3.828	20	15
4	Giảng đường 8	m ²	945	3.780	25	20
5	Giảng đường 9	m ²	957	3.828	20	19
6	Giảng đường TTGDQP	m ²	714	2.856	12	12
7	Trường THPT TH Cao Nguyên	m ²	1.233	3.699	16	16
	Tổng	m ²	6.889	20.933	127	112
III	Phòng đa phương tiện					
	Ngoại ngữ + Vi tính	m ²	59,9	1.198	20	
	Khối nhà thí nghiệm					
1	Khu nhà thí nghiệm KNL	m ²	1095	4380	55	
2	Nhà thí nghiệm D1; D2; D3	m ²	859	859	4	
3	Giảng đường 5	m ²	637	3185	18	3
4	Viện CNSH&MT	m ²	1115	2230	11	
5	Nhà số 7 (BM SHTN)	m ²	59,9	119,8	2	
6	Nhà số 8 (BM Vật lý)	m ²	59,9	179,7	3	
7	Nhà số 9 (BM sinh, BM Dược lý, BM CNMT, BM Hóa)	m ²	59,9	299,5	5	

	Tổng	m ²	3.886	11.253	98	3
	Xưởng THTT					
1	Bệnh viện Trường	m ²	780	3120		
2	Trạm xá Thú y	m ²	118	118	1	
3	Nhà thực hành kỹ năng sư phạm	m ²	320	960	6	
4	Trại thực nghiệm	m ²	1483	1483		
	Tổng	m ²	2.701	5.681	7	
	Khối hội trường					
1	Hội trường 400	m ²	1095	1095	1	
2	Hội trường 200	m ²	457	457	1	
3	Hội trường A+B	m ²	657	657	2	
	Tổng	m ²	2.209	2.209	4	
	Khối thư viện-Trung tâm thông tin					
1	Thư viện	m ²	1.396,5	2.793	5	
	Trung tâm thông tin	m ²	931	931	4	
			2.327,5	3.724	9	
	Ký túc xá SV					
1	KTX số 1	m ²	628	3140	72	
2	KTX số 3	m ²	628	3140	58	
3	KTX số 4	m ²	628	3140	58	
4	KTX Lào - Campuchia	m ²	642	1926	24	
5	KTX 1 Khoa Y Đặng Trần Côn	m ²	653	3265	60	
6	KTX 2 khoa Y Đặng Trần Côn	m ²	653	3265	60	
7	KTX 1 TTGDQP	m ²	615	3075	60	
8	KTX 2 TTGDQP	m ²	615	3075	60	

	Tổng	m ²	5.062	24.026	452	
	Khu thể thao					
1	Nhà thi đấu	m ²	3.111	3.111	12	
2	Sân vận động	m ²	5.000	5.000		
3	Bể bơi	m ²	1.620	1.620		
	Tổng		9.731	9.731	12	
	Công trình khác					
1	Nhà khách	m ²	350	700		
2	Gara ô tô	m ²	352	352		
3	Nhà xe số 1	m ²	336	336		
4	Nhà xe số 2	m ²				
5	Nhà xe số 3	m ²	384	384		
6	Nhà xe số 4	m ²	576	576		
7	Nhà Bảo vệ cổng A	m ²	24	24		
8	Nhà bảo vệ Cổng B	m ²	22	22		
9	Căn tin	m ²	600	600		
10	Nhà ăn TTGDQP	m ²	1.050	1.050		
11	Khu DV KTX Đặng Trần Côn	m ²	3.637	3.637		
12	Nhà A3	m ²	85	85	3	
13	Trung tâm xét nghiệm Y khoa	m ²	447	1.341		
	Trường mầm non thực hành 11-11					
14	Nhà học khối nhóm trẻ	m ²	507			03
15	Nhà học khối mẫu giáo	m ²	208	416		02
16	Nhà học hành chính, học tập	m ²	760			
17	Nhà trạm bơm	m ²	10			

18	San nền – kê đá	m ²	6.006			
19	Sảnh đón	m ²	160			
20	Nhà bảo vệ	m ²	9			
21	Gara xe 2 bánh	m ²	36			
22	Sân đường nội bộ	m ²	1.835			
	Cộng		16.426	9.523	3	5
23	Bể nước phòng cháy chữa cháy (PCCC)	m ³	160			
24	Hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, thông tin liên lạc, chống sét, PCCC tổng thể toàn khu hoàn chỉnh	HT	1			

SV chuyên ngành Sư phạm Toán học còn được thực hành rèn nghề tại các trường phổ thông thông qua các đợt KTSP và TTSP.

Hàng năm, CSVC và cơ sở hạ tầng các phương tiện dạy và học, trang thiết bị được rà soát, kiểm kê cụ thể. Nhà trường thành lập các tổ kiểm kê tài sản và tiến hành công tác kiểm kê tài sản của các đơn vị trong toàn trường [H9.09.01.02]. Nhà trường đã ban hành quy định, quy chế về thí nghiệm quản lý, sử dụng tài sản của Trường ĐHTN. Tại các giảng đường NV trực lập sổ theo dõi sử dụng trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo và NCKH [H9.09.01.04].

Căn cứ vào nhu cầu sử dụng và cân đối nguồn kinh phí hàng năm, Nhà trường đã xây dựng dự toán để đầu tư nâng cấp CSVC, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị theo kế hoạch. Việc có kế hoạch và phân bổ dự toán giúp cho Nhà trường chủ động trong điều tiết nguồn kinh phí chi tiêu nhằm đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng, CSVC được kịp thời phục vụ các nhiệm vụ của Nhà trường [H9.09.01.02], [H9.09.01.03]. Trên cơ sở rà soát, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 và kế hoạch đầu tư công 2017, Nhà trường đã thông báo và yêu cầu các đơn vị trong toàn trường rà soát và lập danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCD của Nhà trường [H9.09.01.05]. Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, Nhà trường thực hiện các thủ tục

báo cáo và trình Bộ GDĐT xin phê duyệt mua sắm cung cấp trang bị máy móc, thiết bị chuyên dùng [H9.09.01.05]. Các dự án đầu tư, mua sắm trang bị CSVC được thực hiện chặt chẽ theo quy định của Nhà nước, đúng quy định của pháp luật, quy trình thực hiện và thủ tục thanh toán các hoạt động chỉ tiêu thường xuyên của phòng kế hoạch tài chính đáp ứng yêu cầu của Nhà trường. Việc rà soát và đánh giá hiệu quả đầu tư CSVC và cơ sở hạ tầng được thực hiện thông qua: báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường trong đó có nhiệm vụ về đầu tư CSVC và cơ sở hạ tầng phục vụ đào tạo, nghiên cứu, báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư hằng năm [H9.09.01.05], [H9.09.01.07]. Bên cạnh đó, phòng CSVC, phòng Kế hoạch tài chính thực hiện công tác tổng kết hoạt động liên quan đầu tư CSVC và cơ sở hạ tầng theo kế hoạch đề ra hằng năm thông qua các báo cáo tổng kết năm học của đơn vị. Trong báo cáo kiểm tra hoạt động tài chính của Ban Thanh tra nhân dân Nhà trường luôn có nội dung về kiểm tra việc thực hiện vốn đầu tư các dự án tăng cường CSVC, cơ sở hạ tầng, các phương tiện phục vụ đào tạo, nghiên cứu [H9.09.01.05].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành NVSP, với trang thiết bị hiện đại, phù hợp với chuyên ngành Sư phạm Toán học trong quá trình dạy học lý thuyết và thực hành rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH.

3. Điểm tồn tại

Hầu hết giảng đường, phòng học, phòng chức năng đảm bảo đầy đủ cả về số lượng lẫn chất lượng cho việc học tập rèn luyện của SV. Tuy nhiên, vẫn còn một số ít phòng học ở giảng đường 2 đã được cải tạo, sửa chữa nhưng vẫn chưa đáp ứng được tiêu chuẩn của các phòng học hiện đại.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Nhà trường tiếp tục nâng cấp các phòng học chưa đủ tiêu chuẩn, bố trí thêm các phòng tự học cho SV tại các giảng đường nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho SV trong quá trình học tập, nghiên cứu.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 9.2: Thư viện của trường Đại học Tây Nguyên có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học

1. Mô tả

Thư viện Trường ĐHTN được xây dựng và phát triển qua các giai đoạn khác nhau. Từ ngày mới thành lập Trường, quy mô còn nhỏ nên sáp nhập với phòng Giáo vụ (nay gọi là phòng ĐTĐH), ban đầu vốn tài liệu chỉ có khoảng 3.000 cuốn với 04 CB chuyên trách. Năm 1997, Trung tâm thông tin - Tư liệu - Thư viện được tách ra từ phòng Đào tạo. Đến năm 2007 Thư viện được thành lập từ Trung tâm thông tin – Tư liệu – Thư viện.

Để phục vụ hiệu quả, Thư viện đã đưa ra các quy định về nhiệm vụ, chức năng tổ chức bộ máy hoạt động, các quy định về mượn trả tài liệu, quy định về xử phạt, quy định về việc sử dụng và thời gian mở cửa. Hệ thống thư viện gồm các phòng phục vụ đọc tại chỗ với 500 chỗ ngồi, phục vụ mượn tài liệu về nhà, phòng học nhóm, tra cứu dữ liệu [H9.09.02.01]. Thư viện có tổng số vốn tài liệu 12.750 đầu sách giáo trình, tài liệu tham khảo, tạp chí chuyên ngành phục vụ cho 9 khoa, 34 ngành đào tạo, lượng bạn đọc vào thư viện cao [H9.09.02.02], [H9.09.02.01]. Tài liệu nội sinh như luận văn, luận án, báo cáo khoa học, giáo trình do CB, GV trường viết ngày càng gia tăng. Thư viện được trang bị phần mềm Ilib, đáp ứng nhu cầu tra cứu của bạn đọc, biết được tình trạng mượn – trả của tài liệu bạn đọc, tình trạng lưu thông của tài liệu [H9.09.02.01]. Để nguồn tài liệu đa dạng và phong phú đáp ứng nhu cầu bạn đọc, Thư viện Trường đã liên kết và được Trung tâm Học liệu Cần Thơ hỗ trợ chia sẻ và chuyển giao nguồn lực tư liệu điện tử, bạn đọc có thể truy cập mạng nội bộ để tìm tài liệu [H9.09.02.01].

Vào đầu mỗi năm học, Thư viện gửi thông báo và mẫu đăng ký đặt mua giáo trình, sách tham khảo về các khoa. Các Khoa có nhu cầu tài liệu phục vụ cho nghiên cứu, học tập thì làm giấy đề nghị mua sách để Thư viện có thể bổ sung kịp thời [H9.09.02.03], [H9.09.02.04].

Mô hình thư viện đã đổi mới phương thức phục vụ: từ kho đóng chuyển sang kho mở để SV dễ dàng tiếp cận tài liệu, mượn tài liệu theo yêu cầu, ứng dụng tin học hóa hoạt động mượn trả tài liệu thư viện và kết nối liên thư viện. Nhằm giúp CBVC, SV tiếp cận được nhiều nguồn tài liệu chuyên ngành phong phú, đa dạng Thư viện đã liên kết với Trung tâm Học liệu Trường ĐH Cần Thơ hỗ trợ chia sẻ và chuyển giao nguồn lực tư liệu điện tử [H9.09.02.01], [H9.09.02.02]. Định kỳ hướng dẫn SV năm nhất sử dụng thư viện theo lịch chung của Nhà trường.

Thư viện thực hiện lập dữ liệu theo dõi, đánh giá mua sắm trang thiết bị,

nguồn học liệu được thiết lập thông qua phần mềm quản lý tài sản, phần mềm quản lý thư viện Ilib 3.6 [H9.09.02.01]. Thực hiện rà soát, cập nhật giáo trình chính và tài liệu tham khảo cho từng HP trong CTĐT của các khoa [H9.09.02.02]. Nguồn tài liệu học tập để phục vụ cho chuyên ngành Sư phạm Toán học được thư viện mua bổ sung hằng năm để đáp ứng nhu cầu của người đọc [H9.09.02.02], [H9.09.02.03], [H9.09.02.04].

Nhà trường ban hành quy trình khảo sát lấy YKPH của NH, người dạy, CBVC và các BLQ từ đó đưa ra các khảo sát như: mức độ đáp ứng của nguồn học liệu đến CLĐT, NCKH và PVCD được đảm bảo và thông qua kết quả khảo sát nhu cầu bạn đọc sử dụng thư viện và các báo cáo kết quả khảo sát về cựu SV của Nhà trường [H9.09.01.07].

Vào đầu mỗi năm học, dựa trên kế hoạch của Phòng CSVC về việc đăng ký mua sắm tài sản, Thư viện gửi thông báo và mẫu đăng ký đặt mua giáo trình, sách tham khảo về các khoa. Nếu GV, SV có nhu cầu tài liệu phục vụ cho nghiên cứu, học tập thì có thể làm giấy đề nghị mua sách để Thư viện có thể bổ sung kịp thời. Đồng thời thực hiện rà soát, cập nhật giáo trình chính và tài liệu tham khảo cho từng HP trong CTĐT của các khoa, theo kế hoạch đảm bảo CLGD hằng năm của Nhà trường. Để đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành Toán, hàng năm Khoa KHTN-CN xác định danh mục tài liệu bổ sung cho từng môn học được xây dựng dựa trên ĐCCT các HP của ngành Toán [H9.09.02.02], [H9.09.02.03], đề nghị thư viện mua và cập nhật. Nhờ đó nguồn tài liệu, tạp chí,... của Thư viện luôn luôn được đổi mới đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của GV và SV.

2. Điểm mạnh

Thư viện của Nhà trường có nguồn tài liệu dồi dào, phong phú, được bổ sung, cập nhật hằng năm để phục vụ công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường và Khoa.

3. Điểm tồn tại

Giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập cho ngành Sư phạm Toán học chưa phong phú về thể loại, đặc biệt tài liệu tiếng nước ngoài còn hạn chế.

Hệ thống máy tính và phần mềm hỗ trợ chưa đáp ứng nhu cầu tra cứu tài liệu. GV, SV tự đề nghị Thư viện mua sách chưa được thường xuyên và phổ biến.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022-2023, BM Toán tiếp tục

- Đề xuất mua bổ sung tài liệu học tập cho các HP chuyên ngành Sư phạm Toán học.

- Động viên CB cơ hữu tham gia giảng dạy các HP cho chuyên ngành Sư phạm Toán học viết giáo trình, sách tham khảo, sách chuyên khảo.

Khoa KHTN-CN đề nghị Nhà trường triển khai dự án xây dựng thư viện điện tử, phát triển kho tài nguyên số.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Trường ĐHTN đầu tư xây dựng các trung tâm thí nghiệm, trung tâm thực hành, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập, ... với tổng diện tích sử dụng là 19.446 m², trong Trường có nhiều khu thí nghiệm, thực hành như: Khu nhà thí nghiệm khoa Nông Lâm; Khu nhà thí nghiệm D1, D2, D3; Phòng thí nghiệm được bố trí ở các giảng đường số 5, 7, 8, 9; Viện Công nghệ sinh học và môi trường; Bệnh viện trường ĐHTN; Trung tâm Kỹ năng sư phạm, Trường THPT Thực hành Cao Nguyên; Trường Mầm non Thực hành 11-11; Trạm xá thú y; Trại thực nghiệm,... [H9.09.01.01], [H9.09.01.02], [H9.09.03.01], [H9.09.03.02], [H9.09.03.03], [H9.09.03.04], [H9.09.03.05]. Nhà trường đã ban hành quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế phối hợp của Trung tâm thực hành, thực tập với các đơn vị khác trong toàn trường [H9.09.03.02], [H9.09.03.03].

Các phòng thực hành, thí nghiệm được trang bị đầy đủ trang thiết bị để phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu, đồng thời Nhà trường cũng đã thường xuyên cải tạo, sửa chữa, mua sắm bổ sung trang thiết bị; quản lý có hiệu quả CSVC của Nhà trường [H9.09.03.01], [H9.09.03.02], [H9.09.03.03], [H9.09.03.04], [H9.09.03.05].

Đặc biệt, Trường ĐHTN có các Trường Thực hành Sư phạm, trong đó có Trường THPT Thực hành Cao Nguyên với khuôn viên trường rộng 16.426m² với hệ thống các phòng học, hệ thống phòng chức năng, trang thiết bị giảng dạy và học tập đạt tiêu chuẩn quốc gia và đội ngũ giáo viên 100% có trình độ đại học trở lên [H9.09.03.02]. Đó là điều kiện thuận lợi để khoa KHTN-CN, Khoa Sư phạm, đặc biệt là ngành Sư phạm Toán học triển khai các hoạt động đào tạo và NCKH. Bên cạnh đó, Nhà trường còn thành lập Trung tâm Kỹ năng sư phạm với diện tích sàn xây dựng

960m², được trang bị đầy đủ trang thiết bị hiện đại để phục vụ cho việc học tập và rèn nghề của SV các ngành sư phạm, trong đó có SV ngành Sư phạm Toán học [H9.09.03.04], [H9.09.03.05].

Ngoài ra, SV còn được rèn luyện thể dục thể thao trong Khu thể thao của Trường với diện tích 9.731m² [H9.09.03.03], [H9.09.03.05].

Ngoài ra, đối với các học phần KTSP, TTSP thì BM Toán, khoa Sư phạm và Nhà trường đã có sự phối hợp với các trường THPT đạt chuẩn có chất lượng cao trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột để gửi SV đi thực tập, rèn nghề [H5.05.01.06].

Tất cả các CSVC, trang thiết bị của Nhà trường được bổ sung, sửa chữa hằng năm nhằm nâng cao chất lượng dạy học [H9.09.03.01], [H7.07.02.08], [H9.09.03.05]. GV, NH cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng đối với CSVC, thiết bị của Nhà trường. Kết quả khảo sát YKPH từ NH về hệ thống phòng học và các trang thiết bị phục vụ CTĐT có 34,1% số NH được khảo sát đánh giá đồng ý với mức độ tốt, 63,2% số NH được khảo sát đánh giá hoàn toàn đồng ý với mức độ tốt, chỉ có 2,7% số NH được khảo sát thì không có ý kiến [H9.09.03.06].

2. Điểm mạnh

Cơ sở vật chất, trang thiết bị, môi trường thực hành nghề nghiệp đảm bảo đáp ứng yêu cầu đào tạo của ngành Sư phạm Toán học cả về số lượng và chất lượng. Bên cạnh đó, còn phục vụ tốt cho hoạt động NCKH và thực hiện đề tài các cấp.

3. Điểm tồn tại

Công tác duy tu, bảo dưỡng, thay thế một số thiết bị cũ, hỏng đôi lúc còn chưa được kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2021, BM Toán đề xuất xin thêm 1 phòng seminar cho SV và CB ngành Sư phạm Toán học.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 6/7.

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Nhà trường có trung tâm thông tin có chức năng tham mưu giúp Hiệu trưởng quản lý các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng CNTT của Trường ĐHTN. Việc xây dựng, triển khai, quản lý cơ sở hạ tầng CNTT và mạng máy tính, quản trị hệ thống

máy chủ, đường truyền và các thiết bị mạng; việc bảo đảm an toàn và bảo mật hệ thống thông tin, đảm bảo sự hoạt động liên tục của các trang tin điện tử và phần mềm ứng dụng, ... đều do trung tâm thông tin đảm nhiệm [H9.09.04.01], [H9.09.04.02], [H9.09.02.01], [H9.09.04.03], [H9.09.04.04].

Trường ĐHTN được trang bị cơ bản đầy đủ các thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động đào tạo và NCKH. Tính đến tháng 12/2019, Nhà trường hiện có 05 máy chủ: Một máy chủ Lenovo để lưu trữ cơ sở dữ liệu (CSDL) của Nhà trường và máy ảo server website của Nhà trường, 1 máy chủ IBM để backup CSDL và website Nhà trường, 01 máy chủ HP chạy phần mềm thư viện, 01 máy chủ HP chạy các phần mềm khác, 01 máy chủ HP chạy tường lửa, phân luồng và quản lý toàn bộ hệ thống mạng trong Nhà trường, phòng Internet, 20 phòng thực hành máy tính, phòng LAB. Hạ tầng mạng của Nhà trường được trang bị 4 đường truyền internet tốc độ cao: 03 đường truyền của Viettel, 1 đường truyền của VNPT. Ngoài ra, còn có 3 đường truyền FTTH riêng: phòng máy Khoa Kinh tế, BM Tin học, Trung tâm KHXH&NV. Về hệ thống bảo mật: Nhà trường hiện đang sử dụng 2 hệ thống tường lửa phần cứng và phần mềm để bảo vệ CSDL lưu trữ trên máy chủ. Quyền truy cập: đăng nhập theo mã SV và mã GV. Ngoài ra, Nhà trường cung cấp tài khoản email nội bộ cho CB GV, chuyên viên, NV sử dụng thống nhất trong toàn trường nhằm đảm bảo tính bảo mật cũng như tạo sự thống nhất, đồng bộ trong việc cung cấp, trao đổi thông tin liên lạc trong Trường [H9.09.02.01], [H9.09.04.01], [H9.09.04.02], [H9.09.04.03], [H9.09.04.04].

Nhà trường hiện có 20 phòng máy vi tính được trang bị đầy đủ máy tính để SV thực hành. Ngoài máy tính, Nhà trường còn trang bị một số thiết bị tin học cần thiết khác như: máy chiếu di động, máy chiếu ở các phòng học, máy in, máy photocopy, máy quét ảnh (Scan), Camera,... nhằm đáp ứng được hoạt động quản lý, đào tạo và NCKH trong Trường [H9.09.04.01], [H9.09.04.03]. Hiện nay, Nhà trường có 02 phòng máy tính với 124 máy tính tại trung tâm thông tin mở cửa từ 7g00 đến 11g30 sáng, 13g30 đến 17g00 chiều phục vụ SV học tập và tra cứu tài liệu. Sau mỗi học kỳ, trung tâm thông tin tiến hành bảo trì phòng máy để đảm bảo thiết bị hoạt động có hiệu quả [H9.09.04.04].

Năm 2018, trên cơ sở phối hợp với VNPT, công ty S-Wifi, Nhà trường đã đầu tư hệ thống mạng wifi miễn phí tại các giảng đường, ký túc xá và trung tâm Giáo dục

QPAN để SV có thể dễ dàng tra cứu tài liệu học tập [H9.09.04.04].

Thông qua kết quả các báo cáo khảo sát ý kiến CBVC, GV và NH, Nhà trường đã xây dựng CSDL theo dõi đánh giá về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT, việc sử dụng hệ thống máy tính và trang thiết bị chất lượng cao được đầu tư phục vụ cho hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Kết quả khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công cho thấy: năm 2018 có 60,16% trong 1442 người tham gia khảo sát đánh giá hài lòng về hệ thống phòng học, giảng đường và ứng dụng CNTT đáp ứng nhu cầu dạy và học của GV, SV, trong khi đó tỷ lệ hài lòng năm 2019 tăng lên 66,3% trong 1385 người tham gia khảo sát [H9.09.03.06].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH và quản lí của Nhà trường đã được tin học hóa, đã sử dụng hệ thống thông tin điện tử và các phần mềm chuyên dụng.

3. Điểm tồn tại

Các phần mềm quản lý đào tạo vẫn còn một số trục trặc kỹ thuật. Mạng Wifi vào những lúc truy cập nhiều vẫn còn chậm. Hệ thống camera chưa được lắp đặt đồng bộ và còn một số phòng chưa được lắp đặt máy chiếu.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2022 – 2023, BM Toán có các đề xuất với Khoa và Nhà trường:

- Tiếp tục nâng cấp hệ thống wifi trong nhà Trường.
- Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn về việc sử dụng các phần mềm cho CB, SV.

- Tiếp tục rà soát, bổ sung, nâng cấp và thay thế những máy tính có cấu hình thấp để đáp ứng tốt hơn nữa công tác quản lý, đào tạo, NCKH của CB, GV, SV trong Trường.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả

Thực hiện Nghị định quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường [H9.09.05.01], [H9.09.05.02] , Trường ĐHTN đã phân công chức năng, nhiệm vụ rõ ràng cho các đơn vị thuộc và trực thuộc trường trong quá trình lập kế hoạch, thực hiện các yêu cầu về môi trường, sức khỏe, sự an

toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt [H9.09.05.03], [H9.09.05.04], [H9.09.05.05], [H9.09.05.06]. Nhà trường luôn tạo điều kiện cho CB NV của các đơn vị tham gia các hội thảo, các khóa tập huấn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ.

Về công tác sức khỏe, y tế cộng đồng: Nhà trường đã thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho NH, Nhà trường đã ban hành các quyết định thành lập Ban chỉ đạo công tác y tế trường học, tổ Y tế học đường, giao nhiệm vụ tổ chức và chỉ đạo hoạt động y tế học đường của Nhà trường [H9.09.05.04]. 100% công chức, viên chức, NLD đều được Nhà trường tổ chức mua bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể trong suốt thời gian công tác và làm việc tại trường [H9.09.05.07]. Bệnh viện Trường ĐHTN hoạt động 24/24h không chỉ thực hiện khám chữa bệnh cho bệnh nhân mà còn là đơn vị chịu trách nhiệm sơ cấp cứu, điều trị ban đầu cho viên chức, NLD và SV trong suốt quá trình học tập và làm việc tại trường.

Phòng công tác SV được phân công xây dựng kế hoạch cụ thể và thông báo cho SV tham gia bảo hiểm y tế hằng năm và tiến hành tổ chức các đợt khám sức khỏe định kỳ cho SV tại Bệnh viện trường [H9.09.05.07], [H9.09.05.08]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc và hiệu quả các chính sách hỗ trợ cho SV có hoàn cảnh đặc biệt như chính sách đối với các SV nghèo, có hoàn cảnh khó khăn, SV người dân tộc thiểu số [H9.09.05.08], [H9.09.05.09].

Về môi trường sinh thái và môi trường học tập: hằng năm, phòng CSVC lập kế hoạch quản lý môi trường, vệ sinh các giảng đường, phòng học, cắt tỉa, trồng mới cây xanh trong khuôn viên Nhà trường và phân công cho từng bộ phận quản lý và ký kết hợp đồng với các nhà thầu, các cá nhân và tiến hành chăm sóc cắt tỉa cây xanh định kỳ, chăm sóc vườn hoa cây cảnh, cây xanh trong khuôn viên Nhà trường, vệ sinh giảng đường và khuôn viên Nhà trường tạo môi trường làm việc và học tập thoải mái, xanh, sạch, đẹp cho CBVC, NLD và học sinh SV trong toàn trường [H9.09.05.06].

Về công tác đảm bảo An ninh trật tự (ANTT), PCCC: khuôn viên Nhà trường có tường rào bao bọc, cách ly hoàn toàn với môi trường xung quanh. Đội bảo vệ trực tại trường 24/24h. Nhà trường đã ký kết hợp đồng và ban hành quy chế phối hợp với Công ty vệ sĩ Tuấn Ngọc với mục đích bảo vệ ANTT trong Nhà trường [H9.09.05.05]. Công tác PCCC được chú trọng cả về nhân sự lẫn CSVC, trang thiết bị. Thông qua các đợt tập huấn hằng năm, Nhà trường đã tuyên truyền giáo dục nhằm nâng cao trình độ

nhận thức của viên chức, NLĐ về công tác PCCC, cứu nạn cứu hộ [H9.09.05.02], [H9.09.05.10]. Ban PCCC phối hợp với các đơn vị kiểm tra, bảo dưỡng và bổ sung, đề xuất sửa chữa trang thiết bị PCCC trong khuôn viên Nhà trường.

Về vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm: Nhà trường có các căn tin bán hàng phục vụ học sinh SV, viên chức và NLĐ trong khuôn viên trường. Tất cả người trúng thầu các căn tin này đều có chứng nhận đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Nhà nước và cam kết thực hiện vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm được quy định cụ thể trong điều khoản hợp đồng ký kết với Nhà trường [H9.09.05.11].

Hằng năm, Nhà trường thực hiện và tổng hợp kết quả các khảo sát của CBVC, GV và NH về việc thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt. Bên cạnh đó, Nhà trường tổ chức cuộc họp “Hội nghị Đối thoại SV” hằng năm, ghi nhận những phản hồi từ phía NH về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt trong Nhà trường [H9.09.01.07], [H9.09.03.06], [H5.05.02.08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB và SV; có bệnh viện Trường ĐHTN phục vụ tốt nhu cầu y tế của CB và SV.

ANTT trong Trường luôn được đảm bảo nhờ có sự phối hợp chặt chẽ giữa Tổ bảo vệ, Tổ tự quản an ninh – trật tự ký túc xá, Đội vệ sĩ Tuấn Ngọc, Công an phường Eatam và Công an thành phố Buôn Ma Thuột.

3. Điểm tồn tại

- Chưa thực hiện phân loại rác.
- Đã có chính sách quan tâm đến người khuyết tật nhưng còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 – 2023, BM đề nghị Nhà trường:

- Tiếp tục triển khai thực hiện các chính sách liên quan đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.
- Tiến hành phân loại rác thải trong nhà Trường.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Trường ĐHTN có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp và đặc biệt là có Trường THPT Thực hành Cao Nguyên

và hệ thống “trường vệ tinh” phục vụ cho hoạt động rèn luyện NVSP của SV, hỗ trợ các hoạt động đào tạo khác và hoạt động NCKH.

Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho các ngành; tuy nhiên, đối với ngành Sư phạm Toán học, tài liệu có thời điểm chưa được cập nhật kịp thời. Hệ thống CNTT đã và đang phát huy hiệu quả để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn đều đạt yêu cầu.

Các chính sách và quy định về bảo vệ môi trường, sức khỏe, an toàn được thực hiện tốt, đảm bảo cho CB, GV và SV làm việc, học tập, nghiên cứu.

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 9: Mức đạt được của Tiêu chuẩn 5,2/7.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Tầm nhìn của Trường ĐHTN được xác định đến năm 2035 sẽ là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế. Do vậy, Nhà trường và BM Toán rất chú trọng việc nâng cao chất lượng ở các ngành đào tạo. Công tác nâng cao chất lượng được thực hiện chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ (GV, NH, cựu SV, ĐVSDLD) để thiết kế và phát triển CTDH đến việc BDCL trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các BLQ.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

1. Mô tả

Ngành Sư phạm Toán học trường ĐHTN được chính thức tuyển sinh đào tạo từ năm 1977 đến năm 1982. Sau 16 năm sát nhập với trường Đại học Đà Lạt, đến năm 1996, chúng ta tiếp tục tuyển sinh lại cho đến ngày nay [H10.10.01.01]. Theo Quy định của Bộ GDĐT và của trường ĐHTN, CTDH ngành Sư phạm Toán học đã thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật để đáp ứng nhu cầu xã hội. Cụ thể, trong giai đoạn 2014 đến 2020, CTDH ngành Sư phạm Toán học đã được điều chỉnh vào năm 2014, năm 2017 và gần đây nhất là năm 2020 [H2.02.02.02], [H1.01.01.01]. Quá trình điều

chỉnh CTDH đều dựa trên các văn bản quy định, hướng dẫn của Bộ GDĐT và của Nhà trường về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà NH phải đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của GDĐH [H3.03.03.03]. Trong quá trình xây dựng và phát triển CTDH, Nhà trường và BM Toán đều có hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ bao gồm nhà sử dụng lao động, GV, CB quản lý, cựu SV và SV đang học tập tại trường. Hệ thống này được BM sử dụng trong quá trình thiết kế và điều chỉnh CTDH trình độ đại học ngành Sư phạm Toán học. Nhiệm vụ xây dựng Quy trình khảo sát, lấy YKPH của NH và các BLQ được giao cho phòng ĐTDH, phòng QLCL và một số phòng ban liên quan của trường [H7.07.03.04]. Dựa trên “Quy trình khảo sát lấy YKPH của NH, người dạy, CB, viên chức và các BLQ”, đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, xử lý thông tin và Báo cáo cho Nhà trường theo từng năm [H10.10.01.02]. Việc thu thập YKPH từ các BLQ của Nhà trường và BM diễn ra một cách hiệu quả, đảm bảo thu thập đầy đủ các dữ liệu, có tính khoa học và độ tin cậy, làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH. YKPH được thu thập từ NTD, GV, cựu SV và SV, được triển khai thực hiện một cách hệ thống với nhiều hình thức khác nhau như: khảo sát trực tuyến, gửi phiếu khảo sát; phỏng vấn trực tiếp hoặc gián tiếp qua điện thoại,... theo quy định của Nhà trường [H10.10.01.02]. Cụ thể: Đối với SV đang học, hàng năm Nhà trường tiến hành khảo sát YKPH của tất cả SV về hoạt động giảng dạy HP của GV và của SV năm cuối về CTDH, CLĐT bằng phiếu khảo sát [H10.10.01.02]. Đối với cựu SV, BM Toán thu thập YKPH thông qua gửi phiếu điều tra qua địa chỉ mail và địa chỉ facebook, zalo của CB. Hiện tại, BM đã xây dựng được mạng lưới liên kết cựu SV bằng các công cụ mạng xã hội. Qua đợt điều tra năm 2020 của ngành đã thu được những phản hồi và đánh giá tích cực về CTDH [H10.10.01.02]. Đó cũng là cơ sở để BM định hướng cho việc điều chỉnh, cập nhật CTDH cho những năm tiếp theo.

Trong quá trình xây dựng và điều chỉnh CTDH, BM còn dựa trên ý kiến của các GV trong các BM khác tham gia giảng dạy các HP cho SV ngành Sư phạm Toán học [H10.10.01.02]. Trên cơ sở các YKPH của SV được Nhà trường tổng hợp và gửi tới các Khoa, kết hợp với các ý kiến trao đổi, góp ý và nhu cầu của các BLQ (Bao gồm điều tra bằng phiếu khảo sát và điều tra qua mạng internet) [H1.01.01.08], BM tiến hành điều chỉnh CTDH, các lần điều chỉnh đều được tiến hành tuần tự qua cấp BM, Khoa và HĐT để xem xét tính phù hợp trong nội dung, số lượng HP, tỉ lệ lý

thuyết/thực hành [H1.01.01.04], [H1.01.01.05]. Bên cạnh đó, ở mỗi lần cập nhật CTDH, BM cũng tham khảo, đối sánh các chương trình Sư phạm Toán học của các trường đại học sư phạm lớn trong nước như trường đại học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, trường đại học Thái Nguyên, trường Đại học sư phạm Hà Nội [H1.01.01.02]. Chính vì vậy, việc điều chỉnh và ban hành CTDH ngành Sư phạm Toán học của BM ngày càng đáp ứng tốt nhu cầu xã hội.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các BLQ với hình thức đa dạng, phân công nhiệm vụ rõ ràng.

Khoa và BM duy trì kênh liên lạc thường xuyên với các nhà tuyển dụng, cơ sở thực tập và mạng lưới cựu SV. Việc thu thập thông tin phản hồi của các BLQ được thực hiện thường xuyên. Thông tin phản hồi được phân loại, xử lý, phân tích với tính khoa học, độ tin cậy cao.

Chương trình dạy học ngành Sư phạm Toán học được thiết kế, xây dựng, điều chỉnh và phát triển dựa trên thông tin phản hồi của các BLQ và tham khảo các CTDH của các trường đại học sư phạm lớn trong nước.

3. Điểm tồn tại

Số lượng NTD tham gia đánh giá CTDH ngành Sư phạm Toán học chưa nhiều, phạm vi khảo sát mới chỉ giới hạn ở số ít các trường trong địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Thiếu các văn bản kí kết với đơn vị tuyển dụng hoặc có tiềm năng tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 - 2023,

- Nhà trường tiếp tục duy trì và mở rộng việc lấy thông tin phản hồi của các BLQ để phát triển CTDH. Tăng cường số lượng ĐVSĐLĐ tham gia vào việc khảo sát.
- Nhà trường, Khoa KHTN-CN tăng cường hợp tác, ký kết biên bản ghi nhớ với các ĐVSĐLĐ.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Tính từ năm 2014, CTDH ngành Sư phạm Toán học đã được Nhà trường, Khoa, BM điều chỉnh, cập nhật 03 lần vào các năm 2014, 2017 và 2020 [H1.01.01.01].

Trong mỗi lần điều chỉnh, Khoa, BM đã thực hiện trình tự các bước theo quy định của Bộ GDĐT và hướng dẫn của Nhà trường [H3.03.03.03], [H2.02.02.02]. Để thực hiện rà soát, đánh giá việc thiết kế và phát triển CTDH, trước tiên, BM tiến hành khảo sát YKPH của ĐVSĐLĐ, GV, cựu SV và SV đối với CTDH hiện hành [H1.01.01.08], đồng thời khảo sát và tham khảo CTDH của các trường đại học sư phạm lớn trong nước [H1.01.01.02]. Sau đó, căn cứ vào Quy trình cập nhật CTDH do Nhà trường ban hành [H10.10.02.01], BM thực hiện cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH bằng việc đề xuất và trình bản dự thảo CTDH lên Khoa để thảo luận và thống nhất [H1.01.01.04]. Tiếp theo, Khoa trình lên Hội đồng khoa học và đào tạo của Trường để thẩm định [H1.01.01.05]. Sau khi thẩm định, BM tiếp thu ý kiến góp ý của Hội đồng khoa học và đào tạo của Trường và chỉnh sửa theo kết luận trong biên bản để Nhà trường chính thức ban hành CTDH sau khi điều chỉnh [H1.01.01.01]. Cụ thể, trình tự rà soát, đánh giá việc thiết kế và phát triển CTDH được mô tả trong bảng sau.

Bước	Nội dung
1	Khảo sát và xác định nhu cầu nguồn nhân lực theo trình độ và CTĐT; Khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động đối với SV tốt nghiệp của CTĐT kết hợp với khối lượng yêu cầu kiến thức tối thiểu và yêu cầu trình độ của NH sau khi tốt nghiệp.
2	Thiết lập mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và CĐR của CTĐT.
3	Xác định cấu trúc và khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT, xây dựng CTĐT để đảm bảo mục tiêu và CĐR dự kiến.
4	Tham khảo, so sánh với CTĐT cùng cấp, cùng chương trình của các tổ chức khác trong nước và nước ngoài để hoàn thành CTĐT.
5	Thiết kế đề cương môn học cho mỗi khóa học theo CTĐT.
6	Tổ chức hội thảo để thu thập ý kiến từ GV, CB quản lý trong và ngoài cơ sở đào tạo, người sử dụng lao động và SV tốt nghiệp (nếu có) về CTĐT.

7	Hoàn thiện dự thảo CTĐT trên cơ sở nhận phản hồi của các BLQ và trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo của cơ sở đào tạo xem xét tiến trình thẩm định và triển khai.
8	Đánh giá và cập nhật thường xuyên nội dung chương trình giảng dạy và PPGD dựa trên những tiến bộ mới trong lĩnh vực chuyên môn và yêu cầu của NTD.

Quy trình thiết kế và phát triển CTDH được Nhà trường triển khai từ các văn bản của Bộ GDĐT. Từ năm 2010 đến 2018 triển khai thực hiện CV 2196, Nhà trường đã ra các văn bản, mẫu tương ứng cho việc phát triển CTDH [H10.10.02.02]. Tuy nhiên, đến năm 2018, theo sự phát triển và yêu cầu của việc thiết kế và phát triển CTDH, Nhà trường mà bộ phận chuyên trách là phòng ĐTDH đã tham mưu cho Nhà trường rà soát, đánh giá quy trình hiện hành và đề xuất xây dựng Quy trình thiết kế và phát triển CTDH mới dựa trên thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ký ngày 16/04/2015 [H3.03.03.03]. Đến năm 2020, Nhà trường tiếp tục rà soát, đánh giá và xây dựng Quy trình thiết kế và phát triển CTDH năm 2020 như thông báo 634/TB-ĐHTN-ĐTDH, ngày 16 tháng 3 năm 2020 kèm hướng dẫn và các mẫu thực hiện [H10.10.02.01].

Qua những lần thay đổi, cập nhật Quy trình thiết kế và phát triển CTDH đã có nhiều cải tiến. Sau mỗi lần cải tiến, quy trình rõ ràng, chi tiết hơn, giúp BM thực hiện quy trình chặt chẽ, có sự tham gia của các BLQ trên mỗi bước của quy trình nhằm đạt được mục tiêu đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Cụ thể: Căn cứ CV 758/ĐHTN-ĐTDH, ngày 17 tháng 4 năm 2018 và 1007/ĐHTN-ĐTDH, ngày 25 tháng 5 năm 2018, quy trình sửa đổi, cập nhật và đánh giá CTĐT gồm 6 bước [H10.10.02.03]. Đến năm 2020, Nhà trường có thông báo 634/TB-ĐHTN-ĐTDH, ngày 16 tháng 3 năm 2020 thì quy trình cập nhật, chỉnh sửa CTĐT gồm 7 bước, bổ sung thêm bước thông qua hội đồng khoa học cấp khoa [H10.10.02.01]. Bên cạnh đó, nội hàm của từng bước thực hiện cũng được rà soát, đánh giá và cập nhật, thay đổi. Trong quá trình thiết kế và phát triển CTDH, BM Toán luôn tuân thủ theo quy định của Bộ và quy trình do nhà trường ban hành. Các lần bổ sung, cập nhật sau đều có sự tham khảo, cải tiến và trong các bước thực hiện đều có sự tham gia của các BLQ nhằm đảm bảo Quy trình được thực hiện một cách đầy đủ và đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành trên thực tế.

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, đánh giá và cải tiến khá thường xuyên với quy trình thống nhất trong toàn trường.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường triển khai khảo sát YKPH của các BLQ về quy trình thiết kế và phát triển CTDH, tuy nhiên số lượng và đối tượng tham gia khảo sát còn hạn chế.

Mặc dù CTDH ngành Sư phạm Toán học năm 2020 đã được cải tiến và khắc phục những hạn chế của CTDH năm 2014, 2017. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh Covid vào năm 2020 diễn biến phức tạp, SV không thể tham gia học trực tiếp trong một thời gian dài. Do đó CTDH vẫn có những điểm không phù hợp với tình hình học tập trực tuyến, cần được khắc phục và thay đổi.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022 – 2023, BM

- Đề xuất Nhà trường tiếp tục mở rộng quy mô và đối tượng các BLQ tham gia khảo sát về quy trình thiết kế và phát triển CTDH ngành Sư phạm Toán học;

- Bộ môn cùng Khoa và Nhà trường tiếp tục cải tiến, phát triển CTDH ngành Sư phạm Toán học cho phù hợp với tình hình thực tế.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Kiểm tra, đánh giá KQHT của SV là một khâu rất quan trọng không thể thiếu trong quá trình đào tạo tại Trường ĐHTN nói chung và đào tạo ngành Sư phạm Toán học nói riêng. Nó là khâu cuối cùng, không chỉ có ý nghĩa đánh giá độ tin cậy KQHT của quá trình dạy và học mà còn có tác dụng điều tiết trở lại hết sức mạnh mẽ đối với quá trình đào tạo. Kết quả kiểm tra, đánh giá không chỉ phản ánh năng lực học của SV mà còn phản ánh một phần phương pháp dạy học của GV, bởi vì kiểm tra, đánh giá gắn liền và quan hệ trực tiếp với việc đổi mới phương pháp dạy học của GV và đổi mới phương pháp học tập của SV.

Việc KTĐG KQHT của SV được Nhà trường quy định rõ trong “Quy định tổ chức thi kết thúc học phần ĐTDH, cao đẳng hệ chính quy theo học chế TC”, trong

“Quy định ĐTDH, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống TC” của Trường ĐHTN và trong CTĐT [H10.10.03.01], [H1.01.01.01].

Việc tổ chức đánh giá đối với GV được thực hiện thông qua nhiều hình thức, trong đó khâu kiểm tra ĐCCT học phần để đảm bảo sự tương thích giữa CDR của mỗi HP với CTĐT được BM thực hiện qua mỗi đợt cập nhật CTĐT [H1.01.01.01], [H10.10.03.02], đồng thời căn cứ vào kế hoạch đào tạo năm học, Khoa và BM phối hợp triển khai dự giờ trên lớp khi GV có giờ dạy [H10.10.03.03]. Để BDCL giảng dạy của GV khi lên lớp, các GV khi được nhận giảng dạy HP mới, phải tiến hành soạn bài giảng, báo cáo trước BM và Khoa mục tiêu, CDR, sự tương thích giữa mục tiêu và CDR, kế hoạch dạy học của HP... Đồng thời được tiến hành đánh giá, góp ý một tiết giảng cụ thể ở cấp BM và Khoa trước khi được Khoa đề xuất phòng TCCB ra quyết định giảng dạy HP mới [H10.10.03.03]. Nhà trường cũng tổ chức cho SV đánh giá giờ dạy của GV nhằm nắm bắt sự hứng thú, vấn đề quan tâm, PPGD, khả năng truyền đạt của GV trong mỗi tiết học [H10.10.03.04], qua đó kịp thời rút kinh nghiệm, điều chỉnh những thiếu sót về chuyên môn và cải tiến PPGD cho GV.

Việc rà soát, đánh giá KQHT của SV được thực hiện thường xuyên, mỗi học kỳ. Về tổ chức đánh giá KQHT và rèn luyện của SV, Nhà trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để đánh giá KQHT của SV ở các HP. Kỳ thi chính được chia 02 đợt, đợt 01 là thi giữa kỳ, thời gian khoảng 1 tuần (mỗi lớp thi không quá 03 HP); đợt 2 là thi cuối kỳ, thời gian là 3 tuần (thi các HP còn lại). Kỳ thi phụ dành cho NH không tham dự kỳ thi chính hoặc có HP bị điểm F và NH đạt điểm D nhưng có nguyện vọng đăng ký thi cải thiện. Kỳ thi phụ thường được tổ chức vào tuần đầu tiên sau kỳ nghỉ hè và nghỉ tết Âm lịch [H5.05.01.02]. Các hình thức KTĐG cho mỗi HP được đa dạng hoá theo yêu cầu và sự chủ động của GV và đáp ứng mục tiêu, CDR học phần, bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm. ĐCCT của các HP thể hiện rõ phương pháp KTĐG cũng như hình thức, thời gian và trọng số của từng nội dung sử dụng để đánh giá [H1.01.01.01].

Mặt khác, kết thúc mỗi học kỳ, Nhà trường thành lập Hội đồng xét dừng học và cảnh báo KQHT. Những SV bị cảnh báo 3 lần liên tiếp sẽ bị buộc thôi học. Đối với những SV bị cảnh báo dưới 3 lần Nhà trường, Khoa và CVHT sẽ có những biện pháp điều chỉnh, hỗ trợ kịp thời để giúp SV tiến bộ [H10.10.03.05], [H3.03.02.03].

Bên cạnh việc đánh giá KQHT, việc đánh giá kết quả rèn luyện của NH cũng được khoa và nhà trường thực hiện thường xuyên. Kết thúc mỗi học kỳ, SV tự đánh giá kết quả rèn luyện của bản thân dựa trên các tiêu chí đã được công bố, được CVHT xác nhận. Tiếp theo, Khoa tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện của từng SV, sau đó trình Hội đồng xét kết quả rèn luyện của Trường để thông qua. Kết quả phân loại rèn luyện theo học kỳ là một trong những tiêu chuẩn bắt buộc để xét thi đua khen thưởng, kỷ luật, xét thôi học, ngừng học, xét lưu trú ký túc xá, xét miễn giảm chi phí, dịch vụ và sinh hoạt trong ký túc xá và các ưu tiên khác tùy theo quy định của Nhà trường. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học của SV được sử dụng làm căn cứ để xét thi tốt nghiệp, làm khóa luận hoặc chuyên đề tốt nghiệp [H10.10.03.06]. Kết quả đánh giá, xếp loại điểm rèn luyện của SV được công bố công khai cho các SV.

Ngoài ra, năm học 2020 – 2021, Khoa tổ chức hội thảo nâng cao và đổi mới PPGD. Thông qua hội thảo, mỗi GV có thể nhìn nhận lại cách thức tổ chức lớp học, đánh giá SV của mình và từ đó có biện pháp tự điều chỉnh [H8.08.03.04].

2. Điểm mạnh

Quy trình KTĐG được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo TC và quy định chung của Trường, góp phần quan trọng vào việc nâng cao CLĐT trên cơ sở đánh giá được thực chất chất lượng dạy và học đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả GV và NH.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy YKPH của các BLQ về quá trình dạy - học và đánh giá KQHT của NH chưa được đồng bộ, mới chỉ dựa vào ý kiến đánh giá của SV là chủ yếu, chưa có nhiều YKPH từ các ĐVSĐLĐ, các chuyên gia giáo dục, các CB quản lý.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022 - 2023, BM Toán, Khoa và Nhà trường tăng cường việc lấy ý kiến của ĐVSĐLĐ, các chuyên gia giáo dục và các BLQ về công tác dạy học, đánh giá KQHT của NH phù hợp với CĐR của CTĐT.

5. Tự đánh giá: Mức đạt của tiêu chí 4/7.

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả

Trường ĐHTN nói chung, Khoa KHTN-CN nói riêng luôn nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động NCKH, Nhà trường và Khoa KHTN-CN luôn coi công tác NCKH là một nhiệm vụ quan trọng cùng với quá trình đổi mới nội dung và phương pháp dạy học. Theo quy định của Nhà trường, NCKH là nhiệm vụ bắt buộc đối với tất cả các viên chức giảng dạy [H10.10.04.01]. Các đề tài NCKH có liên quan đến việc dạy và học phong phú và đa dạng được triển khai thực hiện dưới nhiều hình thức như: Chủ trì, tham gia đề tài NCKH các cấp, viết bài đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, viết sách tham khảo, hướng dẫn SV NCKH [H6.06.04.17], [H6.06.01.08]. Trong quá trình học tập tại trường, SV ngành Sư phạm Toán học đã được làm quen và thực hiện các đề tài NCKH với sự hướng dẫn của các GV trong BM, các đề tài phong phú và đa dạng về chuyên môn thuộc lĩnh vực Sư phạm Toán học [H6.06.04.17]. Đồng thời, trong CTĐT ngành Sư phạm Toán học, SV năm thứ 4 phải thực hiện các chuyên đề và khóa luận tốt nghiệp. Dựa trên KQHT, nhu cầu của SV, BM làm đề xuất để Khoa và Nhà trường ra quyết định thực hiện và bảo vệ chuyên đề, khóa luận cho SV [H10.10.04.03]. Đây là nội dung để SV làm NCKH thực sự, không những giúp các em hoàn thành chương trình học tập mà còn tạo tiền đề cho để sau khi ra trường SV có đủ năng lực làm việc hoặc học lên những bậc cao hơn.

Các kết quả NCKH của GV và SV ngành Sư phạm Toán học được áp dụng, chuyển tải thành nội dung trong các chuyên đề, HP giảng dạy [H10.10.04.04]. Trong đó, nhằm nâng cao tinh thần NCKH của các GV trong khoa, Khoa KHTN-CN giao cho BM Toán tổ chức các hội thảo chuyên ngành với sự tham gia của các GV trong trường ĐHTN và một số nhà khoa học có uy tín từ các Trường ĐH, Viện nghiên cứu có uy tín trong cả nước, tất cả các hội thảo khoa học đều có sự tham dự của học viên cao học ngành Toán Giải tích và SV ngành Sư phạm Toán học [H10.10.04.05]. Đồng thời, các kết quả NCKH của GV được chuyển tải trong các giáo trình, sách chuyên khảo nhằm phục vụ cho việc cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của NH [H10.10.04.04], [H10.10.04.05], [H6.06.01.08].

Các CB, GV khoa KHTN-CN rất tích cực viết và đăng các kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học Quốc tế có uy tín, trong đó GV thuộc BM Toán có nhiều công bố quốc tế [H6.06.01.08].

2. Điểm mạnh

Khoa đã xây dựng được phong trào NCKH trong toàn thể GV và SV. Đa số GV có nhận thức đúng đắn về nhiệm vụ NCKH và nắm vững các phương pháp NCKH, tạo điều kiện thuận lợi cho Khoa trong tổ chức và triển khai hoạt động NCKH.

Hầu hết các đề tài NCKH đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và PVCD.

Các CB, GV của khoa, trong đó có ngành Sư phạm Toán học có thể mạnh về công bố quốc tế.

3. Điểm tồn tại

Các đề tài NCKH của Khoa KHTN-CN chủ yếu là đề tài cấp Trường với nguồn kinh phí hạn chế. Số đề tài có kinh phí lớn (Cấp nhà nước, Cấp bộ, Cấp tỉnh) còn ít, do đó đã hạn chế việc mở rộng quy mô NCKH của các CB, GV trong khoa.

Các đề tài nghiên cứu liên quan trực tiếp đến việc giảng dạy và cải tiến CTDH ngành Sư phạm Toán học còn ít.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 - 2022, Khoa tiếp tục kế hoạch thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh, tập trung các nguồn lực, tìm kiếm các nguồn tài trợ từ Quỹ KH&CN Quốc gia - Nafosted, các doanh nghiệp; tăng cường liên kết với các CSGD, viện nghiên cứu, doanh nghiệp đối tác... để có thể thực hiện các đề tài nghiên cứu nhằm cải tiến việc dạy và học với quy mô lớn, nâng cao chất lượng đề tài.

Tăng cường các đề tài NCKH nhằm nâng cao chất lượng, cải tiến CTDH ngành Sư phạm Toán học.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Trường ĐHTN nói chung, Khoa KHTN-CN nói riêng luôn nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động NCKH, Nhà trường và Khoa KHTN-CN luôn coi công tác NCKH là một nhiệm vụ quan trọng cùng với quá trình đổi mới nội dung và phương pháp dạy học. Theo quy định của Nhà trường, NCKH là nhiệm vụ bắt buộc đối với tất cả các viên chức giảng dạy [H10.10.04.01]. Các đề tài NCKH có liên quan đến việc

dạy và học phong phú và đa dạng được triển khai thực hiện dưới nhiều hình thức như: Chủ trì, tham gia đề tài NCKH các cấp, viết bài đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, viết sách tham khảo, hướng dẫn SV NCKH [H6.06.04.17], [H6.06.01.08]. Trong quá trình học tập tại trường, SV ngành Sư phạm Toán học đã được làm quen và thực hiện các đề tài NCKH với sự hướng dẫn của các GV trong BM, các đề tài phong phú và đa dạng về chuyên môn thuộc lĩnh vực Sư phạm Toán học [H6.06.04.17]. Đồng thời, trong CTĐT ngành Sư phạm Toán học, SV năm thứ 4 phải thực hiện các chuyên đề và khóa luận tốt nghiệp. Dựa trên KQHT, nhu cầu của SV, BM làm đề xuất đề Khoa và Nhà trường ra quyết định thực hiện và bảo vệ chuyên đề, khóa luận cho SV [H10.10.04.03]. Đây là nội dung để SV làm NCKH thực sự, không những giúp các em hoàn thành chương trình học tập mà còn tạo tiền đề cho đề sau khi ra trường SV có đủ năng lực làm việc hoặc học lên những bậc cao hơn.

Các kết quả NCKH của GV và SV ngành Sư phạm Toán học được áp dụng, chuyển tải thành nội dung trong các chuyên đề, HP giảng dạy [H10.10.04.04]. Trong đó, nhằm nâng cao tinh thần NCKH của các GV trong khoa, Khoa KHTN-CN giao cho BM Toán tổ chức các hội thảo chuyên ngành với sự tham gia của các GV trong trường ĐHTN và một số nhà khoa học có uy tín từ các Trường ĐH, Viện nghiên cứu có uy tín trong cả nước, tất cả các hội thảo khoa học đều có sự tham dự của học viên cao học ngành Toán Giải tích và SV ngành Sư phạm Toán học [H10.10.04.05]. Đồng thời, các kết quả NCKH của GV được chuyển tải trong các giáo trình, sách chuyên khảo nhằm phục vụ cho việc cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của NH [H10.10.04.04], [H10.10.04.05], [H6.06.01.08].

Các CB, GV khoa KHTN-CN rất tích cực viết và đăng các kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học Quốc tế có uy tín, trong đó GV thuộc BM Toán có nhiều công bố quốc tế [H6.06.01.08].

2. Điểm mạnh

Khoa đã xây dựng được phong trào NCKH trong toàn thể GV và SV. Đa số GV có nhận thức đúng đắn về nhiệm vụ NCKH và nắm vững các phương pháp NCKH, tạo điều kiện thuận lợi cho Khoa trong tổ chức và triển khai hoạt động NCKH.

Hầu hết các đề tài NCKH đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và PVCD.

Các CB, GV của khoa, trong đó có ngành Sư phạm Toán học có thể mạnh về công bố quốc tế.

3. Điểm tồn tại

Các đề tài NCKH của Khoa KHTN-CN chủ yếu là đề tài cấp Trường với nguồn kinh phí hạn chế. Số đề tài có kinh phí lớn (Cấp nhà nước, Cấp bộ, Cấp tỉnh) còn ít, do đó đã hạn chế việc mở rộng quy mô NCKH của các CB, GV trong khoa.

Các đề tài nghiên cứu liên quan trực tiếp đến việc giảng dạy và cải tiến CTDH ngành Sư phạm Toán học còn ít.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 - 2022, Khoa tiếp tục kế hoạch thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh, tập trung các nguồn lực, tìm kiếm các nguồn tài trợ từ Quỹ KH&CN Quốc gia - Nafosted, các doanh nghiệp; tăng cường liên kết với các CSGD, viện nghiên cứu, doanh nghiệp đối tác... để có thể thực hiện các đề tài nghiên cứu nhằm cải tiến việc dạy và học với quy mô lớn, nâng cao chất lượng đề tài.

Tăng cường các đề tài NCKH nhằm nâng cao chất lượng, cải tiến CTDH ngành Sư phạm Toán học.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác BDCL đối với sự phát triển của Nhà trường, từ năm 2013 Nhà trường đã thành lập Phòng KT&BDCL trên cơ sở tách bộ phận Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục ra từ Phòng ĐTĐH và Sau đại học. Phòng KT&BDCL có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong công tác KT&BDCL giáo dục của Nhà trường. Hiện nay, Phòng là đầu mối xây dựng các quy định về việc lấy YKPH của các BLQ về CTĐT, CĐR; chất lượng hoạt động giảng dạy của GV; hoạt động phục vụ và hỗ trợ đào tạo của đội ngũ NV; tình hình việc làm của SV tốt nghiệp [H10.10.05.01].

Cơ chế phản hồi của các BLQ cũng được Nhà trường cụ thể hóa trong văn bản “*Quy định lấy YKPH của các BLQ tại Trường ĐHTN*” nhằm đảm bảo việc thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi được thực hiện đúng trình tự, khoa học; phương pháp đa dạng; công cụ khảo sát có độ tin cậy cao, nội dung được cập nhật; có

thể đối sánh được ý kiến của các BLQ trong nhiều năm. Văn bản này quy định mục đích, yêu cầu, quy trình tổ chức thực hiện và trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong công tác lấy YKPH của các BLQ tại Trường ĐHTN về *chất lượng hoạt động giảng dạy; CTĐT, CDR; tình hình việc làm; các hoạt động dịch vụ hỗ trợ đào tạo* một cách rõ ràng, cụ thể và công khai minh bạch [H10.10.01.02].

Đồng thời, Nhà trường còn tiếp nhận YKPH của SV thông qua các buổi sinh hoạt lớp hàng tháng, các buổi đối thoại giữa SV với lãnh đạo Trường, Trưởng các phòng ban chức năng, Ban chủ nhiệm khoa [H5.05.02.08].

Trong các giai đoạn điều chỉnh, cập nhật CTĐT trình độ đại học ngành Sư phạm Toán học, kết quả phản hồi của các BLQ được sử dụng làm căn cứ điều chỉnh khối lượng kiến thức các HP trong chương trình, điều chỉnh CDR... Trong các lần điều chỉnh, hệ thống bảng hỏi cũng có sự điều chỉnh phù hợp nhằm thu thập được các thông tin chuẩn xác nhất. Ngoài ra, Trường, Khoa còn tiến hành thu thập YKPH của các BLQ đối với hoạt động giảng dạy của GV và thông qua nhiều hoạt động khác nhau như: Hội thảo, các đợt thực tập tốt nghiệp [H10.10.03.04], [H1.01.01.01].

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các BLQ được Nhà trường quy định bằng văn bản, có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến thường xuyên.

Việc lấy YKPH của các BLQ được thực hiện theo định kỳ, đặc biệt là hoạt động giảng dạy của GV về CTĐT, về thái độ làm việc của các phòng ban chức năng trong trường.

3. Điểm tồn tại

Ý thức của SV trong việc tham gia các khảo sát của Nhà trường chưa cao;

Chưa có sự đánh giá đầy đủ của các BLQ như nhà tuyển dụng, cựu SV về CSVC phục vụ cho việc đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2022 - 2023,

- Nhà trường xem xét thực hiện việc điều chỉnh nội dung phiếu hỏi đảm bảo tính ngắn gọn, dễ hiểu và thu hút SV hơn.

- Khoa, BM tăng cường thu thập YKPH từ nhà sử dụng lao động, cựu SV để thu thập các YKPH được đầy đủ hơn.

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Nhà trường và Khoa KHTN-CN đã thực hiện thường xuyên và định kỳ nhiều công việc nhằm đảm bảo và nâng cao CLĐT. Cụ thể, việc thiết kế CTĐT được tuân thủ theo đúng quy trình: (1) xây dựng chương trình trên cơ sở so sánh/đối chiếu với CTĐT ngành Sư phạm Toán học của các trường đại học uy tín; (2) lấy thông tin phản hồi từ NTD, GV, cựu SV và SV làm cơ sở để điều chỉnh chương trình; (3) định kỳ tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT cập nhật theo hướng hiện đại, phù hợp nhu cầu thực tiễn; (4) ứng dụng các kết quả NCKH của các CB trong Khoa vào nội dung của các HP trong CTĐT.

Quy trình và phương pháp kiểm tra, đánh giá cũng được đa dạng hóa, đảm bảo tính liên tục, sự nghiêm túc, khách quan theo đúng quy chế đào tạo của Bộ GDĐT và những quy định của Trường; công tác coi thi, chấm thi ở tất cả các kỳ thi, kiểm tra đều được thực hiện nghiêm túc; các hình thức thi, kiểm tra đã đánh giá được kiến thức và kỹ năng của NH ở từng HP theo CDR.

Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, nhìn chung, đã đáp ứng được nhu cầu của NH, đảm bảo cho việc học tập của SV đạt chất lượng tốt. Cơ chế phản hồi của các BLQ được sử dụng để đánh giá, cải tiến các dịch vụ hỗ trợ giảng dạy và học tập.

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 10: Mức đạt được của Tiêu chuẩn 4,3/7.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu

Kết quả đầu ra là thước đo phản ánh CLĐT của Nhà trường. Do vậy Trường DHTN và Khoa KHTN-CN, BM Toán luôn coi trọng công tác đánh giá chất lượng, giám sát kết quả đầu ra, tổ chức thống kê tỉ lệ SV tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học và số lượng SV có việc làm để làm cơ sở cho việc cải tiến CLĐT, nâng cao sự hài lòng của NH và các BLQ.

Các hoạt động NCKH cho SV được tổ chức có hệ thống, đảm bảo phù hợp với CDR của CTĐT ngành Sư phạm Toán học. Nhà trường và Khoa đã xây dựng hệ thống quản lý thông tin quá trình đào tạo, phân tích, thống kê và đo lường sự hài lòng của SV, GV và các BLQ làm cơ sở đảm bảo và nâng cao chất lượng hoạt động của Nhà trường.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để

cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Để quản lý, xác lập và giám sát CSDL học tập của NH Nhà trường đã ban hành chức năng, nhiệm vụ chủ yếu của các đơn vị thuộc trường ĐHTN trong đó Phòng ĐTDH là đơn vị chức năng được giao nhiệm vụ quản lý công tác này [H10.10.05.01]. Bên cạnh đó việc ban hành Quy chế học vụ ĐTDH, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống TC, trong đó có quy trình xét thôi học, dừng học và về việc cảnh báo, dừng học, thôi học của SV trường ĐHTN cũng góp phần giám sát tỉ lệ thôi học của SV [H11.11.01.01]. Phần mềm QLĐT theo hệ thống TC được Nhà trường sử dụng từ năm học 2009-2010 đối với hệ ĐTDH và từ năm học 2015-2016 đối với hệ đào tạo sau đại học. Trong đó, có hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, tỷ lệ học lại, của tất cả các CTĐT, tỷ lệ học lại, thi lại các môn học/HP. Phần mềm QLĐT giúp Nhà trường quản lý tốt hồ sơ, thông tin của từng NH, kế hoạch đào tạo, thời khoá biểu và tiến độ giảng dạy, KQHT, rèn luyện, tổ chức các kỳ thi và xuất dữ liệu các báo cáo tổng hợp [H5.05.05.02], [H5.05.03.04]. Kết thúc mỗi kỳ học, Nhà trường tiến hành xét KQHT theo quy chế đào tạo TC để đánh giá KQHT của SV [H5.05.03.04], [H5.05.03.05], sau đó lập danh sách SV bị cảnh báo về kết quả học gửi về các khoa, BM và lớp [H11.11.01.02]. Hằng năm, tỉ lệ tốt nghiệp của SV cũng được xác lập thông qua quyết định công nhận và cấp bằng cho SV [H11.11.01.05].

Từ các kết quả này, Nhà trường chỉ đạo các Khoa phối hợp với Phòng ĐTDH, BM và CVHT tìm hiểu nguyên nhân thôi học và chậm tốt nghiệp của SV ngành Sư phạm Toán học [H11.11.01.03] và đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng giảng dạy CLĐT nhằm tăng tỷ lệ tốt nghiệp, giảm tỷ lệ thôi học cho tất cả các CTĐT; giảm tỷ lệ học lại, thi lại môn học/HP, thông qua các cuộc họp giữa Lãnh đạo trường với Lãnh đạo các khoa, Nhà trường đã đưa ra các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp như: Đôn đốc NH rà soát lại các HP chưa học để tránh học sót môn thông qua đội ngũ CVHT; rà soát đánh giá từng NH trong việc học tập và thi lại, tư vấn định hướng cách thức học tập của NH [H11.11.01.05], [H11.11.01.06], [H11.11.01.08], thi cải thiện điểm D [H11.11.01.07].

Các SV bị buộc thôi HP lớn là do các em định hướng nghề nghiệp ban đầu không tốt nên thấy chán nản trong quá trình học, hoặc do gia đình có định hướng khác cho SV. Một số trường hợp nghỉ học vì lý do cá nhân [H11.11.01.03]. Nhìn chung tỉ lệ

SV bị buộc thôi học thấp nhờ có sự hỗ trợ từ CVHT, BM, Khoa và Nhà trường thông qua việc thường xuyên giám sát chặt chẽ tình hình học tập của SV và có những giải pháp cụ thể để hỗ trợ SV hoàn thành chương trình học như: gặp gỡ, trao đổi trực tiếp hoặc tư vấn cho NH khi gặp khó khăn, duy trì chế độ sinh hoạt lớp định kỳ hàng tháng [H11.11.01.06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ứng dụng CNTT trong quản lý và giám sát KQHT của SV, thường xuyên thống kê và cập nhật chính xác tỉ lệ SV thôi học, bỏ học và tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn.

Nhà trường đã có nhiều biện pháp hỗ trợ NH kịp thời, duy trì cơ chế sinh hoạt lớp để thông báo, nhắc nhở kịp thời tình hình học tập của SV, đồng thời qua đó các CVHT trao đổi nắm tình hình, hiểu được những khó khăn vướng mắc của SV để có những tư vấn phù hợp cho các em, cũng như có những đề xuất kịp thời với Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Công tác CVHT còn bị động, chưa phát huy hiệu quả trong việc tư vấn cho SV lập kế hoạch học tập theo phương thức đào tạo TC.

SV còn chủ quan trong việc hoàn thành các điều kiện CDR về ngoại ngữ và tin học theo quy định.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Nhà trường, Khoa KHTN-CN và BM Toán tiếp tục yêu cầu các CVHT thường xuyên theo dõi và tư vấn cho SV hoàn thành các điều kiện CDR, đảm bảo việc tốt nghiệp đúng thời hạn.

Bộ môn Toán khuyến khích, vận động GV, CB của BM có các biện pháp để khuyến khích SV hăng say học tập.

5. Tự đánh giá: Mức đạt của tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Thời gian của một khóa đào tạo là thời gian cần thiết cho những SV bình thường hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Hằng năm, Trường ĐHTN đều xây dựng CTĐT trong đó có thiết kế thời gian khóa học trung bình

của tất cả các CTĐT là 4 năm. Nhà trường thường xuyên rà soát, cập nhật và ban hành lại CTĐT các ngành cho phù hợp. Phòng ĐTDH là đơn vị chức năng được giao nhiệm vụ quản lý, giám sát thời gian tốt nghiệp của SV [H3.03.01.01].

Từ năm 2009, Khoa KHTN-CN bắt đầu thực hiện quy định ĐTDH hệ chính quy theo hệ thống TC các ngành đào tạo của Khoa, trong đó có ngành Sư phạm Toán học. Để tốt nghiệp SV phải hoàn thành từ 120 đến 139 TC tùy theo từng khóa học (quy đổi 1 TC bằng 15 tiết lý thuyết, 30 tiết thảo luận, thực hành, bài tập) trong thời gian khóa học quy định trung bình là 4 năm (8 kỳ học). Thời gian tối thiểu để hoàn thành CTĐT là 3 năm và thời gian tối đa để hoàn thành CTĐT là 8 năm [H1.01.01.01]. Nhà trường có phần mềm quản lý đào tạo theo hệ thống TC, trong đó, có hệ thống theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của NH để có biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp [H5.05.05.02].

Thông qua CSDL về NH tham gia các CTĐT, Nhà trường và Khoa đã đối sánh được thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Sư phạm Toán học, trong đó, có đối sánh tỷ lệ khóa trước, khóa sau của cùng CTĐT; giữa các CTĐT tương ứng. Nhìn chung đa số SV ngành Sư phạm Toán học hoàn thành CTĐT trong thời gian 4 năm, chưa có SV hoàn thành CTĐT trong 3 năm, một số ít SV hoàn thành CTĐT trong khoảng từ 5 năm đến 8 năm. Tỷ lệ phần trăm SV của ngành Sư phạm Toán học hoàn thành CTĐT qua từng năm học rất cao, đều ở mức từ xấp xỉ 80% trở lên. Riêng năm học 2017-2018, tỷ lệ hoàn thành CTĐT có thấp hơn so với các năm trước. Điều này được thể hiện trong các báo cáo tổng kết năm học của Khoa, danh sách SV tốt nghiệp hằng năm [H11.11.01.04], [H11.11.02.02]. Việc tốt nghiệp đúng tiến độ chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố như: thực hiện việc đăng ký môn học theo học chế TC, thực hiện đúng kế hoạch học tập của năm học do Phòng ĐTDH lên kế hoạch đầu mỗi năm học, CĐR về ngoại ngữ và tin học... Dựa trên số liệu báo cáo về SV bị cảnh báo học tập, thôi học và trên cơ sở tìm hiểu các nguyên nhân dẫn đến SV tốt nghiệp trễ hạn [H11.11.01.02], [H11.11.01.03], Phòng ĐTDH của Nhà trường, Khoa và BM đã đề ra những biện pháp giúp SV hoàn thành các HP như xây dựng danh sách các HP tương đương, tổ chức giảng dạy các HP mà NH chưa tích lũy, trợ lý đào tạo của khoa KHTN-CN cố vấn và giúp đỡ để giúp NH có thể tốt nghiệp đúng thời hạn, nâng cao tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng thời hạn [H11.11.02.03], [H11.11.02.04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có hệ thống quản lý, giám sát thời gian tốt nghiệp của mỗi SV. Nhà trường, Phòng ĐTDH, Khoa KHTN-CN và BM Toán đã có những biện pháp giúp SV hoàn thành các HP, từ đó nâng cao tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường đã có hệ thống quản lý tín chỉ giám sát số lượng tín chỉ SV đã hoàn thành, đang thực hiện và chưa hoàn thành nhưng chưa quản lý giám sát các điều kiện CĐR về ngoại ngữ, tin học dẫn đến mặc dù SV đã hoàn thành các môn học trong CTDT nhưng chưa hoàn thành các điều kiện CĐR về ngoại ngữ, tin học. Chính vì vậy SV bị chậm tốt nghiệp so với tiến trình đào tạo của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022-2023, Nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch, biện pháp quản lý kế hoạch học tập của SV chặt chẽ hơn, đặc biệt về ngoại ngữ, tin học.

CVHT tăng cường nhắc nhở SV về điều kiện tốt nghiệp trong các buổi sinh hoạt lớp, thời hạn phải nộp các chứng chỉ để xét tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: Mức đạt của tiêu chí 4/7.

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Phòng QLCL đã được Trường ĐHTN giao nhiệm vụ điều tra, nắm tỷ lệ của SV có việc làm các ngành đào tạo trong vòng 1 năm sau khi tốt nghiệp (bao gồm các thời điểm: ngay sau khi tốt nghiệp; sau tốt nghiệp 3 tháng; sau tốt nghiệp 6 tháng; sau tốt nghiệp 1 năm), trong đó có ngành Sư phạm Toán học [H7.07.03.04], [H11.11.03.01], [H10.10.01.02], [H11.11.03.02].

Theo bản báo cáo của Phòng QLCL khảo sát tình hình có việc làm của SV tốt nghiệp [H11.11.03.03], tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành Sư phạm Toán học có việc làm như sau:

Năm tốt nghiệp	Số SV	Có việc làm	Chưa có việc làm	Đi làm đúng chuyên ngành	Mức độ hài lòng về khóa học
2016	42	19(45,2%)	23(54,8%)	15(78,9%)	100%
2017	41	31(75,6%)	10(24,4%)	27(87,1%)	96,8%

2018	37	32(86,5%)	5(13,5%)	29(91%)	100%
2019	30	25(83,3%)	5(16,7%)	24(96%)	100%

Kết quả khảo sát các BLQ cho thấy NH ngành Sư phạm Toán học nhanh chóng có việc làm sau khi tốt nghiệp và đa phần được làm việc đúng với chuyên ngành đào tạo trở thành các giáo viên dạy ở các trường THPT và THCS. NTD hài lòng với kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học đạt được sau khi hoàn thành CTĐT ngành Sư phạm Toán học, tỷ lệ NH đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay trong 2 năm gần đây là trên 80%, đây là một tỷ lệ khá cao.

Nhằm trang bị cho SV kỹ năng mềm khi đi xin việc Nhà trường, Khoa đã tổ chức tập huấn kỹ năng viết đơn xin việc và phỏng vấn cho SV [H11.11.03.04]; Các chương trình ngày hội kết nối việc làm, các chương trình giao lưu định hướng nghề nghiệp cũng được Nhà trường và Khoa tổ chức thường xuyên [H11.11.03.05], [H11.11.03.06]. Qua các hoạt động trên giúp Nhà trường, Khoa và BM đánh giá được CLĐT hiện tại, từ đó có kế hoạch điều chỉnh, bổ sung các kiến thức và kỹ năng cần thiết cho SV. Từ năm học 2020-2021, CTĐT của Trường nói chung và của ngành Sư phạm Toán học nói riêng đã bổ sung thêm HP Kỹ năng mềm, Khởi nghiệp nhằm đáp ứng CĐR và nhu cầu xã hội [H1.01.01.01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có hệ thống giám sát quá trình học tập cũng như tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp của NH, đối sánh giữa các năm để tìm ra biện pháp cải tiến.

Mặt khác, Nhà trường, khoa và BM đã có nhiều biện pháp cụ thể, hiệu quả nhằm hỗ trợ NH tìm việc làm trong và sau tốt nghiệp, tăng tỉ lệ có việc làm của SV sau khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa kết hợp chặt chẽ với các địa phương để xác định nhu cầu việc làm đối với các ngành sư phạm, trong đó có ngành Sư phạm Toán học.

Nhà trường chưa có đơn vị chuyên trách hỗ trợ NH sau tốt nghiệp trong việc tìm kiếm việc làm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022 – 2023,

- Nhà trường tiếp tục các kế hoạch kí hợp tác với các tỉnh về công tác đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ, trong đó có xác định nhu cầu việc làm đối với các ngành sư phạm, trong đó có Sư phạm Toán học. Trên cơ sở đó cung cấp thông tin về vị trí việc làm cho SV và giúp SV chủ động trong việc đăng kí tuyển dụng.

- Phòng QLCL tiếp tục duy trì khảo sát về tình trạng việc làm của SV sau khi tốt nghiệp ra trường hàng năm nhằm cải tiến chất lượng CTĐT, đào tạo người học ra trường đáp ứng CĐR và nhu cầu xã hội. CVHT tư vấn SV lập kế hoạch cá nhân và có định hướng mục tiêu nghề nghiệp rõ ràng.

- Nhà trường thành lập đơn vị chuyên trách hỗ trợ NH sau tốt nghiệp trong việc tìm kiếm việc làm.

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí 4/7.

Tiêu chí 11.4. Loại hình số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Trường ĐHTN đã xác định nhiệm vụ NCKH là một trong các nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường. Trên cơ sở pháp quy là các văn bản của chính phủ và Bộ GDĐT, nhà trường đã xây dựng các chính sách về NCKH và ban hành các quy chế, quy định, các văn bản hướng dẫn liên quan đến NCKH: Quy định quản lý đề tài NCKH của CB, GV, NV và học sinh SV [H7.07.03.04], [H11.11.04.01], [H11.11.04.02]. Bên cạnh đó, nhà trường đã giao nhiệm vụ cho phòng KH-QHQT chịu trách nhiệm về NCKH [H7.07.03.04], [H11.11.04.01], trong đó bao gồm NCKH của NH [H10.10.01.02], [H11.11.04.03]. Hơn nữa, để đẩy mạnh NCKH của NH, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh đã phối hợp với Phòng KH-QHQT trong hoạt động khoa học công nghệ của học sinh, SV [H11.11.04.04].

Khoa KHTN-CN là một trong các đơn vị của trường có nhiều kết quả và thành tích trong NCKH. Các CB của khoa năng động, nhiệt tình và yêu nghề đều được đào tạo đúng chuyên ngành được phân công. Không chỉ thực hiện xuất sắc nhiệm vụ đào tạo, GV của Khoa còn tích cực tham gia NCKH với những công trình khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành và hội thảo quốc tế. Bên cạnh đó, các GV của Khoa còn tích cực tham gia hướng dẫn SV NCKH. Hằng năm số lượng đề tài NCKH SV của Khoa KHTN-CN đều ở mức cao so với các khoa khác trong trường

[H10.10.04.02]. Loại hình NCKH của SV bao gồm cả hướng cơ bản và hướng ứng dụng với các đề tài có sản phẩm thực tế, có tính thực tiễn cao [H10.10.04.02]. Do đặc thù của ngành Sư phạm Toán học nên đề tài NCKH của SV chủ yếu là hướng nghiên cứu cơ bản. Trong giai đoạn 2016-2020, GV của BM Toán đã hướng dẫn được 03 đề tài NCKH của SV như sau [H10.10.04.02], [H11.11.04.06], [H11.11.04.05]:

Tên đề tài	Nhóm SV	GV hướng dẫn	Năm thực hiện
Tích phân hàm khoảng và một số tính chất	Lê Bá Thông (K2013); Lê Võ Hồng Sơn (K2014); Nguyễn Thành Tâm (K2014)	TS. Trần Thanh Tùng	2016
Tích phân Riemann- Stieltjes cho hàm khoảng	Lê Võ Hồng Sơn (K2014); Nguyễn Công Hạnh (K2015)	TS. Trần Thanh Tùng	2017
Đạo hàm và φ -đạo hàm trên Đại số Banach	Lê Chí Hiếu (K2016); Đinh Thị Thanh Tâm (K2017); Nguyễn Phùng Xuân Vũ (K2016); Đỗ Thị Hoài (K2017)	ThS. Đinh Thị Xinh	2019

Để duy trì thường xuyên hoạt động NCKH trong SV, Nhà trường hằng năm đều dành khoản kinh phí hỗ trợ thực hiện các đề tài NCKH SV, cũng như khen thưởng các SV có thành tích tốt trong công tác NCKH [H11.11.04.06]. Từ năm học 2020-2021, Nhà trường có những hỗ trợ về tài chính, tăng kinh phí hỗ trợ SV nghiên cứu (đã tăng kinh phí đề tài cấp cơ sở của SV NCKH lên 20 triệu một đề tài), tập trung đầu tư có trọng điểm cho những đề tài nghiên cứu có tính khả thi, được đánh giá cao, tăng số lượng giải thưởng... nhằm động viên tinh thần SV [H11.11.04.07]. Năm học 2019 - 2020, Khoa KHTN-CN đã tổ chức Hội nghị SV NCKH lần thứ nhất, trong đó có một báo cáo của SV ngành Sư phạm Toán học [H10.10.04.04]. Năm học 2020-2021, Khoa KHTN-CN đã tổ chức Hội nghị SV NCKH lần thứ hai, trong đó có hai báo cáo của SV ngành Sư phạm Toán học [H10.10.04.04]. Kết thúc Hội nghị, Khoa KHTN-CN tiến hành khen thưởng các SV và tập thể GV hướng dẫn đạt giải thưởng SV NCKH, đồng thời lựa chọn các đề tài có chất lượng tốt để tham gia Hội nghị SV

NCKH cấp Trường. Thông qua Hội nghị, Nhà trường cũng đưa ra các biện pháp nhằm cải tiến chất lượng NCKH trong SV.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch phát triển NCKH SV rõ ràng, tập trung các hướng nghiên cứu ứng dụng, có tính thực tiễn cao.

Nhà trường có hệ thống theo dõi, giám sát hiệu quả hoạt động NCKH của SV.

Khoa KHTN-CN duy trì tổ chức hội nghị SV NCKH hàng năm tạo môi trường thúc đẩy SV NCKH.

Các GV trong BM có chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm trong hướng dẫn SV NCKH.

3. Điểm tồn tại

Số lượng SV ngành Sư phạm Toán học tham gia hoạt động NCKH chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022 – 2023, Khoa KHTN-CN tiếp tục đẩy mạnh việc NCKH trong SV bằng một số biện pháp như: Triển khai hoạt động truyền thông, tư vấn cho SV về vai trò của NCKH trong giai đoạn hiện nay khi các cơ quan tuyển dụng rất quan tâm và ưu tiên lựa chọn các SV đã tham gia NCKH.

Tổ chức định hướng nghiên cứu các đề tài khoa học qua sinh hoạt chuyên môn của BM Toán, đồng thời động viên, khuyến khích SV tham gia hoạt động NCKH.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Với mục tiêu xây dựng, điều chỉnh CTĐT theo hướng tiếp cận yêu cầu thực tế của thị trường lao động, Nhà trường giao nhiệm vụ tiếp nhận phản hồi từ các BLQ cho phòng QLCL [H9.09.05.03], [H10.10.01.02], [H11.11.05.01]. Ban khảo sát các BLQ của phòng QLCL có nhiệm vụ thu thập, phân tích, tổng hợp và báo cáo thông tin phản hồi mức độ hài lòng của các BLQ gồm CB viên chức, NH, phụ huynh, người dân và coi đó là cơ sở quan trọng để nâng cao CLĐT, đáp ứng các yêu cầu của thị trường lao động và sự hài lòng các BLQ [H11.11.05.02], [H9.09.01.07], [H11.11.05.03]. Trong trường hợp có những ý kiến đóng góp mà chưa đáp ứng được ngay thì Nhà trường cũng có phản hồi kịp thời. Mức độ hài lòng của các BLQ cũng là thước đo rất quan

trọng để Nhà trường tiếp tục có những cải tiến phù hợp theo định hướng chung của Nhà trường.

Nhà trường và Khoa KHTN-CN thường xuyên tổ chức các hoạt động khảo sát, tiếp nhận YKPH của ĐVSĐLĐ, cựu SV, GV và SV thông qua các cuộc họp về xây dựng CTĐT, đối thoại SV, thông qua khảo sát mức độ hài lòng về khóa học của SV đã tốt nghiệp [H5.05.02.08], [H4.04.01.08], [H11.11.03.03].

Nhà trường đã xác định đánh giá hoạt động giảng dạy của GV là nhiệm vụ hằng năm của Nhà trường. Vì vậy, từ năm học 2017 - 2018, Nhà trường đã ban hành Quy định lấy YKPH từ NH về hoạt động giảng dạy của GV [H11.11.05.04]. Sau khi kết thúc đợt khảo sát, Phòng QLCL báo cáo kết quả khảo sát cho lãnh đạo Nhà trường và gửi kết quả cho các khoa. Lãnh đạo khoa triển khai cho từng ngành trong khoa. Căn cứ kết quả đánh giá của SV, Trưởng BM có biện pháp quản lý cụ thể, giúp GV phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm còn tồn tại trong quá trình giảng dạy, đồng thời cũng là cơ sở để BM cập nhật CTĐT, đổi mới PPGD cho phù hợp [H11.11.05.13]. Năm 2020, BM Toán đã thành lập tổ công tác tiến hành khảo sát các BLQ bao gồm: GV, SV, cựu SV và ĐVSĐLĐ về CTĐT để đối sánh, cập nhật CTĐT cho phù hợp với nhu cầu thị trường lao động [H1.01.01.08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có phương pháp triển khai tiếp nhận YKPH từ các BLQ qua khảo sát trực tiếp.

Mức độ hài lòng của NH, cựu NH, giáo viên, NTD đối với CTĐT ngành Sư phạm Toán học được Nhà trường, Khoa, BM xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng CTĐT ngành.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động khảo sát ý kiến của các BLQ đối với các hoạt động của nhà trường, khoa, ngành chưa được đối sánh với các ngành khác và với các CTĐT của các trường trong nước.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 - 2023, Khoa KHTN-CN, BM Toán học phối hợp với Phòng QLCL tổ chức lấy YKPH của các BLQ đồng thời điều chỉnh các tiêu chí đánh giá ở các mẫu phiếu để đảm bảo tính cập nhật hằng năm; lập kế hoạch để thực hiện hoạt

động khảo sát ý kiến của các BLQ đối với các hoạt động của nhà trường, khoa, ngành chưa được đối sánh với các ngành khác và với các CTĐT của các trường trong nước.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

Nhờ có sự hỗ trợ thường xuyên và cải tiến kịp thời, số lượng SV ngành Sư phạm Toán học có tỷ lệ tốt nghiệp cao; SV có năng lực được đào tạo đạt chất lượng đáp ứng được yêu cầu về nguồn nhân lực của xã hội và nhà tuyển dụng, thông qua tỷ lệ hài lòng cao từ các YKPH của các BLQ đối với SV ngành Sư phạm Toán học.

SV tích cực tham gia hoạt động NCKH với sự hỗ trợ, hướng dẫn khoa học của đội ngũ GV trong khoa. Tuy nhiên, Khoa cần tăng cường cơ chế, chính sách khuyến khích SV tham gia NCKH và đẩy mạnh việc hình thành cho SV các kỹ năng mềm, nhằm đáp ứng tối đa yêu cầu ngày càng cao của môi trường làm việc luôn thay đổi trong xu thế hội nhập quốc tế.

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 11: Mức đạt được của Tiêu chuẩn 4/7.

PHẦN III. KẾT LUẬN

1. Những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của chương trình đào tạo ngành Sư phạm Toán học

Mục tiêu của CTĐT ngành Sư phạm Toán học được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHTN, phù hợp với mục tiêu của GDĐH được quy định tại Luật GDĐH. Mục tiêu được định kì rà soát và cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ.

Mục tiêu CTĐT ngành Sư phạm Toán học được triển khai, quán triệt đến từng CB, GV, nhằm tạo động lực cho đội ngũ hoàn thành tốt nhất mục tiêu đã đề ra. CDR của CTĐT được thiết kế rõ ràng, cụ thể bao quát tất cả các phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu chung và yêu cầu riêng đối với người giáo viên. CDR được xây dựng đáp ứng xu thế đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay và tiệm cận với các CDR chương trình đào tạo giáo dục của các trường uy tín trong nước.

Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Sư phạm Toán học năm 2020 được xây dựng có các BLQ tham gia, được định kì rà soát và công bố công khai cho SV ngay từ năm thứ nhất, và luôn được thể hiện cụ thể trong từng năm học (từ năm thứ nhất đến năm thứ tư) và từng HP cụ thể.

Bản mô tả CTĐT ngành Sư phạm Toán học cung cấp các thông tin một cách đầy đủ và tường minh. Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu tiếp cận về lĩnh vực Sư phạm Toán học. Khối kiến thức ngành và chuyên ngành được thiết kế đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng, nhấn mạnh tính thực hành của các kiến thức được đào tạo. Cấu trúc bản mô tả chương trình rõ ràng, tuân thủ theo các quy định của Bộ GDĐT và hướng dẫn của Trường ĐHTN; cụ thể hóa trong ĐCCT các HP của CTĐT.

Đề cương của các HP cung cấp thông tin đầy đủ và tường minh, được chuẩn hóa theo quy định của trường ĐHTN. Đề cương HP định kì được cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển hiện nay trên thế giới và trong nước về lĩnh vực Sư phạm Toán học. Việc thực hiện cập nhật, điều chỉnh ĐCCT các HP có sự tham gia ý kiến của đội ngũ GV kinh nghiệm, các chuyên gia và SV trong ngành. Mọi thông tin liên quan đến HP, cấu trúc, nội dung, phương pháp KTĐG... của HP đều được cung cấp đầy đủ để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa học. Mọi thông tin trong bản mô tả và đề cương HP trong

CTĐT ngành Sư phạm Toán học (mục tiêu, CĐR, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra, đánh giá,...) đều được công bố công khai và dễ tiếp cận.

Bản mô tả CTĐT và đề cương các HP trong CTĐT thường xuyên nhận được tham vấn, ý kiến đóng góp, xây dựng của Hội đồng khoa, cựu SV, GV, các đơn vị tuyển dụng, các nhà chuyên môn, trên cơ sở đó bổ sung, điều chỉnh, cập nhật thường xuyên theo hướng ứng dụng cao.

CTDH được thiết kế dựa trên CĐR của ngành Sư phạm Toán học có mục tiêu cụ thể, rõ ràng, có cấu trúc hợp lý, có tính hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực. Nhờ vào bảng phân công nhiệm vụ giảng dạy và trình độ năng lực giữa các HP và CĐR nên các nội dung giảng dạy và mục tiêu của các HP trong CTĐT có sự gắn kết hợp lý. Việc trang bị kiến thức, kỹ năng và năng lực cho NH không chồng chéo giữa các HP. Việc triển khai xây dựng và phát triển CTDH ngành Sư phạm Toán học được thực hiện một cách khoa học và tuân thủ theo đúng các quy định của trường và của Bộ GDĐT đã đề ra. Từ đó, đã có những cập nhật kịp thời và có những thay đổi phù hợp. Vì vậy, CTDH được tiến hành một cách có hiệu quả, có hệ thống và chú trọng tới tính logic của các môn học trong CTDH, nhằm đảm bảo cho NH được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ đại cương, cơ sở đến chuyên ngành, từ những HP thuộc lĩnh vực rộng đến các kiến thức thuộc chuyên ngành hẹp.

Chương trình dạy học ngành Sư phạm Toán học được phân bố hợp lý và gắn kết hỗ trợ lẫn nhau. Các HP bắt buộc và tự chọn được phân bố hợp lý trong CTĐT. Các HP thuộc khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành được sắp xếp để thực hiện theo hệ thống từ cơ bản đến nâng cao. Mối liên hệ giữa CĐR của các HP với CĐR của CTĐT được thể hiện một cách rõ ràng.

Việc khảo sát, đo lường sự hài lòng của NH đối với các HP đã được tiến hành và góp phần điều chỉnh chương trình giảng dạy cũng như ĐCCT các HP, các phương pháp KTĐG nhằm đạt được CĐR của CTĐT và đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

CTDH của các HP trong CTĐT ngành Sư phạm Toán học có cấu trúc đảm bảo sự gắn kết liên mạch giữa các HP đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Các HP trong CTDH được bố trí hợp lý. Đồng thời, CTDH được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật hàng năm. CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước, đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. CTDH đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến

thức, kĩ năng của trình độ đại học và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động theo các qui định trong CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Toán học.

Triết lý giáo dục, mục tiêu của CTĐT được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới SV và GV thông qua nhiều hình thức như website Trường, tập huấn, diễn đàn, các văn bản hướng dẫn, Cẩm nang học sinh, SV, học viên,... Đồng thời, Nhà trường có khảo sát lấy ý kiến của các BLQ về triết lý giáo dục.

Các hoạt động dạy và học đa dạng, linh hoạt, phù hợp với điều kiện CSVC và đặc thù của từng HP. CTĐT có nhiều hoạt động thực tập, thực hành cũng như các hoạt động thực tế, thực tập và các hoạt động cộng đồng. Các hoạt động dạy - học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng khóa, từng năm học nhằm đạt CĐR về kiến thức, kĩ năng, thái độ. Môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ cởi mở giữa GV và SV.

Chương trình dạy học, ĐCCT các HP được rà soát và điều chỉnh định kỳ phù hợp với nhu cầu việc làm và xu thế hội nhập khu vực và thế giới. ĐCCT các HP đều mô tả được yêu cầu của hoạt động tự học/tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH. GV trong Khoa sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các PPGD nhằm hỗ trợ NH rèn luyện và nâng cao các kĩ năng cần thiết.

Nhà trường và Khoa có các quy định rõ ràng về đánh giá KQHT của NH. Công tác kiểm tra đánh giá KQHT của NH không ngừng được đổi mới và cải tiến theo hướng đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu, chuẩn đầu ra từng HP và CTĐT.

Các quy định về KTĐG thường xuyên được công bố công khai, minh bạch đến NH thông qua nhiều hình thức khác nhau. Kế hoạch và các quy định về KTĐG KQHT của NH theo CTĐT ngành Sư phạm Toán học rõ ràng, đúng kế hoạch và được thông báo công khai tới NH. Công tác đánh giá KQHT của NH được thực hiện theo đúng quy trình, phương pháp KTĐG được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng HP và CĐR của CTĐT.

Kết quả học tập của NH thực hiện đúng quy trình, quy định, công tác quản lý KQHT của NH được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ CB để hỗ trợ NH trong suốt quá trình học tập tại trường. Trưởng BM và các CVHT của ngành Sư phạm Toán học đã tích cực làm tốt

chức năng nhiệm vụ của mình để giúp SV hoàn thành chương trình học tập đúng thời hạn và đạt kết quả tốt.

Người học dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại KQHT của mình. SV được phổ biến quy trình khiếu nại kiểm tra kết quả thi nên việc khiếu nại và xử lý khiếu nại của SV về KQHT được tiến hành đúng quy trình, quy định và minh bạch.

Đội ngũ CB, GV của BM đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục các cấp. Đội ngũ GV của BM khá cân đối về tỉ lệ nam/nữ (nam: 57,14%; nữ: 42,86%); có các độ tuổi kế cận nhau, không có sự cách quãng giữa các thế hệ. Đó là điều kiện để hoạt động đào tạo, NCKH của BM luôn ổn định, phát triển.

Nhà Trường có đủ đội ngũ GV cơ hữu để giảng dạy cho SV ngành Sư phạm Toán học, đảm bảo hợp lý khối lượng công việc của đội ngũ GV/SV. Công việc của đội ngũ GV được quy đổi ra giờ chuẩn, được giám sát cả về khối lượng lẫn chất lượng làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH, PVCD. Công tác cán bộ của BM được thực hiện theo Quy định về quy trình, tiêu chuẩn và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển CB, GV rõ ràng, minh bạch, công khai. Đội ngũ GV của BM đạt đầy đủ các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, NCKH và NVSP.

Đội ngũ GV của BM đều hoàn thành vượt mức nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và hoạt động cộng đồng hàng năm. Nhiều GV được tặng danh hiệu thi đua bậc cao về thành tích giảng dạy và NCKH. GV, NCV có nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn cao. Khoa và Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV, NCV tham gia các CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ, các khóa đào tạo ngắn hạn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo, ...).

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV được quy định và triển khai chặt chẽ, đảm bảo minh bạch, công bằng trong cán bộ, viên chức. Chính sách khen thưởng về kết quả công việc của GV, NCV đã tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD của GV trong BM. Phần lớn GV ngành Sư phạm Toán học đều hoàn thành tốt các nhiệm vụ năm học, được khen thưởng về thành tích NCKH, được nâng lương trước thời hạn. Đội ngũ GV tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau, bao gồm đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp bộ. Bên cạnh đó, các GV còn xuất bản sách chuyên khảo và sách phục vụ đào tạo. Các bài báo khoa học và công bố trên các tạp chí uy tín cũng chiếm tỷ lệ cao trong hồ sơ NCKH của GV.

Từ những chính sách chung về quy hoạch đội ngũ NV của Trường, Khoa KHTN-CN đã có những chính sách về nhân sự cho NV hỗ trợ như bản mô tả vị trí công việc của NV hỗ trợ trong Quy chế làm việc của Khoa. Đội ngũ NV hỗ trợ làm việc hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu công việc trong các lĩnh vực đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ NH. Đội ngũ NV của Khoa được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển theo đúng quy định về công tác CB của Trường ĐHTN.

Đội ngũ chuyên viên hỗ trợ có năng lực tốt, phương pháp làm việc khoa học, hiệu quả; có lòng nhiệt tình, hết lòng vì công việc, vì hiệu quả của quá trình đào tạo.

Nhà trường và Khoa có xác định tiêu chí, quy trình, phương pháp, công cụ đánh giá, phân loại năng lực đội ngũ NV. Hằng năm, đều tiến hành đánh giá năng lực, hiệu quả công việc, phân loại, xếp loại; có phê bình, có khen thưởng.

Đội ngũ GV kiêm nhiệm công tác hỗ trợ đều là những CB nhiệt tình, tâm huyết, có năng lực tốt trong giảng dạy cũng như trong công tác quản lý; năng lực ngoại ngữ và tin học tốt nên ứng dụng rất hiệu quả trong việc hỗ trợ SV.

Hằng năm, Nhà trường luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ CB hỗ trợ. Khoa luôn cử các NV của Khoa tham gia đầy đủ các khoá bồi dưỡng theo yêu cầu của Nhà trường. Mặc dù, số lượng CB hỗ trợ của Khoa còn ít nhưng luôn đảm bảo sự trợ giúp tối đa cho SV trong các hoạt động đào tạo của ngành Sư phạm Toán học.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH ngành Sư phạm Toán học được xác định rõ ràng trong đề án tuyển sinh của Nhà trường. Thực hiện đúng quy trình và yêu cầu về tiêu chí tuyển chọn NH theo nhu cầu và ý kiến của các BLQ.

Quy chế đào tạo theo hệ thống TC của Nhà trường xác định rõ yêu cầu về kiểm tra, đánh giá KQHT và triển khai nhiều hình thức giám sát phù hợp với sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH. Hệ thống giám sát học tập và đánh giá kết quả rèn luyện của SV được thực hiện chặt chẽ, đúng quy trình, đúng thời hạn và có sự phối hợp giữa các bên từ CVHT đến Khoa và các phòng ban liên quan.

Các công tác về tư vấn học tập và hỗ trợ các hoạt động khác cho SV được Nhà Trường, các Phòng ban và Khoa phối hợp thực hiện chặt chẽ. Trong đó, Khoa và BM Toán luôn khuyến khích SV tự học, tự nghiên cứu nhằm nâng cao khả năng hòa nhập và giải quyết các vấn đề sau khi tốt nghiệp. Nhà trường luôn chú trọng việc đầu tư, cải

thiện môi trường, cảnh quan, tạo không khí thoải mái để việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu được thuận lợi.

Trường đã thực hiện hoạt động lấy YKPH của các BLQ về CTĐT bằng nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường đã có sử dụng thông tin phản hồi để xây dựng và điều chỉnh CTĐT. Hoạt động lấy ý kiến SV về quá trình đào tạo được triển khai rộng rãi hàng năm. Khoa đã có sự hợp tác chặt chẽ với các cơ sở thực tập và đã nhận được các YKPH thường xuyên về công tác thực tập của SV.

Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ theo kế hoạch của Nhà trường, có sự tham gia của các nhà khoa học, cán bộ quản lý, GV, nhà tuyển dụng, cựu SV và SV. CTDH được cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội. Quá trình dạy học ngày càng được tổ chức và thực hiện bài bản, chất lượng ngày càng cao. Quy trình KTĐG được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc.

Các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo TC và quy định chung của Trường ĐHTN, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo, trên cơ sở đánh giá được thực chất chất lượng dạy và học nhưng đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả GV và NH. Quá trình dạy-học và đánh giá KQHT của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên dựa trên những quy định, quy trình chặt chẽ có hệ thống từ cấp trường đến từng BM. Các YKPH được thu thập và tổng hợp một cách khách quan, trung thực, minh bạch nhằm đưa ra những điểm mạnh, điểm tồn tại để tìm hướng cải tiến, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Các hình thức KTĐG đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo TC. Việc đánh giá chất lượng dạy và học, các cơ chế phát huy tính chủ động, sáng tạo của cả GV và NH đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của ngành.

Khoa KHTN-CN có đội ngũ GV có năng lực và tích cực tham gia NCKH; có cơ chế khuyến khích sự tham gia của GV cũng như SV trong khoa phát huy tinh thần sáng tạo, say mê NCKH theo hướng ứng dụng, phục vụ công tác giáo dục và đào tạo ngành Sư phạm Toán học. Số lượng các công trình NCKH được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước có xu hướng năm sau cao hơn năm trước. Hầu hết các đề tài NCKH đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và có ý nghĩa thực tiễn là PVCD; Kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học được ứng dụng vào việc giảng dạy.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến định kỳ. Việc đánh giá và cải tiến chất lượng dịch vụ và tiện ích được thực hiện hàng năm theo một quy trình thống nhất của Trường ĐHTN; Hệ thống cổng thông tin và các dịch vụ hỗ trợ được Nhà trường xây dựng theo hướng hiện đại, cung cấp dịch vụ hỗ trợ đầy đủ và tiện ích cho GV và NH; công tác lấy YKPH của CB viên chức, GV và NH về chất lượng dịch vụ hỗ trợ được tiến hành thường xuyên hàng năm, thông qua nhiều kênh, nhiều hình thức để làm cơ sở đánh giá và cải tiến chất lượng dịch vụ; kết quả phản hồi, phần lớn là hài lòng với các dịch vụ hỗ trợ.

Cơ chế phản hồi của các BLQ đã được Nhà trường và Khoa thiết lập có tính hệ thống, được thực hiện đa dạng, dân chủ, công khai, minh bạch. Cơ chế lấy YKPH được Nhà trường và Khoa thực hiện đầy đủ quy trình đánh giá, cải tiến chất lượng của các hình thức tổ chức và thông tin thu thập được từ các BLQ.

Tỷ lệ NH ngành Sư phạm Toán học bị buộc thôi học ít, tỷ lệ NH tốt nghiệp ra trường đúng thời hạn cao, do có sự giám sát chặt chẽ của Khoa và Nhà trường. Nhà trường, Khoa và CVHT luôn quan tâm đến việc thúc đẩy ý thức tích cực chủ động của SV về tiến độ học tập của bản thân, nhất là việc làm cho mỗi SV hiểu rõ được trình tự học tập cũng như hiểu biết rõ các điều kiện để được tốt nghiệp, do đó đa phần SV ngành Sư phạm Toán học luôn có ý thức chủ động trong tiến trình học tập và hoàn thành CTĐT. Ban Chủ nhiệm Khoa luôn nắm được tiến độ học tập của SV thông qua Trợ lý đào tạo, CVHT để hỗ trợ SV kịp thời, nhất là trong việc phê duyệt các môn học chuyên đổi, học thay thế (với những SV bị chậm tiến trình do bảo lưu KQHT) để SV được hoàn thành CTĐT đúng hạn. Về phía Nhà trường, Phòng ĐTDH và Phòng Công tác SV luôn nhắc nhở SV kịp thời, cập nhật trên trang tài khoản cá nhân của SV, gửi email thông báo tới những SV bị chậm tiến trình, chưa hoàn thành HP, chưa hoàn thành chương trình học,... để SV dễ dàng tiếp cận và nắm bắt được thông tin, cũng như các quy định liên quan trong việc hoàn thành chương trình học.

Đa số SV tốt nghiệp ngành Sư phạm Toán học đều có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp; lĩnh vực nghề nghiệp và môi trường làm việc gắn kết chặt chẽ với CTĐT của Ngành, trong đó coi trọng năng lực thực hành thực tế, giúp SV có nhiều cơ hội được trải nghiệm thực hành nghề nghiệp và có nhiều cơ hội có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp. Trường và Khoa có đội ngũ GV giảng dạy cho SV chuyên ngành Sư

phạm Toán học có năng lực NCKH. Trong đó, nhiều GV trong khoa là các nhà khoa học có chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy và NCKH. Đây là điều kiện thuận lợi trong việc hướng dẫn đồng nghiệp và SV NCKH.

Hằng năm, Nhà trường luôn có dự trù kinh phí cho hoạt động NCKH của SV theo quy định, đồng thời Trường và Khoa có cơ chế khuyến khích SV tham gia NCKH thông qua các hoạt động hỗ trợ như: tổ chức buổi tư vấn đề tài nghiên cứu cho SV, giúp SV định hình hướng nghiên cứu, phân công GV hướng dẫn SV thực hiện đề tài NCKH đạt chất lượng. Kết quả khảo sát các BLQ về các hoạt động của Nhà trường, mức độ hài lòng của các BLQ được xác lập, giám sát là cơ sở để Nhà trường và Khoa nâng cao chất lượng dạy học, NCKH và PVCĐ. Các ý kiến phản biện từ các BLQ được Khoa và Trường nghiêm túc tiếp thu và thực hiện phân tích, đối sánh để có những đánh giá, điều chỉnh, bổ sung và cải tiến CTĐT và CĐR của ngành.

2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo ngành Sư phạm Toán học

Việc khảo sát định kỳ lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các BLQ về mục tiêu của CTĐT ngành Sư phạm Toán học chưa được tiến hành một cách có hệ thống với mẫu khảo sát lớn. Một số CĐR học phần chưa được xây dựng trong mối liên hệ đối sánh với CĐR của CTĐT. Phần mô tả CĐR học phần còn thiếu mốc chuẩn, khó đo lường và đánh giá được. BM đã thực hiện quy trình điều chỉnh CĐR, đã tham khảo, lấy YKPH của các BLQ nhưng số lượng nhà tuyển dụng, chuyên gia giáo dục tham gia công tác xây dựng và rà soát CĐR của CTĐT chưa nhiều.

Bản mô tả CTĐT ngành Sư phạm Toán học chưa đưa được nhiều ý kiến góp ý của các đơn vị tuyển dụng để việc đào tạo được sát với nhu cầu xã hội.

Đề cương chi tiết các HP thuộc CTĐT ngành Sư phạm Toán học trình độ đại học còn chưa được đăng tải lên trang website của Trường và của Khoa. Chưa tổ chức hội nghị rộng rãi có sự tham gia của các BLQ trong công tác xây dựng điều chỉnh, cập nhật bản mô tả CTĐT ngành Sư phạm Toán học. Các HP trong CTDH chưa được cập nhật điều chỉnh thường xuyên theo từng học kì của năm học.

Việc cập nhật nội dung CTDH còn chưa đối sánh với CTDH ngành Sư phạm Toán học của các trường đại học quốc tế. Mặc dù mục tiêu đào tạo của CTĐT được công bố cho các nhà tuyển dụng, nhưng mới chỉ giới hạn ở những chuyên gia có tham

gia giảng dạy và biên soạn đề cương môn học cho BM. Chưa có sự đa dạng hóa cách thức phổ biến triết lý giáo dục cho các BLQ.

Các hoạt động dạy và học ở một số HP chưa thực sự kết hợp giữa các vấn đề lý thuyết và thực hành nên việc vận dụng kiến thức và kỹ năng vào thực tế của SV chưa cao; Cách bố trí bàn-ghế trong một số phòng học chưa thật sự phù hợp với lớp học các HP chuyên ngành, thực hành nghề nghiệp, chưa thuận lợi trong làm việc nhóm. Số ít SV chưa có ý thức học tập tốt nên việc học tập còn mang tính đối phó. Một số GV chưa có những biện pháp hiệu quả để khích lệ các khả năng tư duy phản biện, làm việc độc lập của SV.

Việc thiết kế, sử dụng các phương pháp/công cụ kiểm tra, đánh giá chủ yếu dựa vào quy định của Bộ GDĐT, vào ĐCCT môn học. Khoa chưa có những tài liệu hướng dẫn cụ thể, chuyên biệt nhằm xây dựng, sử dụng các phương pháp/công cụ kiểm tra, đánh giá phù hợp với mức độ đạt được CDR ngày càng hiệu quả hơn.

Nhà trường chưa tổ chức thống kê phân tích định lượng các kết quả thi để đánh giá mức độ khó, dễ, phù hợp của các hình thức kiểm tra/thi nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức đạt được CDR và có hướng điều chỉnh cho phù hợp.

Việc tìm kiếm, nắm bắt thông tin của GV về quy định kiểm tra, đánh giá NH còn hạn chế về độ nhanh nhạy, sự chủ động, kịp thời. Việc đổi mới phương thức KTĐG cho số ít HP chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục để phù hợp với tình hình thực tiễn và đặc thù môn học.

Mặc dù KQHT của NH được phản hồi nhanh chóng để SV kịp thời cải tiến quá trình học tập, song đôi lúc còn có số ít SV băn khoăn với kết quả thi do SV chưa được tiếp cận với đáp án của đề thi để đối chiếu với kết quả đánh giá thi. Các thủ tục, quy trình khiếu nại KQHT của NH chưa được cập nhật trên website của Nhà trường.

Một số khóa đào tạo theo nhu cầu của GV, NCV còn chưa được triển khai. Việc quản trị nhằm tăng cường sự phối hợp nghiên cứu, đăng tải các công trình nghiên cứu chung trên các tạp chí, nhà xuất bản có uy tín giữa các GV cùng BM và với các GV của các tổ BM khác trong Khoa chưa mang lại hiệu quả như mong muốn. Ngoài ra, số lượng các sản phẩm nghiên cứu chưa đồng đều giữa các GV.

Việc thực hiện khảo sát đánh giá phản hồi của các BLQ về mức độ đáp ứng của đội ngũ NV chưa được thực hiện hiệu quả. Khoa vẫn còn bị động trong việc thực hiện khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các BLQ về vị trí việc làm.

Chưa có nhiều căn cứ và tiêu chí để đánh giá năng lực đầu vào của NH. Hệ thống quản lý đào tạo của Trường chưa được nâng cấp kịp thời nên đôi lúc làm gián đoạn hoạt động tra cứu dữ liệu học tập của SV. Bên cạnh đó, vẫn có nhiều SV của ngành Sư phạm Toán học chưa thực sự có nhiệt huyết tham gia vào các hoạt động cộng đồng, các câu lạc bộ. SV ngành Sư phạm Toán học chưa tham gia nhiều vào các câu lạc bộ rèn kỹ năng mềm.

Việc đánh giá chất lượng giảng dạy từ ý kiến NH, đồng nghiệp chưa được thực hiện thường xuyên liên tục trong suốt cả năm học. Chưa thực hiện quy trình lấy YKPH cụ thể của GV, NH và các BLQ về quá trình dạy - học và đánh giá KQHT của NH để đảm bảo sự tương thích và phù hợp giữa CTĐT với CDR.

Các phản hồi của NH về dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa được cải tiến kịp thời. Ngoài ra, một số phản hồi của các BLQ về CSVN, tiện ích chưa kịp thời đáp ứng cho việc đổi mới CTĐT do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường. Một số phản hồi chưa thực sự chính xác với thực tế hoặc còn cảm tính; một số hình thức lấy YKPH (đặc biệt là kênh chưa chính thống như Facebook) chưa được đánh giá, phân tích về mức độ hiệu quả và độ tin cậy của thông tin. Mặc dù Nhà trường và Khoa thực hiện chế độ giám sát chặt chẽ tỷ lệ SV ngành Sư phạm Toán học tốt nghiệp hằng năm nhưng việc tìm hiểu, phân tích xác đáng nguyên nhân tốt nghiệp không đúng hạn và thôi học của SV vẫn còn chưa được triệt để, chưa có phân tích dự báo tỷ lệ SV thôi học cần thiết của ngành để có những cơ chế chính sách hỗ trợ, khích lệ kịp thời giúp SV thực hiện kết quả đầu ra như mong muốn.

Mặc dù Khoa và Trường đã luôn cập nhật tiến trình học tập của SV, song một số SV chưa chủ động lập kế hoạch học tập của cá nhân, đặc biệt là các điều kiện đầu ra (chứng chỉ quốc phòng, chứng chỉ giáo dục thể chất, chứng chỉ ngoại ngữ B1). Do vậy, vẫn còn tình trạng SV bị chậm tốt nghiệp so với tiến độ của Nhà trường.

Một tỷ lệ nhất định SV tốt nghiệp ngành Sư phạm Toán học làm trái ngành, trái nghề sau khi tốt nghiệp. SV ngành Sư phạm Toán học chưa chủ động tham gia NCKH. Thành tích về NCKH của SV còn rất hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng của SV ngành đào tạo. Việc khảo sát mức độ hài lòng của các cơ quan và các nhà sử dụng lao động chưa được tiến hành trên diện rộng và trong một thời gian liên tục. Do đó, tính

khách quan và hệ thống của các YKPH của các nhà và các ĐVSĐLĐ là SV tốt nghiệp ngành Sư phạm Toán học còn chưa được đảm bảo.

Bên cạnh đó, các tiêu chí và nội dung khảo sát trên cũng cần được nghiên cứu và hoàn thiện hơn để thu được YKPH thực chất và tối ưu nhằm phục vụ tốt hơn cho việc phân tích, đối sánh để có những đánh giá, điều chỉnh, bổ sung và cải tiến CTĐT và CDR của ngành Sư phạm Toán học.

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo

Với những điểm mạnh và một số tồn tại đã nêu ra ở trên, chúng tôi đề ra kế hoạch hành động từ năm học 2022-2023 để nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và PVCĐ như sau:

Khoa KHTN-CN phối hợp với phòng QLCL đa dạng hóa hình thức khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan phản hồi về CTĐT ngành Sư phạm Toán học, chủ động trong việc rà soát CDR của CTĐT ngành Sư phạm Toán học, rà soát, điều chỉnh ĐC học phần ngành Sư phạm Toán học.

Đối với bản mô tả CTĐT, Khoa KHTN-CN tham khảo Bản mô tả CTĐT của các trường ĐH tiên tiến trong nước để điều chỉnh Bản mô tả CTĐT ngành Sư phạm Toán học.

Phòng QLCL phối hợp với Khoa KHTN-CN tăng cường khảo sát ý kiến các bên liên quan bên ngoài trường về các PPGD của GV, các phương pháp học tập của SV, các phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT của SV trong CTDH ngành Sư phạm Toán học. Nhà trường và Khoa KHTN-CN triển khai để GV tiếp tục rà soát các phương pháp KTĐG và trên cơ sở đó bổ sung các các phương pháp KTĐG hiện đại phù hợp để đo lường CDR đồng thời khảo sát ý kiến của cựu SV về hoạt động của nhà trường, trong đó có nội dung về hoạt động kiểm tra đánh giá KQHT của NH. Khoa KHTN-CN tăng cường áp dụng các biện pháp cải tiến CTDH, phương pháp dạy học, KTĐG và liên hệ hợp tác với các nhà tuyển dụng nhằm nâng cao khả năng tìm kiếm việc làm và tính cạnh tranh cho SV tốt nghiệp CTĐT ngành Sư phạm Toán học.

Phòng QLCL rà soát các văn bản quy định về kiểm tra đánh giá KQHT do Nhà trường ban hành để có cơ sở điều chỉnh, cải tiến.

Nhà trường và Khoa KHTN-CN tăng cường bồi dưỡng, tập huấn cho SV, đặc biệt SV năm thứ nhất về phương pháp học ở đại học.

Khoa KHTN-CN phối hợp với phòng QLCL tiến hành khảo sát mức độ hiểu biết của các nhà tuyển dụng về TLGD của Nhà trường.

Tăng số lượng và chất lượng hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học do Khoa KHTN-CN tổ chức. Thông qua các hội nghị, hội thảo về công tác đào tạo, Nhà trường triển khai YKPH của các bên liên quan bên ngoài trường về quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

Phòng QLCL phối hợp với Khoa KHTN-CN tìm hiểu rõ nguyên nhân về việc khiếu nại của SV để trên cơ sở đó, Nhà trường và Khoa KHTN-CN áp dụng các biện pháp nhằm giảm thiểu tối đa việc khiếu nại của SV.

Tăng cường các chính sách thu hút GV, NV để nâng cao số lượng GV, NV có học hàm, học vị và có năng lực NCKH và kinh nghiệm làm việc nhằm phục vụ tốt hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ đồng thời Nhà trường và Khoa KHTN-CN tăng cường chính sách khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện để GV, NV học tập NCS ở trong và ngoài nước. Nhà trường tiến hành rà soát đề án vị trí việc làm để quy hoạch đội ngũ NV bảo đảm về số lượng và chất lượng để phát huy tối đa năng lực của NV.

Nhà trường giao nhiệm vụ cho Công đoàn Trường phối hợp với Khoa thường xuyên giám sát kết quả thực hiện hoạt động PVCĐ của đội ngũ GV. Ngoài ra, Nhà trường tăng cường triển khai hoạt động đánh giá của đồng nghiệp đối với đội ngũ NV.

Nhà trường và Khoa KHTN-CN tăng cường động viên, khuyến khích, hỗ trợ tăng số lượng GV, NV của Trường và Khoa KHTN-CN được nhận các hình thức khen thưởng các cấp.

Nhà trường và Khoa KHTN-CN tăng cường áp dụng các biện pháp động viên, khuyến khích tất cả GV của Trường và Khoa KHTN-CN tích cực tham gia truyền thông về tuyển sinh của Trường và CTĐT ngành Sư phạm Toán học.

Nhà trường và Khoa KHTN-CN tập trung áp dụng đồng bộ các biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và PVCĐ nhằm nâng cao ngưỡng bảo đảm chất lượng đào tạo ngành Sư phạm Toán học.

Ban chủ nhiệm Khoa KHTN-CN tăng cường nhắc nhở, lưu ý kèm theo kiểm tra thường xuyên biên bản họp định kỳ của CVHT nhằm bảo đảm đẩy mạnh việc triển khai giám sát KQHT, kết quả rèn luyện và sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, khối lượng học tập của NH ngành Sư phạm Toán học. Khoa KHTN-CN tăng cường đầu tư, đổi mới về nội dung hoạt động ngoại khóa nhằm thu hút tất cả SV tham gia.

Phòng QLCL phối hợp với phòng Hành chính tổng hợp triển khai khảo sát ý kiến khách đến làm việc tại trường về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường. Nhà trường rà soát, đầu tư kinh phí để cải tạo, nâng cấp các phòng học đáp ứng tiêu chuẩn của phòng học hiện đại. Tăng cường đầu tư tăng cường tài liệu điện tử cho Thư viện, nâng cấp các phòng thí nghiệm, phòng thực hành chậm hơn kế hoạch đã xây dựng, tăng cường đầu tư nguồn lực để nâng cấp hệ thống CNTT đồng bộ, tăng cường kinh phí đầu tư các công trình phục vụ nhu cầu của người khuyết tật.

Nhà trường tăng cường chế độ khen thưởng và Khoa KHTN-CN tăng cường động viên, khuyến khích GV thực hiện nhiều đề tài NCKH các cấp. Ban chủ nhiệm Khoa KHTN-CN tăng cường tổ chức các buổi tập huấn nâng cao kỹ năng NCKH cho SV, đồng thời động viên, khuyến khích nhiều SV đăng ký thực hiện đề tài NCKH.

Phòng QLCL đa dạng hình thức khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân đối với giáo dục công của Trường.

Thông qua các hội nghị, hội thảo về công tác đào tạo và NCKH, Nhà trường triển khai YKPH của các BLQ bên ngoài trường về cơ chế phản hồi của các BLQ.

Khoa KHTN-CN áp dụng các công cụ phân tích, đo lường hiện đại để xác định tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn của CTĐT ngành Sư phạm Toán học.

Từ năm học 2022 - 2023 và những năm học tiếp theo, Nhà trường và Khoa KHTN-CN tiếp tục tăng cường theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của CTĐT ngành để áp dụng các biện pháp phù hợp nhằm rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình.

4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo

(Theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT,

Thông tư số 39/2020/TT-BGDĐT)

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Tây Nguyên

Tên CTĐT: Sư phạm Toán học

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức		Tỷ lệ số
	1	2	3	4	5	6	7	trung bình	Số tiêu chí đạt	tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1										

Tiêu chí 1.1					5			5	3	100%
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2										
Tiêu chí 2.1					5			5	3	100%
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3										
Tiêu chí 3.1					5			4,7	3	100%
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 3.3					5					
Tiêu chuẩn 4										
Tiêu chí 4.1					5			5	3	100%
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
Tiêu chuẩn 5										
Tiêu chí 5.1					5			4,8	5	100%
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5				4						
Tiêu chuẩn 6										
Tiêu chí 6.1					5			4,6	7	100%
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3				4						

Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6				4						
Tiêu chí 6.7				4						
Tiêu chuẩn 7										
Tiêu chí 7.1					5			4,6	5	100%
Tiêu chí 7.2				4						
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5				4						
Tiêu chuẩn 8										
Tiêu chí 8.1					5			5,2	5	100%
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5						6				
Tiêu chuẩn 9										
Tiêu chí 9.1					5			5,2	5	100%
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3						6				
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
Tiêu chuẩn 10										
Tiêu chí 10.1					5			4,3	6	100%
Tiêu chí 10.2				4						

Tiêu chí 10.3				4						
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5				4						
Tiêu chí 10.6				4						
Tiêu chuẩn 11										
Tiêu chí 11.1				4				4	5	100%
Tiêu chí 11.2				4						
Tiêu chí 11.3				4						
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5				4						
Đánh giá chung CTĐT								4,7	50	100%

Đắk Lắk, ngày.....tháng năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

PHẦN IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo ngành Sư phạm Toán học

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 05/6/2021

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Tây Nguyên

Tiếng Việt: Trường Đại học Tây Nguyên

Tiếng Anh: Tay Nguyen University

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục: TNU

Tiếng Việt: TTN

Tiếng Anh: TNU

3. Tên trước đây (nếu có): Không có

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Địa chỉ: 567 Lê Duẩn – Thành phố Buôn Ma Thuột – tỉnh Đắk Lắk

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại (0262)3825185 Số fax: (0262)3825184

E-mail: dhtn@ttn.edu.vn

Website: www.ttn.edu.vn

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập số 298/CP ngày 11/11/1977 của Hội đồng Chính phủ): 1977

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1977

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1981

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thực ☐

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ): Không có

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập):

Tiếng Việt: Bộ môn Toán

Tiếng Anh: Department of Mathematics

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: Không có

Tiếng Anh: Không có

14. Tên trước đây: Không có

Tiếng Việt: Sư phạm Toán học

Tiếng Anh: Mathematics teacher Education

15. Mã CTĐT: 7140209

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Không có

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Bộ môn Toán, Khoa Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Trường Đại học Tây Nguyên, 567 Lê Duẩn, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

18. Thông tin liên hệ:

Điện thoại: (0262) 3 825 808

Website: <https://www.ttn.edu.vn/index.php/bmktm/ktnbmt>

19. Năm thành lập Bộ môn (theo Quyết định thành lập số 671/QĐ-TCCB ngày 26/5/2004): 2004

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2003

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2007

III. Giới thiệu khái quát về Khoa Khoa học Tự nhiên và Công nghệ và Bộ môn Toán

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của Khoa Khoa học Tự nhiên và Công nghệ và Bộ môn Toán

Khoa Khoa học Tự nhiên và Công nghệ (KHTN-CN) được thành lập theo Quyết định Số 1577/QĐ-ĐHTN-TCCB ngày 19/12/2008 của Hiệu trưởng trường ĐHTN, trên cơ sở tách ra từ khoa Sư phạm. Ban đầu Khoa có 5 BM: Toán học, Vật lý, Hoá học, Sinh học, Tin học, đào tạo 5 ngành bậc đại học: Sư phạm Toán học, Sư phạm Vật lý, Sư phạm Hóa học, Sư phạm Sinh học và Cử nhân CNTT, chưa có đào tạo sau đại học. Đến tháng 06 năm 2021, Khoa có 6 BM: Toán học, Vật lý, Hoá học, Sinh học, CNTT và Công nghệ kỹ thuật môi trường, tham gia đào tạo 8 ngành bậc đại học và 3 chuyên ngành bậc cao học. Số CBVC của Khoa tính đến thời điểm tháng 5/2021 là 66 người, trong đó có 02 GV là PGS.TS, 15 GV là TS, 42 GV là ThS và 5 CB, GV có trình độ cử nhân, 1 kỹ sư và 01 kỹ thuật viên có trình độ cao đẳng. Số CB có trình độ sau đại học chiếm đến 90% .

Bộ môn Toán được hình thành cùng với Trường ĐHTN vào tháng 11 năm 1977 là đơn vị trực thuộc Khoa Sư phạm, với nhiệm vụ đào tạo giáo viên dạy Toán ở các trường phổ thông và giảng dạy Toán cho SV thuộc các ngành khác của trường

DHTN. Năm 1982, Khoa Sư phạm được Bộ Đại học - THCN và Đào tạo điều động chuyển sang đại học Đà Lạt. Một số thầy cô đã chuyển sang ĐH Đà Lạt và các nơi khác. Còn 6 thầy cô giảng dạy Toán ở lại BM Toán thuộc Khoa Khoa học cơ bản, giảng dạy toán cho các ngành Nông, Lâm, Y học. Năm 1996, tái thành lập Khoa Sư phạm và BM Toán được mở ngành SP Toán - Tin. Năm 1998 thành lập BM Toán-Tin và năm 2004 BM Toán-Tin được tách thành BM Toán và BM Tin. Từ năm 2003, bắt đầu đào tạo ngành Sư phạm Toán học. Cùng với sự phát triển của Trường, BM Toán đã phát triển nhiều cả về quy mô và ngành nghề đảm nhiệm.

Về quy mô đào tạo: Qua hơn 44 năm hình thành và phát triển, Bộ môn Toán không ngừng lớn mạnh và đạt được nhiều thành tựu trong đào tạo và nghiên cứu khoa học. Bộ môn có số lượng sinh viên, học viên đông đảo với 01 ngành đào tạo trình độ đại học, 01 đào tạo cao học đóng góp không nhỏ cho sự phát triển kinh tế xã hội khu vực Tây nguyên nói riêng và cả nước nói chung.

Về đội ngũ cán bộ: Chất lượng đào tạo luôn được Bộ môn coi trọng hàng đầu, trong đó nguồn lực cán bộ đóng vai trò then chốt. Cán bộ giảng dạy của Bộ môn đã không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn nhằm đáp ứng các yêu cầu giáo dục và đào tạo trong giai đoạn mới. Cán bộ bộ môn đã được gửi đi đào tạo ở các Viện, Trường, Trung tâm nghiên cứu lớn có uy tín trong và ngoài nước như Viện Toán học, Viện cao cấp về Toán, Đại học Vinh, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Huế, Đại học Thành Công (Đài Loan), Đại học RMIT (Úc). Do đó, hiện nay đội ngũ cán bộ của Bộ môn đã được kiện toàn về quy mô số lượng và chất lượng. Trong đó, cán bộ giảng dạy cơ hữu gồm 06 Tiến sĩ, 07 Thạc sĩ (trong đó 02 GV đang theo học chương trình NCS trong nước, 01 GV đang theo học chương trình NCS tại Úc) với hoạt động chuyên môn trên các lĩnh vực chuyên môn: Lý thuyết kỳ dị; Lý thuyết điều khiển mờ và hệ mờ; Phương trình vi phân tập, Phương trình vi phân mờ, ngẫu nhiên mờ, Tôpô hình học và Tôpô mờ; Lý thuyết hàm thực và bất đẳng thức; Giải tích điều hòa, giải tích hàm và lý thuyết toán tử; Lý thuyết tối ưu, ...

Ngoài ra, các cán bộ Bộ môn thường xuyên tham gia vào các khóa tập huấn ngắn hạn, các hội thảo khoa học trong và ngoài nước: Hội nghị Toán học Miền Trung – Tây Nguyên, Hội nghị DAHITO, Đại học Toán học Việt Nam, Chương trình chứng chỉ sư phạm cho giảng viên Đại học, ...

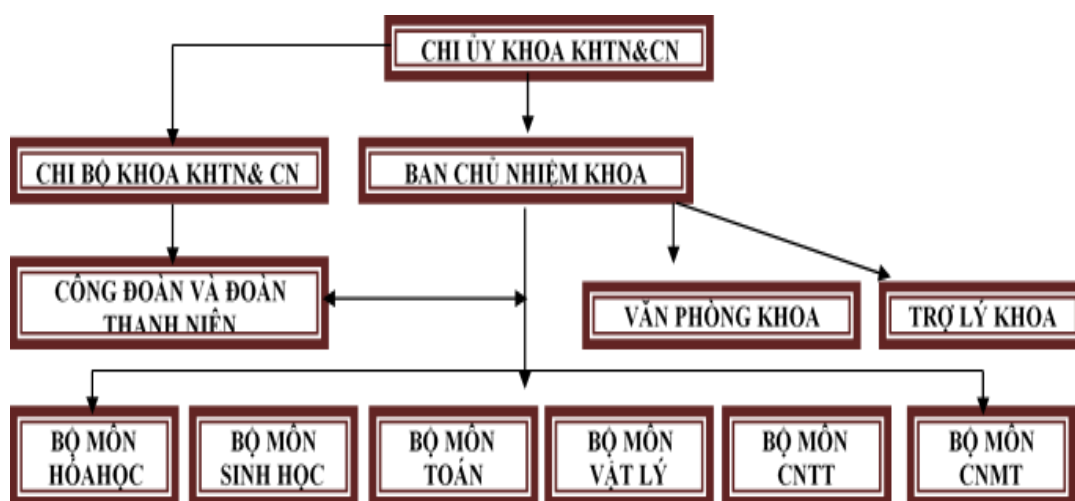
Bên cạnh đó, các chương trình đào tạo còn có sự tham gia giảng dạy và trao đổi

học thuật của các giảng viên, nhà khoa học có uy tín đến từ các trung tâm nghiên cứu lớn của cả nước như Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Vinh, Trường Đại học Quy Nhơn, Viện cao cấp về Toán như PGS.TS. Ngô Quốc Anh, GS.TS. Đinh Thanh Đức, PGS.TS. Nguyễn Hữu Quang, PGS.TS. Thái Thuận Quang, PGS.TS. Trần Văn Ân, PGS. Lê Minh Hà, ...

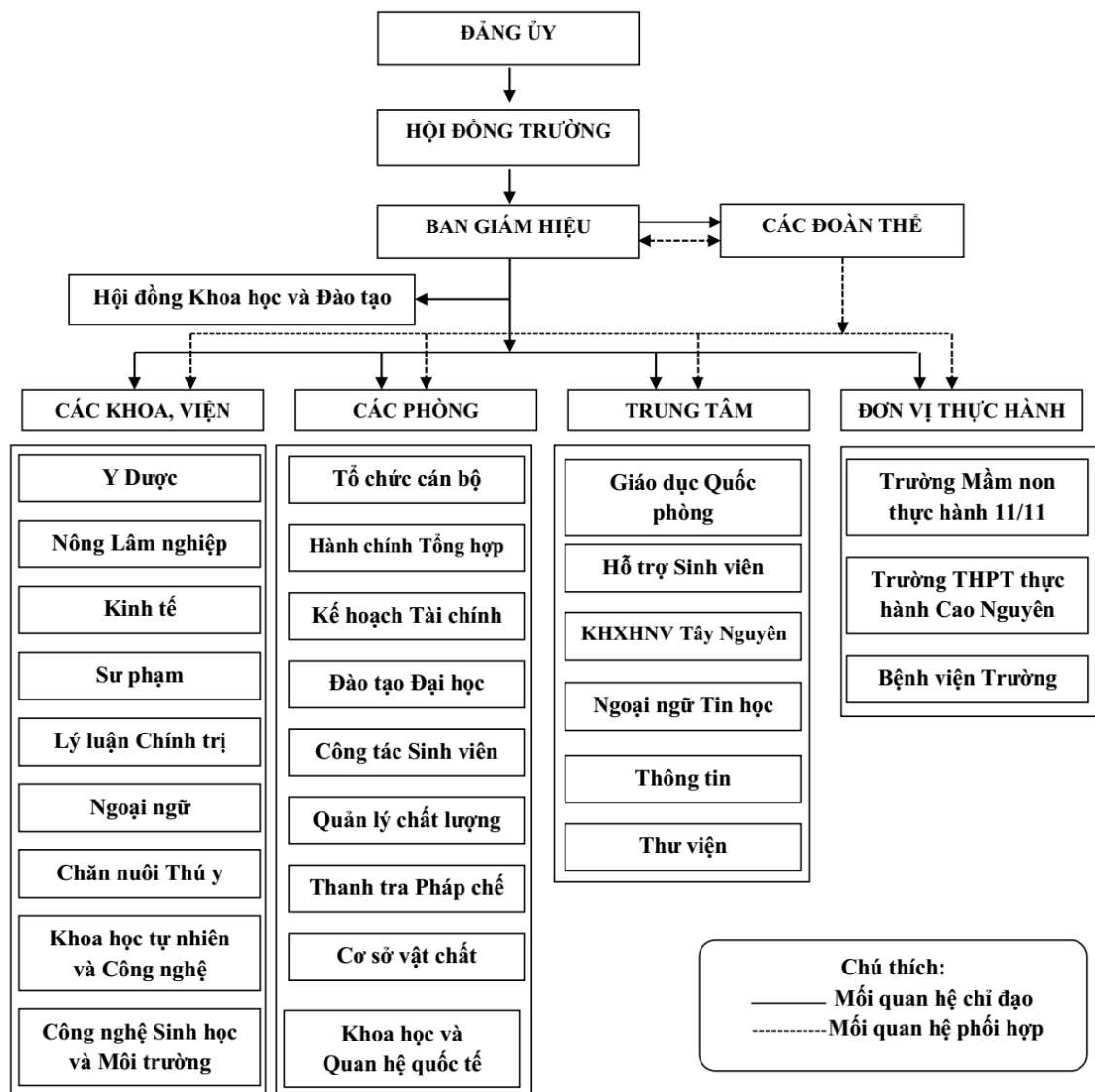
Về nghiên cứu khoa học: Là một trong hai nhiệm vụ trọng tâm của đơn vị đào tạo đại học và sau đại học, nghiên cứu khoa học luôn được Bộ môn Toán chú trọng. Cùng với sự quan tâm chỉ đạo của Lãnh đạo Trường, sự phối hợp nhịp nhàng với các phòng chức năng liên quan, hoạt động nghiên cứu khoa học của Bộ môn ngày càng phát triển và đạt được những thành tích đáng khích lệ. Nhiều cán bộ của Bộ môn có nhiều kinh nghiệm nghiên cứu khoa học, đã và đang chủ trì, tham gia nhiều đề tài khoa học các cấp: Chủ trì hơn 50 đề tài cấp cơ sở; Chủ trì 02 đề tài cấp bộ; Tham gia thực hiện nhiều đề tài Nafosted; Công bố nhiều bài báo khoa học trên các tạp chí khoa học uy tín trong và ngoài nước.

Về thi đua khen thưởng: Với những đóng góp và thành tích đã đạt được trong hơn 44 năm qua, tập thể cán bộ Bộ môn Toán đã nhận được nhiều thành tích khen thưởng: nhiều năm liền đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, nhiều năm được Nhà trường tặng giấy khen.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của trường Đại học Tây Nguyên, Khoa Khoa học Tự nhiên và Công nghệ



Sơ đồ tổ chức Khoa học Tự nhiên và Công nghệ năm 2021



Cơ cấu tổ chức hành chính của Trường Đại học Tây Nguyên

24. Danh sách Ban lãnh đạo Nhà trường và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT

T T	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức đanh	Điện thoại	Email
Lãnh đạo Trường Đại học Tây Nguyên						
1	Chủ tịch HĐ trường	Nguyễn Thị Tĩnh	1976	TS		nttinh@ttn.edu.v n
2	Hiệu	Nguyễn Thanh	1979	TS	0905467699	nttruc@ttn.edu.v

	trưởng	Trúc				n
2.	Phó Hiệu trưởng	Lê Đức Niêm	1969	PGS.T S	0964061111	ldniem@ttn.edu.vn
4	Phó hiệu trưởng	Nguyễn Văn Nam	1967	GVCC. PGS.T S	0766789268	nvnam@ttn.edu.vn
Lãnh đạo chủ chốt Khoa Khoa học Tự nhiên và Công nghệ						
<i>I. Lãnh đạo Khoa Khoa học Tự nhiên và Công nghệ</i>						
1.	Trưởng khoa	Nguyễn Văn Bồng	1978	GVC. PGS.T S	0905851851	nvbong@ttn.edu.vn
2	Phó trưởng khoa	Phạm Hữu Khánh	1975	GVC.T S	0905238905	phkhanh@ttn.edu.vn
<i>II. Các tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên, Công đoàn</i>						
1.	Bí thư chi bộ	Nguyễn Văn Bồng	1978	TS	0905851851	nvbong@ttn.edu.vn
2	Chủ tịch công đoàn khoa	Nguyễn Thị Như	1979	ThS	0906200625	ntnhu@ttn.edu.vn
3	Bí thư Đoàn thanh niên	Nguyễn Quốc Cường	1985	ThS	0973303109	nqcuong@ttn.edu.vn
<i>III. Lãnh đạo các phòng, ban</i>						
1.	Trưởng phòng Đào tạo	Nguyễn Phương Đại Nguyên	1979	GVCC. PGS.T S	0914032103	<u>npdnguyen@ttn.edu.vn</u>

	đại học					
2	Trưởng phòng QLSV	Phạm Trọng Lượng	1976	TS	0915855887	ptluong@ttn.edu. vn
3	Trưởng phòng Khoa học và HTQT	Văn Tiến Dũng	1963	GVCC. PGS.T S	0914075140	vtdung@ttn.edu. vn
4	Trưởng phòng Kế hoạch tài chính	Lê Thế Phiệt	1978	TS	0913484099	<u>ltphiet@ttn.edu.v</u> <u>n</u>
5	Giám đốc Trung tâm hỗ trợ HSSV	Bùi Ngọc Tân	1979	ThS		bntan@ttn.edu.v n
6	Trưởng Phòng Thanh tra - Pháp chế	Nguyễn Thanh Tân		TS		nttan@ttn.edu.vn
7	Trưởng Phòng Tổ chức Cán	Võ Hồng Sinh		TS	0982134220	vhsinh@ttn.edu.v n

	bộ					
8	Phòng Cơ sở vật chất	Nguyễn Văn Thành		ThS		nvthanh@ttn.edu.vn
9	Giám đốc TTTTTV	Vũ Thị Giang		ThS	0907699772	vtgiang@ttn.edu.vn
10	Giám đốc TT Ngoại ngữ tin học	Hồ Thị Phượng	1979	ThS	0122257667 5	htphuong@ttn.edu.vn
11	Phòng QLCL	Huỳnh Văn Quốc		TS	0913471392	hvquoc@ttn.edu.vn
12	Giám đốc TTKHX H Nhân văn Tây Nguyễn	Trương Thông Tuần	1963	TS	0983624518	tttuan@ttn.edu.vn

IV. Trưởng các Bộ môn

1.	Toán	Dương Quốc Huy	1985	GVC.T S	0905616183	duongquochuy@ttn.edu.vn
2	Vật lí	Lê Minh Tân	1982	TS	093 531 8151	lmtan@ttn.edu.vn
3	Hóa học	Phan Tứ Quý	1982	TS	0386994404	phantuquy@ttn.edu.vn

4	Sinh học	Trần Thị Phương Hạnh	1983	TS	0988861311	ttphanh@ttn.edu. vn
5	Công nghệ thông tin	Nguyễn Thị Nhu	1979	ThS	0906200625	ntnphu@ttn.edu.v n
6	CNKTM T	Đặng Thị Thanh Hà	1983	TS	0914486439	dttha@ttn.edu.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: 02

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 01

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 01

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	x	
Không chính quy		x
Từ xa		x
Liên kết đào tạo với nước ngoài		x
Liên kết đào tạo trong nước		x

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): Không có.

32. Tổng số các ngành đào tạo: 02

V. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và NV của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹	8	5	13

¹Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

	<i>Trong đó:</i>			
I.1	Cán bộ trong biên chế	8	5	13
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	0	0
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	0	0	0
	Tổng số	8	5	13

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	6	6	0	4	0	0
5	Thạc sĩ	7	7	0	0	0	0

²Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	13	13	0	4	0	0

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 13 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 100%

35. Quy đổi số lượng GV của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ GDĐT

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3,0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0

4	Tiến sĩ	2	6	6	0	4	0	0	14,4
5	Thạc sĩ	1	7	7	0	0	0	0	7
6	Đại học	0,5	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng		13	13	0	4	0	0	21,4

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	6	46	6	0	0	1	2	2	1
6	Thạc sĩ	7	54	2	5	1	5	1	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	13	100	8	5	1	6	3	2	1

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 41 tuổi.

36.2. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của BM Toán: 46%

36.3. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của BM Toán: 54%

37. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	7	100
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	71.5	0
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	21.5	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	0	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100	100

VI. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, SV, học viên cao học và NCS.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2016-2017	160	53	3,02	40	22,5	-	0
2017-2018	139	40	3,48	33	18,5	-	0
2018-2019	76	27	2,82	18	17	-	0

2019-2020	98	31	3,16	28	18	-	0
2020-2021	57	53	1,08	48	18,5	-	0

39. Thông kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	28	21	15	9	23
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	40	33	18	28	48
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên cao đẳng	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...	0	0	0	0	0

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021

Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0

41. Người học của chương trình đào tạo có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	24.026	24.026	24.026	24.026	24.026
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	20	22	20	18	15
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	20	22	20	18	15
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	13	13	13	13	13

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia NCKH

	Năm học				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Số lượng (người)	2	0	4	0	2
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	2%	0	4%	0	1,5%

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0

2. Học viên tốt nghiệp cao học	42	28	21	30	19
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học	41	37	30	56	40
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...	0	0	0	0	0

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	41	37	30	56	40
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	-	-	-	-	-
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:					

A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	96,8	100	100	96	98
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không học được</i> những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).					

- Sau 6 tháng tốt nghiệp.	75,6	86,5	83,3	85	80
- Sau 12 tháng tốt nghiệp.					
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	24,4	13,5	16,7	15	20
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu)	4,1	3,9	3,8	4,1	4,8
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).					
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).					
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.

- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc

làm.

- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	0	0	0	1	0	1
3	Đề tài cấp trường	0,5	2	1	3	1	1	4
4	Tổng		2	1	3	2	1	5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 5

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của Bộ môn Toán: 0,36

46. Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao
----	-----	----------------------	--	--

		chuyên giao công nghệ (triệu VNĐ)	so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2016	0	0	0
2	2017	0	0	0
3	2018	0	0	0
4	2019	0	0	0
5	2020	0	0	0

47. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	1	4	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	1	4	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	2	0	3	7,5
3	Sách tham khảo	1,0	1	0	0	2	0	3
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0

5	Tổng		1	0	2	2	3	10,5
---	------	--	---	---	---	---	---	------

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 10,5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,75

49. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	5	2	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	1	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	6	2	0

50. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					
			2016	2017	2018	2019	2020	Tổng (đã quy đổi)
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	6	2	2	3	7	30
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	16	5	5	3	2	31
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		22	7	7	6	9	61

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 61

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4,36

51. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	7	12	0
Từ 6 đến 10 bài báo	1	2	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	8	14	0

52. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	1	0	0	1	0	2
2	Hội thảo trong nước	0,5	4	2	2	6	1	7,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	0	1	0,25
4	Tổng		5	2	2	7	2	9,75

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo

dục vì đã được tính 1 lần)

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 9,75

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,70

53. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	0	0	1
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	1

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2016-2017	0
2017-2018	0
2018-2019	0
2019-2020	0
2020-2021	0

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	1	4	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	1	4	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(*Thống kê các giải thưởng NCKH, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố*)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	1	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 396.927 m²

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 4.843 m²

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 10.624m² Nơi học: 20.933 m²

Nơi vui chơi giải trí: 9.731m²

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 20.933

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 20.933/ 12.550

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông

tin – Thư viện: 28

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có):

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 01

- Dùng cho người học học tập: 124 máy

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 124/157

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 13

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 100%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 46%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 54%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 157

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 12

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 90%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 100

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 0

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 82

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 18

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 4

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 80%

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 20%

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,36

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 10,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4,36

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,7

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 124/157

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 20.933/ 12.550

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 24.026/ 12.550

**Phụ lục 2. Quyết định hội đồng tự đánh giá Chương trình đào tạo ngành
Sư phạm Toán học**

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN
Số 1155/QĐ-ĐHTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đắk Lắk, ngày 22 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo
ngành Sư phạm Toán học, trường Đại học Tây Nguyên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298/CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của Hội đồng chính phủ về việc thành lập trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học năm 2012 và sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường Đại học, Cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐDH ngày 28/6/2016 về việc hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 399/QĐ-ĐHTN-QLCL ngày 04/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên về việc ban hành Quy trình tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Xét đề nghị của Trường khoa KHTN&CN và Trường phòng Quản lý chất lượng;
Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập “Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Sư phạm Toán học, trường Đại học Tây Nguyên”, gồm các viên chức có tên trong danh sách các phụ lục kèm theo.

Điều 2. - Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Sư phạm Toán học theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Công văn hướng dẫn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 về việc thay thế tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD;

- Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch hội đồng phân công; Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Lãnh đạo các đơn vị liên quan và các viên chức có tên trong danh sách phụ lục tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCCB (S15b).



TS. Nguyễn Khánh Trúc

Phụ lục I

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH SỰ NGHIỆP GIÁO VIÊN TOÁN HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN
 (Ban hành kèm theo Quyết định số 1155/QĐ-ĐHTN ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	TS. Nguyễn Thanh Trúc	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	PGS. TS. Nguyễn Văn Nam	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ
3	TS. Nguyễn Văn Bồng	Phó Trưởng Khoa (PTC)	Phó Chủ tịch HĐ
4	ThS. Dương Quốc Huy	Phó trưởng BM Toán	Thư ký
5	TS. Phạm Hữu Khánh	PTP. Đào tạo Đại học Đại diện	Thành viên
6	PGS. TS. Lê Đức Niêm	Chủ tịch Hội đồng trường	Thành viên
7	PGS. TS. Nguyễn Phương Đại Nguyên	Hội đồng KH&ĐT	Thành viên
8	ThS. Huỳnh Văn Quốc	TP. Quản lý chất lượng	Thành viên
9	TS. Nguyễn Đình Sỹ	PTP. KH&QHQT	Thành viên
10	ThS. Phạm Quốc Duy	PTP. Cơ sở vật chất	Thành viên
11	ThS. Ngô Thị Hiếu	PTP. Tổ chức cán bộ	Thành viên
12	TS. Phạm Trọng Lượng	TP. Công tác sinh viên	Thành viên
13	TS. Lê Minh Tân	Trưởng BM Vật lý	Thành viên
14	TS. Ngũ Trường Nhân	Phó trưởng BM Hóa	Thành viên
15	TS. Ngô Đình Quốc	Giảng viên BM Toán	Thành viên
16	TS. Trần Thanh Tùng	Giảng viên BM Toán	Thành viên
17	ThS. Nguyễn Ngọc Huệ	Giảng viên BM Toán	Thành viên
18	ThS. Mai Quốc Vũ	Giảng viên BM Toán	Thành viên
19	ThS. Đinh Thị Xinh	Giảng viên BM Toán	Thành viên
20	CN. Nguyễn Thị Phương Đông	Giảng viên BM Toán	Thành viên
21	SV. Lương Thị Nguyệt	SV SP Toán K2018	Thành viên

(Danh sách gồm có 21 người)

Phụ lục II
DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 155/QĐ-DHTN ngày 22 tháng 6 năm 2020
của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên)*

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	ThS. Dương Quốc Huy	Phó trưởng bộ môn	Trưởng Ban
2	CN. Trần Văn Tài	Phòng ĐTDH	Thành viên
3	CN. Trần Minh Trí	Phòng QLCL	Thành viên
4	ThS. Hồ Thị Thu Hà	Giảng viên BM Toán	Thành viên
5	ThS. Lê Bá Thông	Giảng viên BM Toán	Thành viên
6	CN. Đoàn Thị Thủy Vân	Giảng viên BM Toán	Thành viên
7	CN. Hoàng Phạm Hùng Quang	Trợ lý	Thành viên

Phụ lục III
DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

Nhóm	Tiêu chuẩn	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	TC 1 và TC 2	ThS. Dương Quốc Huy	Phó trưởng Bộ môn	Trưởng nhóm
		ThS. Đinh Thị Xinh	Giảng viên	Thành viên
		ThS. Lê Bá Thông	Giảng viên	Thành viên
		TS. Phạm Hữu Khánh	PTP. Đào tạo Đại học	Thành viên
2	TC 3 và TC 4	TS. Ngô Đình Quốc	Giảng viên	Trưởng nhóm
		ThS. Nguyễn Ngọc Huệ	Giảng viên	Thành viên
		ThS. Dương Quốc Huy	Phó trưởng Bộ môn	Thành viên
		TS. Trần Thanh Tùng	Giảng viên	Thành viên
3	TC 5 và TC 6	TS. Phạm Hữu Khánh	PTP. Đào tạo Đại học	Trưởng nhóm
		TS. Nguyễn Văn Bông	Phó Trưởng khoa (PTC)	Thành viên
		ThS. Hồ Thị Thu Hà	Giảng viên	Thành viên
		CN. Đoàn Thị Thủy Vân	Giảng viên	Thành viên
4	TC 7 và TC 8	TS. Trần Thanh Tùng	Giảng viên	Trưởng nhóm
		TS. Ngô Đình Quốc	Giảng viên	Thành viên
		TS. Nguyễn Văn Bông	Phó Trưởng khoa	Thành viên
		ThS. Mai Quốc Vũ	Giảng viên	Thành viên
5	TC 9, TC 10 và TC 11	ThS. Nguyễn Ngọc Huệ	Giảng viên	Trưởng nhóm
		ThS. Đinh Thị Xinh	Giảng viên	Thành viên
		CN. Đoàn Thị Thủy Vân	Giảng viên	Thành viên
		ThS. Hồ Thị Thu Hà	Giảng viên	Thành viên
		CN. Nguyễn Thị Phương Đông	Giảng viên	Thành viên

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH SƯ PHẠM TOÁN HỌC

I. Mục đích tự đánh giá

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT ngành Sư phạm Toán học và đề đăng ký kiểm định chất lượng.

II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT ngành Sư phạm Toán học theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ kiểm định chất lượng. Thời gian tự đánh giá từ năm 2016 đến năm 2020.

III. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT theo bộ tiêu chuẩn của Bộ giáo dục và đào tạo ngành Sư phạm Toán học ban hành kèm theo Thông tư số: 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 03 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn: CV số 769/QLCL- KĐCLGD ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Cục quản lý chất lượng về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH; Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT và Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28 tháng 6 năm 2016 về việc hướng dẫn tự đánh giá CTĐT.

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Sư phạm Toán học được thành lập theo Quyết định số 1155/QĐ-ĐHTN ngày 22 tháng 6 năm 2020 của trường Đại học Tây Nguyên, Hội đồng gồm có 21 thành viên (danh sách kèm theo).

2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo).

3. Phân công thực hiện

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1.	TC1, TC2	Nhóm 1	Tháng 9 – 11/2020	

2.	TC3, TC4	Nhóm 2	Tháng 9 – 11/2020	
3.	TC5, TC6	Nhóm 3	Tháng 9 – 11/2020	
4.	TC7, TC8	Nhóm 4	Tháng 9 – 11/2020	
5.	TC9, TC10, TC11	Nhóm 5	Tháng 9 – 11/2020	

V. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính, ...) và thời điểm cần huy động/ cung cấp

Xác định các nguồn nhân lực, CSVC và tài chính cần huy động hoặc cung cấp cho từng hoạt động và thời gian cần được cung cấp.

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần huy động/ cung cấp	Thời gian	Ghi chú
1	1, 2	- Rà soát mục tiêu, chuẩn đầu ra, bản mô tả CTĐT - Lập danh mục minh chứng - Tập hợp minh chứng của tiêu chuẩn 1, 2	- Thành viên nhóm 1 - GV Khoa KHTN-CN, bộ môn Toán học - Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: phòng Đào tạo, phòng QLCL	Từ 7/9/2020 đến 15/10/2020	
		- Viết báo cáo tự đánh giá Tiêu chuẩn 1, 2 - Thu thập minh chứng bổ sung	- Thành viên nhóm 1 - GV khoa KHTN-CN, bộ môn Toán học - Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: phòng Đào tạo, phòng QLCL	Từ 16/10/2020 đến 15/11/2020	

2	3, 4	- Rà soát cấu trúc và nội dung CTĐT, phương pháp dạy và học - Lập danh mục minh chứng - Tập hợp minh chứng của tiêu chuẩn 3,4	- Thành viên nhóm 2 - GV khoa KHTN-CN, bộ môn Toán học - Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: phòng Đào tạo, phòng QLCL	Từ 11/9/2020 đến 15/10/2020	
		- Viết báo cáo tự đánh giá tiêu chuẩn 3, 4 - Thu thập minh chứng bổ sung	- Thành viên nhóm 2 - GV khoa KHTN-CN, bộ môn Toán học - Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: phòng Đào tạo, phòng QLCL		
3	5, 6	- Rà soát phương pháp và các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học - Rà soát về kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập - Thống kê danh sách đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên - Kiểm tra sơ đồ tổ chức	- Thành viên nhóm 3 - GV khoa KHTN-CN, bộ môn Toán học - Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: phòng Đào tạo, phòng QLCL	Từ 7/9/2020 đến 15/10/2020	

		khoa, bộ môn - Rà soát bảng mô tả công việc đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên - Kiểm tra hồ sơ, bằng cấp, hợp đồng lao động của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên - Rà soát công tác dự giờ, kiểm tra giờ dạy, kiểm tra chương trình dạy, đánh giá năng lực giảng viên, nghiên cứu viên - Lập danh mục minh chứng - Tập hợp minh chứng của tiêu chuẩn 5, 6			
		- Viết báo cáo tự đánh giá tiêu chuẩn 5, 6 - Thu thập minh chứng bổ sung	- Thành viên nhóm 3 - GV khoa KHTN-CN, bộ môn Toán học - Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: phòng Đào tạo, phòng QLCL	Từ 16/10/2020 đến 15/11/2020	
4	7,8	- Thống kê danh sách đội ngũ nhân viên - Rà soát bảng mô tả công việc đội ngũ nhân viên - Kiểm tra hồ sơ, bằng	- Thành viên nhóm 4 - GV khoa KHTN-CN, bộ môn Toán học	Từ 7/9/2020 đến 15/10/2020	

		cấp, hợp đồng lao động của đội ngũ nhân viên - Rà soát công tác tuyển sinh - Thống kê các báo cáo về hoạt động học tập, hoạt động ngoại khóa, Đoàn, hội, ... của người học - Rà soát công tác tư vấn học tập, đào tạo kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng chuẩn đầu ra của người học - Lập danh mục minh chứng - Tập hợp minh chứng của tiêu chuẩn 7, 8	- Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: phòng Đào tạo, phòng TCCB, phòng QLCL, khoa		
		- Viết báo cáo tự đánh giá tiêu chuẩn 7, 8 - Thu thập minh chứng bổ sung	- Thành viên nhóm 4 - GV khoa KHTN-CN, bộ môn Toán học - Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: phòng Đào tạo, phòng TCCB, phòng QLCL, khoa	Từ 16/10/2020 đến 15/11/2020	
5	9,10,11	- Thống kê CSVC, trang thiết bị - Rà soát và tập hợp số liệu về ý kiến phản hồi về	- Thành viên nhóm 5 - GV khoa KHTN-CN, bộ	Từ 7/9/2020 đến 15/10/2020	

		CSVC, trang thiết bị - Rà soát hoạt động đánh giá và cải tiến quá trình dạy và học. - Rà soát hoạt động đánh giá và cải tiến quá trình dạy và học, hoạt động đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan - Tập hợp số liệu về ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT, về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ - Thống kê số lượng SV thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỉ lệ SV có việc làm - Thống kê các NCKH của GV và người học - Lập danh mục minh chứng - Tập hợp minh chứng tiêu chuẩn 9, 10, 11	môn Toán học - Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: phòng Đào tạo, phòng QLCL, phòng KH-QHQT		
		- Viết báo cáo tự đánh giá tiêu chuẩn 9, 10, 11 - Thu thập minh chứng bổ sung	- Thành viên nhóm 5 - GV khoa KHTN-CN, bộ môn Toán học - Đơn vị phối hợp	Từ 16/10/2020 đến 15/11/2020	

			cung cấp minh chứng: phòng Đào tạo, phòng QLCL, phòng KH-QHQT		
--	--	--	---	--	--

VI. Kế hoạch thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (nếu cần)

Xác định các thông tin cần thu thập từ bên ngoài, nguồn cung cấp, thời gian cần thu thập, kinh phí cần có.

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Nguồn cung cấp	Thời gian	Ghi chú
1	1, 2	- Khảo sát nhu cầu thị trường lao động - Khảo sát lấy ý kiến đơn vị tuyển dụng, cựu SV về mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Sư phạm Toán học	- Các đơn vị tuyển dụng - Cựu SV ngành Sư phạm Toán học	Từ 1/2021 đến 3/2021	
2	10, 11	- Khảo sát đơn vị tuyển dụng, cựu SV, SV ngành SPHH về chất lượng CTĐT, chất lượng SV ra trường, về tình hình việc làm	- Các đơn vị tuyển dụng - SV và cựu SV ngành Sư phạm Toán học	Từ 1/2021 đến 3/2021	

VII. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai tự đánh giá (nếu cần)

Hiện tại, ngành Sư phạm Toán học chưa có kế hoạch thuê chuyên gia. Trong quá trình thực hiện, nếu cần sẽ bổ sung sau.

VIII. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian thực hiện tự đánh giá CTĐT (khoảng 6 - 8 tháng), theo lịch trình tham khảo sau:

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 1 – 2	1. Họp Lãnh đạo Khoa và Bộ môn Toán học để thảo luận mục

Thời gian	Nội dung hoạt động
(15/7/2020 đến 30/7/2020)	đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT cấp khoa, thư kí chương trình và các nhóm chuyên trách. 2. Dựa trên đề xuất nhân sự của ban chủ nhiệm khoa, Hiệu trưởng Nhà trường ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Sư phạm Toán học. 3. Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để: • Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; • Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; • Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng tự đánh giá cấp khoa; • Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT cấp khoa.
Tuần 3 – 4 (01/8/2020 đến 16/8/2020)	1. Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, GV, nhân viên và SV tham gia thực hiện CTĐT. 2. Khoa tổ chức tập huấn cho toàn thể cán bộ, GV, nhân viên và SV về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT theo chuẩn Bộ giáo dục và Đào tạo. 3. Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thông qua: • Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT; • Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); • Trình Hiệu trưởng đề nghị phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá. • Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng.
Tuần 5 – 10 (17/8/2020 đến	1. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự

Thời gian	Nội dung hoạt động
28/9/2020)	phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT Sản phẩm: Phụ lục 3 - Lập dự thảo cho phiếu đánh giá tiêu chí Sản phẩm: Phụ lục 4a (dạng dự thảo) - Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. - Mô tả thông tin và minh chứng thu được. - Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT. - Họp hội đồng tự đánh giá CTĐT cấp khoa để rà soát lại các phiếu phân tích tiêu chí và các dự kiến minh chứng theo tiêu chí Sản phẩm: 50 phiếu phân tích tiêu chí tìm thông tin minh chứng (Phụ lục 3)
Tuần 9 – 15 (29/9/2020 đến 15/11/2020)	- Các nhóm công tác chuyên trách hoàn thiện phiếu đánh giá tiêu chí (Phụ lục 4a) - Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). - Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). Sản phẩm: Phiếu đánh giá tiêu chí (Phụ lục 4a)
Tuần 16-17 (16/11/2020 đến 30/11/2020)	Hội đồng tự đánh giá CTĐT cấp khoa để: - Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được;

Thời gian	Nội dung hoạt động
	• Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; • Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT. Sản phẩm: Danh mục minh chứng hoàn chỉnh cho từng tiêu chí, tiêu chuẩn
Tuần 18-19 (01/12/2020 đến 15/12/2020)	1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT cấp khoa xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa, cách hành văn. 2. Các nhóm chuyên trách viết dự thảo báo cáo lần 1 (dựa trên phụ lục 4a)
Tuần 20-21 (16/12/2020 đến 30/12/2020)	1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, ... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý. 2. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, ...) trong nội bộ Nhà trường và khoa KHTN-CN. 3. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, GV, nhân viên, người học, đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá. 4. Hội đồng tự đánh giá cấp khoa họp để bổ sung và hoàn thiện báo cáo theo góp ý và phản biện
Tuần 22-24 (04/01/2021 đến 25/01/2021)	1. Các nhóm chuyên trách chỉnh sửa báo cáo theo góp ý 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện; 3. Hội đồng tự đánh giá CTĐT cấp khoa thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho Hội đồng tự đánh giá cấp Trường để xem xét.
Tuần 25-26 (26/01/2021 đến 05/02/2021)	1. Thư ký chương trình gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho hội đồng đánh giá cấp trường. 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT cấp khoa bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để họp đồng với tổ chức KĐCLGD để thẩm định báo cáo tự

Thời gian	Nội dung hoạt động
	đánh giá trước khi đánh giá ngoài
Tuần 27-30 (06/02/2021 đến 06/03/2021) (2 tuần nghỉ tết)	Hội đồng cấp trường tổ chức đánh giá đồng cấp
Tuần 31-33 (07/03/2021 đến 27/03/2021)	1. Các nhóm chuyên trách sửa báo cáo sau đánh giá đồng cấp 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT cấp khoa rà soát, kiểm tra báo cáo
Tuần 34 (28/03/2021 đến 04/04/2021)	Chuẩn bị hồ sơ và chuẩn bị đánh giá ngoài

Nơi nhận:

HIỆU TRƯỞNG

- Các đơn vị;

- Lưu Văn Thư; p.QLCL, BM Toán học